

DANH SÁCH KH NHẬN THƯỞNG THÁNG 8 (1/8-4/9/2022)

STT	Họ tên khách hàng	Số tài khoản	Số tiền (VNĐ)	Giải thưởng	Tuần
1	PHAM THI MINH	22XXX556	1,000,000	TOP 10	Tuần 3
2	DANG CHU HONG DIEP	18XXX267	1,000,000	TOP 10	Tuần 3
3	VAN THE QUOC	33XXX999	1,000,000	TOP 10	Tuần 3
4	DO DUC NHAT	24XXX683	1,000,000	TOP 10	Tuần 3
5	DUONG THI BICH	66XXX366	1,000,000	TOP 10	Tuần 3
6	TRAN VAN KHOA	94XXX888	1,000,000	TOP 10	Tuần 3
7	TRAN TRUNG NGUYEN	25XXX792	1,000,000	TOP 10	Tuần 3
8	NGUYEN VY DIEM	25XXX899	1,000,000	TOP 10	Tuần 3
9	NGUYEN DINH VIET MY	08XXX350	1,000,000	TOP 10	Tuần 3
10	HOANG THI VAN	26XXX256	1,000,000	TOP 10	Tuần 3
11	NGUYEN TRONG QUAN	62XXX194	1,000,000	TOP 10	Tuần 4
12	NGUYEN ANH DUC	16XXX868	1,000,000	TOP 10	Tuần 4
13	BUI THU HIEN	25XXX018	1,000,000	TOP 10	Tuần 4
14	PHAM THI PHUONG	24XXX638	1,000,000	TOP 10	Tuần 4
15	VO MINH QUANG	24XXX628	1,000,000	TOP 10	Tuần 4
16	VU THI HAU	30XXX294	1,000,000	TOP 10	Tuần 4
17	DANG NGOC LINH	24XXX077	1,000,000	TOP 10	Tuần 4
18	TRAN VAN CONG	25XXX924	1,000,000	TOP 10	Tuần 4
19	NGUYEN HAI HUYEN NHI	84XXX896	1,000,000	TOP 10	Tuần 4
20	LA NGOC VI	26XXX735	1,000,000	TOP 10	Tuần 4
21	NGUYEN VAN SANG	20XXX747	1,000,000	TOP 10	Tuần 5
22	PHAM QUANG DUNG	11XXX997	1,000,000	TOP 10	Tuần 5
23	THIEU QUANG CUONG	24XXX673	1,000,000	TOP 10	Tuần 5
24	NGUYEN TUAN DAT	21XXX576	1,000,000	TOP 10	Tuần 5
25	NGUYEN DUC TUYEN	03XXX201	1,000,000	TOP 10	Tuần 5
26	LE MINH HIEU	24XXX748	1,000,000	TOP 10	Tuần 5
27	PHAM THI HUONG	18XXX992	1,000,000	TOP 10	Tuần 5
28	MAI THI THUY ANH	81XXX368	1,000,000	TOP 10	Tuần 5
29	DO THI THUY HONG	59XXX997	1,000,000	TOP 10	Tuần 5
30	BUI VAN HOA	80XXX999	1,000,000	TOP 10	Tuần 5
31	LE THI THANH HIEN	13XXX378	1,000,000	TOP 10	Tuần 6
32	NGUYEN TRUNG NGHIA	25XXX865	1,000,000	TOP 10	Tuần 6
33	NGUYEN NGOC HOANG	19XXX142	1,000,000	TOP 10	Tuần 6
34	LE THI LAN	24XXX238	1,000,000	TOP 10	Tuần 6
35	VU THI HUYEN TRANG	59XXX296	1,000,000	TOP 10	Tuần 6
36	PHAM VAN QUAN	99XXX759	1,000,000	TOP 10	Tuần 6
37	NGUYEN CAM HUONG	25XXX002	1,000,000	TOP 10	Tuần 6
38	DO THI NGOC ANH	09XXX559	1,000,000	TOP 10	Tuần 6
39	NGUYEN THI MAI HUONG	09XXX290	1,000,000	TOP 10	Tuần 6
40	TRAN THI HUONG	24XXX147	1,000,000	TOP 10	Tuần 6
41	NGUYEN THI DOAN	20XXX323	1,000,000	TOP 10	Tuần 7
42	NGUYEN GIA LOI	18XXX964	1,000,000	TOP 10	Tuần 7
43	TRAN QUANG DAO	23XXX274	1,000,000	TOP 10	Tuần 7
44	PHAN THI THO	22XXX425	1,000,000	TOP 10	Tuần 7
45	LE BINH AN	23XXX092	1,000,000	TOP 10	Tuần 7
46	BUI VAN DU	08XXX559	1,000,000	TOP 10	Tuần 7
47	NGUYEN VAN TUNG	03XXX487	1,000,000	TOP 10	Tuần 7
48	VU DINH DAI	03XXX840	1,000,000	TOP 10	Tuần 7
49	DO XUAN HONG	66XXX686	1,000,000	TOP 10	Tuần 7
50	DO THI THU	09XXX926	1,000,000	TOP 10	Tuần 7
65	DUONG QUOC CUONG	57XXX775	60,000	Top 1000	
324	VU MINH TUAN	87XXX693	60,000	Top 1000	
189	VUONG KHA HOANG	12XXX888	40,000	Top 1000	
192	LY CAO BANG	20XXX911	40,000	Top 1000	
255	NGUYEN THI PHUONG	21XXX737	40,000	Top 1000	
575	NGUYEN DUC HAO	11XXX563	40,000	Top 1000	
620	DINH CANH DUONG	11XXX927	40,000	Top 1000	
749	DUONG HOANG ANH	12XXX788	40,000	Top 1000	
908	NGUYEN VAN PHUONG	13XXX736	40,000	Top 1000	
977	NGUYEN VAN TOI	14XXX528	40,000	Top 1000	

1393	LE THI THUY NGAN	16XXX795	40,000	Top 1000	
1420	NGUYEN VAN TRIEN	16XXX528	40,000	Top 1000	
1729	NGUYEN VAN HOAN	18XXX528	40,000	Top 1000	
1753	SUDESH KUMAR R GANESAN	18XXX738	40,000	Top 1000	
1777	CHU THI THU THAO	18XXX245	40,000	Top 1000	
1808	NGUYEN VAN TIEN	18XXX422	40,000	Top 1000	
1830	NGUYEN VAN HIEU	18XXX567	40,000	Top 1000	
1939	DOAN THANH TUAN	18XXX919	40,000	Top 1000	
1973	HOANG THI MINH PHUONG	19XXX958	40,000	Top 1000	
2044	TRAN HA TUYEN	19XXX399	40,000	Top 1000	
2115	NGUYEN QUANG VINH	21XXX521	40,000	Top 1000	
2435	LE THI THANH LAM	21XXX655	40,000	Top 1000	
2479	DO VAN TUAN	21XXX429	40,000	Top 1000	
2484	DUONG VAN MUA	21XXX627	40,000	Top 1000	
2518	HA THI BICH HA	21XXX124	40,000	Top 1000	
2722	NGUYEN NGOC HUYEN	22XXX788	40,000	Top 1000	
2728	PHAM QUANG TUNG	92XXX447	40,000	Top 1000	
2859	DU THI PHUONG THANH	23XXX427	40,000	Top 1000	
2962	BUI VAN THUC	23XXX057	40,000	Top 1000	
2976	HOANG THI HUONG	23XXX913	40,000	Top 1000	
3027	NGUYEN VIET PHU	29XXX968	40,000	Top 1000	
3116	DUONG THI NGOC	91XXX996	40,000	Top 1000	
3220	BUI THI HOP	24XXX392	40,000	Top 1000	
3324	DO THI PHUONG THANH	10XXX393	40,000	Top 1000	
3342	NGO VAN NGOC	70XXX994	40,000	Top 1000	
3449	TRAN MINH TIEN	11XXX222	40,000	Top 1000	
3501	NGUYEN THI PHUONG	24XXX857	40,000	Top 1000	
3555	TONG VAN MANH	24XXX708	40,000	Top 1000	
3640	MAI THI THUY ANH	81XXX368	40,000	Top 1000	
3736	NGUYEN DUC HOA	36XXX991	40,000	Top 1000	
3742	THAI QUOC NAM	10XXX981	40,000	Top 1000	
3792	NGUYEN DANH DUC	52XXX707	40,000	Top 1000	
4090	LE THI YEN NHI	18XXX423	40,000	Top 1000	
4268	LUONG THI NAM	25XXX798	40,000	Top 1000	
4432	TRAN NGOC HIEU	60XXX033	40,000	Top 1000	
4533	NGUYEN THI TRA MY	25XXX851	40,000	Top 1000	
4552	TRAN PHUONG CHINH	09XXX131	40,000	Top 1000	
4617	VI VAN TUAN	26XXX268	40,000	Top 1000	
4655	TRUONG VAN THAO	09XXX215	40,000	Top 1000	
4779	PHAM VAN HIEN	03XXX811	40,000	Top 1000	
51	LE THI KIM OANH	56XXX491	20,000	Top 1000	
52	LE THANH TUAN	66XXX978	20,000	Top 1000	
53	DOAN LE DUONG	56XXX157	20,000	Top 1000	
54	NGUYEN VAN BINH	56XXX421	20,000	Top 1000	
55	DINH THANH HAI	56XXX993	20,000	Top 1000	
56	NGUYEN VAN KIEN	99XXX666	20,000	Top 1000	
57	NGUYEN THI MINH HUONG	56XXX488	20,000	Top 1000	
58	NGUYEN NAM	20XXX892	20,000	Top 1000	
59	TRAN VIET DUC	56XXX828	20,000	Top 1000	
60	HOANG THI NHUNG	78XXX389	20,000	Top 1000	
61	BUI VU QUANG	21XXX886	20,000	Top 1000	
62	LUU TRONG THINH	13XXX138	20,000	Top 1000	
63	HOANG THI THU DUNG	14XXX447	20,000	Top 1000	
64	TRAN VAN LOI	57XXX282	20,000	Top 1000	
66	CHU XUAN DUNG	63XXX222	20,000	Top 1000	
67	NGUYEN TUAN ANH	57XXX898	20,000	Top 1000	
68	NGUYEN THI THU	57XXX563	20,000	Top 1000	
69	NGUYEN MINH DUNG	58XXX367	20,000	Top 1000	
70	DANG TUYET NHUNG	17XXX611	20,000	Top 1000	
71	TRUONG LE THUY	58XXX332	20,000	Top 1000	
72	TRINH THIEU KHANH	75XXX265	20,000	Top 1000	
73	NGUYEN KINH UY	58XXX905	20,000	Top 1000	
74	DO THE KHUONG	58XXX418	20,000	Top 1000	

75	NGUYEN TRONG KHIEM	96XXX028	20,000	Top 1000	
76	HA HONG HAO	60XXX182	20,000	Top 1000	
77	KHUAT DUY TRUONG	25XXX445	20,000	Top 1000	
78	NGUYEN XUAN LONG	59XXX268	20,000	Top 1000	
79	TRUONG QUANG HUY	59XXX393	20,000	Top 1000	
80	LUU THI HANG GIANG	59XXX167	20,000	Top 1000	
81	PHAN TRUONG QUANG	59XXX328	20,000	Top 1000	
82	NGUYEN HUYEN TRAM	16XXX044	20,000	Top 1000	
83	TA THUY LINH	59XXX218	20,000	Top 1000	
84	TRAN NGOC BIEN	17XXX436	20,000	Top 1000	
85	NGUYEN THI HUONG	60XXX544	20,000	Top 1000	
86	HA THI HAI HOAN	60XXX714	20,000	Top 1000	
87	PHAM THI THUY	60XXX538	20,000	Top 1000	
88	NGUYEN THI HONG VAN	61XXX521	20,000	Top 1000	
89	VU HAI LINH	61XXX445	20,000	Top 1000	
90	NGUYEN THI NGUYET	61XXX026	20,000	Top 1000	
91	DO DUY HANG	61XXX255	20,000	Top 1000	
92	NGUYEN THI DUNG	61XXX972	20,000	Top 1000	
93	LE THI NGOC ANH	61XXX137	20,000	Top 1000	
94	LE HAI HANH	61XXX843	20,000	Top 1000	
95	THI DUOC	24XXX571	20,000	Top 1000	
96	DANG MINH DUC	62XXX924	20,000	Top 1000	
97	VU THI CHINH	62XXX158	20,000	Top 1000	
98	NGO XUAN DAT	62XXX545	20,000	Top 1000	
99	LAI THI KIM CHUNG	62XXX037	20,000	Top 1000	
100	NGUYEN THE NGOC	62XXX076	20,000	Top 1000	
101	HA DANG LINH	62XXX215	20,000	Top 1000	
102	UONG THI PHUONG	62XXX487	20,000	Top 1000	
103	LE DUC TUOC	62XXX967	20,000	Top 1000	
104	NGUYEN KHAC SAM	62XXX215	20,000	Top 1000	
105	DO DUC HOANG	62XXX444	20,000	Top 1000	
106	NGUYEN CONG BINH	62XXX875	20,000	Top 1000	
107	DO TRUONG QUAN	62XXX332	20,000	Top 1000	
108	NGUYEN DINH CUONG	62XXX166	20,000	Top 1000	
109	DO TAN BINH	96XXX991	20,000	Top 1000	
110	NGUYEN QUANG HUY	62XXX529	20,000	Top 1000	
111	DO THE THANG	62XXX747	20,000	Top 1000	
112	TA DINH TU	62XXX278	20,000	Top 1000	
113	KIEU QUANG KIEN	62XXX163	20,000	Top 1000	
114	DOAN VAN THAI	20XXX471	20,000	Top 1000	
115	VU THI THANH HUYEN	52XXX998	20,000	Top 1000	
116	DUONG THI HIEN	69XXX992	20,000	Top 1000	
117	NGUYEN THI THUY DUONG	13XXX706	20,000	Top 1000	
118	NGUYEN VAN PHONG	68XXX888	20,000	Top 1000	
119	LY THI HUONG GIANG	63XXX426	20,000	Top 1000	
120	TRAN THANG LONG	15XXX398	20,000	Top 1000	
121	PHAM TUAN VU	63XXX515	20,000	Top 1000	
122	DO HOAI NAM	63XXX041	20,000	Top 1000	
123	HOANG VAN HAU	09XXX989	20,000	Top 1000	
124	MAI BA GON	23XXX433	20,000	Top 1000	
125	DO HOANG SON	64XXX141	20,000	Top 1000	
126	LUONG THI HUYEN	22XXX808	20,000	Top 1000	
127	NGUYEN MANH TUONG	64XXX856	20,000	Top 1000	
128	NGO QUANG LONG	21XXX054	20,000	Top 1000	
129	DO HOANG VIET	64XXX135	20,000	Top 1000	
130	DONG THI THUY	11XXX063	20,000	Top 1000	
131	NGUYEN THI THUY DUNG	64XXX973	20,000	Top 1000	
132	TRAN VAN TRUNG	64XXX184	20,000	Top 1000	
133	LE TRUNG KIEN	64XXX592	20,000	Top 1000	
134	DUONG VAN HAU	64XXX731	20,000	Top 1000	
135	VO MINH PHU	65XXX355	20,000	Top 1000	
136	CHU XUAN CHIEU	64XXX444	20,000	Top 1000	
137	TRAN VAN DUNG	26XXX397	20,000	Top 1000	

138	NGUYEN THI NGOC THY	83XXX811	20,000	Top 1000	
139	TRAN TUAN ANH	65XXX672	20,000	Top 1000	
140	CHU THI THAO	18XXX407	20,000	Top 1000	
141	HUYNH THI HOAI THU	65XXX211	20,000	Top 1000	
142	NGUYEN THANH CONG	66XXX008	20,000	Top 1000	
143	LE ANH DUNG	66XXX183	20,000	Top 1000	
144	TRAN THI MAI SUONG	16XXX008	20,000	Top 1000	
145	NGUYEN DUY DUONG	38XXX669	20,000	Top 1000	
146	NGO THI KIM THOA	67XXX008	20,000	Top 1000	
147	VU THI GIANG	91XXX879	20,000	Top 1000	
148	LE VAN CHINH	68XXX688	20,000	Top 1000	
149	PHAN PHUONG HIEN	68XXX752	20,000	Top 1000	
150	DOAI CONG VAN	20XXX416	20,000	Top 1000	
151	NGUYEN TRUNG TINH	68XXX319	20,000	Top 1000	
152	PHAM THI LAN ANH	15XXX338	20,000	Top 1000	
153	TRINH NGOC SON	97XXX999	20,000	Top 1000	
154	PHAN THI LOC	69XXX585	20,000	Top 1000	
155	DAO THI HONG VAN	33XXX999	20,000	Top 1000	
156	LE THI NGHI	95XXX878	20,000	Top 1000	
157	NGUYEN THI THUY HANG	09XXX550	20,000	Top 1000	
158	TRAN DUY PHUOC	70XXX786	20,000	Top 1000	
159	NGUYEN VAN VIET	11XXX471	20,000	Top 1000	
160	DINH THUY THUY NGA	70XXX254	20,000	Top 1000	
161	THAI NGOC HAU	70XXX549	20,000	Top 1000	
162	BUI THI NGOC	25XXX097	20,000	Top 1000	
163	NGUYEN XUAN CONG	15XXX999	20,000	Top 1000	
164	TA THI THU HANG	70XXX031	20,000	Top 1000	
165	PHAM VAN CHINH	18XXX247	20,000	Top 1000	
166	TRUONG MONG TUYEN	88XXX183	20,000	Top 1000	
167	VI VAN HIEN	52XXX822	20,000	Top 1000	
168	TRAN THI HOA	22XXX182	20,000	Top 1000	
169	LE NGOC THANH	52XXX922	20,000	Top 1000	
170	TA QUANG HIEP	52XXX019	20,000	Top 1000	
171	TA THI HUYEN NGOC	21XXX206	20,000	Top 1000	
172	VU VAN HA	71XXX798	20,000	Top 1000	
173	THACH MINH TAM	71XXX153	20,000	Top 1000	
174	LE VAN DUNG	20XXX368	20,000	Top 1000	
175	TRINH THI THUY HANG	15XXX333	20,000	Top 1000	
176	LE TRONG HANH	71XXX647	20,000	Top 1000	
177	PHUNG MINH VAN	71XXX529	20,000	Top 1000	
178	PHAM THI NHAT LE	71XXX208	20,000	Top 1000	
179	LE THI HUE	61XXX988	20,000	Top 1000	
180	TRAN THI HAU	72XXX176	20,000	Top 1000	
181	NGUYEN THI MAI	23XXX045	20,000	Top 1000	
182	NGHIEM THI MY LINH	72XXX382	20,000	Top 1000	
183	NGUYEN THI HONG HANH	12XXX744	20,000	Top 1000	
184	NGUYEN VAN DUOC	17XXX685	20,000	Top 1000	
185	NGUYEN VAN TUNG	26XXX272	20,000	Top 1000	
186	NGUYEN VAN TRIEU	09XXX775	20,000	Top 1000	
187	NGUYEN THI THOM	73XXX591	20,000	Top 1000	
188	LAM TAN VIET	15XXX335	20,000	Top 1000	
190	NGUYEN TRUONG AN	18XXX225	20,000	Top 1000	
191	DANG HUNG CUONG	22XXX408	20,000	Top 1000	
193	NGUYEN ANH DUC	10XXX386	20,000	Top 1000	
194	PHAM THI THANH NGA	73XXX944	20,000	Top 1000	
195	NGUYEN THE ANH	73XXX469	20,000	Top 1000	
196	NGUYEN THI TAM	15XXX425	20,000	Top 1000	
197	LUONG VAN CHANH	73XXX662	20,000	Top 1000	
198	NGUYEN DUC HUY	73XXX203	20,000	Top 1000	
199	HOANG VAN HUONG	25XXX357	20,000	Top 1000	
200	NGUYEN NGOC NGOI	74XXX293	20,000	Top 1000	
201	NGUYEN VAN DAO	06XXX996	20,000	Top 1000	
202	VU THI THAO	74XXX261	20,000	Top 1000	

203	NGUYEN THI NGAN	74XXX466	20,000	Top 1000	
204	NGUYEN BA TINH	74XXX404	20,000	Top 1000	
205	DAO THI THU	98XXX666	20,000	Top 1000	
206	NGUYEN VAN THANH	24XXX832	20,000	Top 1000	
207	LE VAN HIEN	74XXX353	20,000	Top 1000	
208	NGUYEN NGOC ANH	75XXX617	20,000	Top 1000	
209	TRAN VU KHA	75XXX884	20,000	Top 1000	
210	NGUYEN VIET QUOC	10XXX992	20,000	Top 1000	
211	DANG THANH DIEP	75XXX851	20,000	Top 1000	
212	LE VAN TRUNG	17XXX995	20,000	Top 1000	
213	VU THI KIM THANH	83XXX172	20,000	Top 1000	
214	HOANG TRAN THANH NHUNG	23XXX249	20,000	Top 1000	
215	DO HUU VIET	97XXX308	20,000	Top 1000	
216	NGUYEN MINH TUAN	75XXX665	20,000	Top 1000	
217	LE VAN DANG	76XXX376	20,000	Top 1000	
218	TRAN TUAN KHANH	76XXX246	20,000	Top 1000	
219	NGUYEN TAN ANH	66XXX867	20,000	Top 1000	
220	LE VAN DO	76XXX124	20,000	Top 1000	
221	VU MANH HA	76XXX886	20,000	Top 1000	
222	DO THI DIEM QUYNH	86XXX998	20,000	Top 1000	
223	VU HUU CUONG	77XXX205	20,000	Top 1000	
224	NGUYEN XUAN LUONG	77XXX139	20,000	Top 1000	
225	NGUYEN THI HUONG	77XXX353	20,000	Top 1000	
226	NGUYEN VAN LIEN	80XXX972	20,000	Top 1000	
227	TRUONG MINH TAM	77XXX968	20,000	Top 1000	
228	TRAN THI HONG LIEN	87XXX535	20,000	Top 1000	
229	BUI THI THAI	88XXX275	20,000	Top 1000	
230	NGUYEN THI KIM ANH	77XXX888	20,000	Top 1000	
231	BUI THI NHiet	13XXX258	20,000	Top 1000	
232	BUI THI HUYEN	78XXX088	20,000	Top 1000	
233	PHAM VAN HUNG	78XXX424	20,000	Top 1000	
234	DAU THI HUONG	78XXX458	20,000	Top 1000	
235	NGUYEN TRUNG KIEN	78XXX325	20,000	Top 1000	
236	DINH THI VUI	11XXX789	20,000	Top 1000	
237	PHAM THANH DIEN	79XXX493	20,000	Top 1000	
238	TRAN VAN HUNG	79XXX827	20,000	Top 1000	
239	HOANG THI NGA	79XXX505	20,000	Top 1000	
240	NGUYEN THI HOAI	79XXX689	20,000	Top 1000	
241	NGUYEN THI THUY	12XXX475	20,000	Top 1000	
242	PHAM THI TUYET NHUNG	88XXX515	20,000	Top 1000	
243	NGUYEN THI KHANH HONG	79XXX389	20,000	Top 1000	
244	HOANG VAN THINH	16XXX232	20,000	Top 1000	
245	TRAN TO TRINH	79XXX582	20,000	Top 1000	
246	HOANG NGOC TIEP	79XXX603	20,000	Top 1000	
247	NGUYEN THI NHU QUYNH	79XXX861	20,000	Top 1000	
248	HOANG MANH HUNG	22XXX171	20,000	Top 1000	
249	VU VIET CUONG	90XXX119	20,000	Top 1000	
250	CAO THI TRANG	86XXX618	20,000	Top 1000	
251	TRAN TRONG NGAN	88XXX008	20,000	Top 1000	
252	DO THI CUC	80XXX203	20,000	Top 1000	
253	NGUYEN THU HUONG	26XXX711	20,000	Top 1000	
254	NGUYEN THI NGOC ANH	80XXX188	20,000	Top 1000	
256	NGO DUY BAO NGOC	10XXX327	20,000	Top 1000	
257	TRUONG NGOC DIEP	35XXX044	20,000	Top 1000	
258	NGUYEN THI PHUONG THUY	11XXX979	20,000	Top 1000	
259	DAU BA HOANG	81XXX286	20,000	Top 1000	
260	BUI NGOC LAN	26XXX778	20,000	Top 1000	
261	NGUYEN THI DUYEN	86XXX731	20,000	Top 1000	
262	VU THI LUONG VI	81XXX852	20,000	Top 1000	
263	TRAN THI MAI TUYET	18XXX373	20,000	Top 1000	
264	NGUYEN HAI HA	20XXX387	20,000	Top 1000	
265	BUI THI THUY	81XXX718	20,000	Top 1000	
266	NGUYEN THI THU HUYEN	82XXX684	20,000	Top 1000	

267	DUONG VAN KHAC	82XXX948	20,000	Top 1000	
268	NGUYEN THI DIEM	23XXX506	20,000	Top 1000	
269	BUI THI LIEN	82XXX928	20,000	Top 1000	
270	NGUYEN QUANG THACH	25XXX773	20,000	Top 1000	
271	PHAM NGOC HA	15XXX033	20,000	Top 1000	
272	LAI THU HUONG	82XXX638	20,000	Top 1000	
273	NGUYEN HUU CUONG	82XXX042	20,000	Top 1000	
274	NGUYEN VAN HUNG	17XXX776	20,000	Top 1000	
275	NGUYEN THI HONG VAN	38XXX099	20,000	Top 1000	
276	NGUYEN PHUONG THAO	19XXX799	20,000	Top 1000	
277	TRAN THI NGUYEN	23XXX622	20,000	Top 1000	
278	NGUYEN THI PHUONG	16XXX349	20,000	Top 1000	
279	HA VAN HAO	14XXX173	20,000	Top 1000	
280	DANG THANH TUNG	10XXX317	20,000	Top 1000	
281	HUYNH TY	83XXX858	20,000	Top 1000	
282	BUI THI HA QUE	11XXX881	20,000	Top 1000	
283	NGUYEN THI HUONG THOM	83XXX246	20,000	Top 1000	
284	NGUYEN VAN HIEU	88XXX888	20,000	Top 1000	
285	DO QUANG THUONG	83XXX838	20,000	Top 1000	
286	TRAN THI THUY	83XXX538	20,000	Top 1000	
287	DOAN KIM LUAN	22XXX937	20,000	Top 1000	
288	PHAM THI THUY MUI	45XXX888	20,000	Top 1000	
289	HOANG QUANG VIEN	83XXX481	20,000	Top 1000	
290	VO CONG LAP	83XXX726	20,000	Top 1000	
291	VU HONG TRANG	10XXX633	20,000	Top 1000	
292	DUONG THANH PHU	84XXX907	20,000	Top 1000	
293	NGUYEN VAN TOAN	84XXX408	20,000	Top 1000	
294	LUONG VAN MINH	26XXX989	20,000	Top 1000	
295	TRAN VAN HONG	23XXX853	20,000	Top 1000	
296	PHAM THI THU TRANG	84XXX785	20,000	Top 1000	
297	PHUNG DUC TUAN	84XXX347	20,000	Top 1000	
298	NGUYEN VAN DUNG	80XXX989	20,000	Top 1000	
299	DO THI LAN	66XXX666	20,000	Top 1000	
300	NGUYEN THI QUYEN	20XXX986	20,000	Top 1000	
301	LE DANG CHINH	84XXX863	20,000	Top 1000	
302	DUONG MANH CUONG	84XXX046	20,000	Top 1000	
303	MAI THI THU HIEN	84XXX548	20,000	Top 1000	
304	TRUONG QUANG VY	85XXX629	20,000	Top 1000	
305	NGUYEN THI VAN ANH	85XXX068	20,000	Top 1000	
306	PHAM THI MO	85XXX827	20,000	Top 1000	
307	NGO VAN THUC	20XXX888	20,000	Top 1000	
308	NGUYEN TRUNG HIEU	86XXX899	20,000	Top 1000	
309	PHAM NGOC TU	86XXX375	20,000	Top 1000	
310	LE VAN TUNG	17XXX383	20,000	Top 1000	
311	TO MINH DUC	11XXX791	20,000	Top 1000	
312	HA THI QUE MAI	86XXX939	20,000	Top 1000	
313	NGUYEN TIEN LONG	86XXX083	20,000	Top 1000	
314	TRAN THI DAO	28XXX988	20,000	Top 1000	
315	PHAM HOANG HAI NAM	20XXX859	20,000	Top 1000	
316	PHAM THI YEN	16XXX328	20,000	Top 1000	
317	VU CHIEN QUAN	16XXX228	20,000	Top 1000	
318	DUONG CONG DAI	87XXX757	20,000	Top 1000	
319	TRAN MINH HUNG	87XXX929	20,000	Top 1000	
320	VO HOANG PHI	23XXX261	20,000	Top 1000	
321	VUONG HONG LAN	45XXX009	20,000	Top 1000	
322	LE THI AI	12XXX596	20,000	Top 1000	
323	TRAN THI KIM	12XXX572	20,000	Top 1000	
325	LE THANH PHU	87XXX297	20,000	Top 1000	
326	NGUYEN CHI THANH	87XXX178	20,000	Top 1000	
327	PHAM THI XIEM	87XXX655	20,000	Top 1000	
328	DIEU THI HAI YEN	87XXX315	20,000	Top 1000	
329	CHAU HOAI THANH	36XXX179	20,000	Top 1000	
330	NGUYEN THANH TUNG	22XXX068	20,000	Top 1000	

331	PHAM THI MEN	18XX932	20,000	Top 1000	
332	DUONG THI MY LINH	88XX888	20,000	Top 1000	
333	VUONG THI THUY	88XX534	20,000	Top 1000	
334	NGUYEN THI TUYET NHUNG	88XX078	20,000	Top 1000	
335	VU VAN DUAN	29XX968	20,000	Top 1000	
336	NGO THI ANH DAO	22XX256	20,000	Top 1000	
337	NGUYEN QUANG TUAN	19XX096	20,000	Top 1000	
338	TRAN VAN HA	88XX277	20,000	Top 1000	
339	NGUYEN THI THU HIEN	88XX417	20,000	Top 1000	
340	NGUYEN THI PHUONG	12XX888	20,000	Top 1000	
341	VU VAN HOANG	89XX118	20,000	Top 1000	
342	NINH THI LIEN	89XX112	20,000	Top 1000	
343	TRUONG THI ANH TUYET	89XX037	20,000	Top 1000	
344	LUONG VAN UOC	89XX667	20,000	Top 1000	
345	PHAM KHANH LINH	24XX474	20,000	Top 1000	
346	LE THI HA	19XX127	20,000	Top 1000	
347	NGUYEN DINH THANH	10XX183	20,000	Top 1000	
348	GIAP VAN CONG	09XX197	20,000	Top 1000	
349	NGUYEN HONG TUAN	16XX615	20,000	Top 1000	
350	PHAM TRAN KHANH NGAN	89XX249	20,000	Top 1000	
351	BUI NGOC DIEN	89XX509	20,000	Top 1000	
352	NGUYEN THANH SANG	89XX548	20,000	Top 1000	
353	PHAM THI THU TRANG	26XX367	20,000	Top 1000	
354	LUONG VAN TIEN	03XX358	20,000	Top 1000	
355	TONG DUC DUY	13XX997	20,000	Top 1000	
356	LE THI THUY VAN	13XX883	20,000	Top 1000	
357	DANG THI THUY	90XX479	20,000	Top 1000	
358	TRAN NGOC HA MY	23XX017	20,000	Top 1000	
359	PHAM THI KIM THOA	12XX735	20,000	Top 1000	
360	TRAN THI YEN	20XX677	20,000	Top 1000	
361	LE TRONG DUONG	90XX877	20,000	Top 1000	
362	NGUYEN HUU TOAN	19XX356	20,000	Top 1000	
363	NGUYEN VAN HUNG	15XX757	20,000	Top 1000	
364	ONG KHAC TRUONG	90XX495	20,000	Top 1000	
365	DANG THANH TRANG	90XX599	20,000	Top 1000	
366	LY SINH MANH TUYEN	90XX722	20,000	Top 1000	
367	TRIEU KHANH THINH	90XX838	20,000	Top 1000	
368	LUONG VAN NUOI	90XX832	20,000	Top 1000	
369	HOANG THI KHANG	90XX464	20,000	Top 1000	
370	NGUYEN THI HAO	90XX313	20,000	Top 1000	
371	NGUYEN THI THAO	15XX949	20,000	Top 1000	
372	VO THANH TRUNG	91XX863	20,000	Top 1000	
373	NGUYEN THI HUE	10XX979	20,000	Top 1000	
374	TRAN THI MY	91XX152	20,000	Top 1000	
375	LUONG THI HANH	12XX666	20,000	Top 1000	
376	TRIEU THI QUYNH	91XX826	20,000	Top 1000	
377	NGUYEN THI LIU(HUE)	91XX327	20,000	Top 1000	
378	TRAN VIET BANG	91XX627	20,000	Top 1000	
379	DANG VAN MINH	91XX274	20,000	Top 1000	
380	NGO THI HOAI THUONG	91XX638	20,000	Top 1000	
381	NGUYEN THI THUY	23XX191	20,000	Top 1000	
382	DO THI HUONG	14XX267	20,000	Top 1000	
383	TRUONG THI THU HANG	92XX688	20,000	Top 1000	
384	LE THI MAN	92XX876	20,000	Top 1000	
385	NGUYEN VAN HAU	92XX705	20,000	Top 1000	
386	NGUYEN TIN	92XX092	20,000	Top 1000	
387	TRAN QUOC HUNG	92XX492	20,000	Top 1000	
388	LE THI THANH THUY	92XX841	20,000	Top 1000	
389	NGUYEN PHUONG TRANG	19XX333	20,000	Top 1000	
390	LE THI LANH	92XX443	20,000	Top 1000	
391	HOANG VAN MANH	18XX458	20,000	Top 1000	
392	HOANG DINH THU	92XX545	20,000	Top 1000	
393	DOAN THI CAM VAN	92XX374	20,000	Top 1000	

394	HA VAN THINH	18XXX765	20,000	Top 1000	
395	DO HUONG GIANG	15XXX598	20,000	Top 1000	
396	DANG THI PHUONG LAN	93XXX534	20,000	Top 1000	
397	ME VAN THIEN	26XXX743	20,000	Top 1000	
398	TRAN KHAC HIEP	09XXX114	20,000	Top 1000	
399	DAO PHUC TI	68XXX686	20,000	Top 1000	
400	TRINH THI LINH	10XXX686	20,000	Top 1000	
401	TRAN THI MY LINH	93XXX639	20,000	Top 1000	
402	NGUYEN TIEN DUNG	33XXX974	20,000	Top 1000	
403	MAI THI BICH TRAM	94XXX913	20,000	Top 1000	
404	VU DINH THAI	94XXX595	20,000	Top 1000	
405	HA MINH TU	94XXX295	20,000	Top 1000	
406	NGUYEN TRUONG GIANG	28XXX025	20,000	Top 1000	
407	HOANG VAN MEN	94XXX079	20,000	Top 1000	
408	DO VAN TONG	94XXX935	20,000	Top 1000	
409	HUYNH THI THUY HANG	96XXX638	20,000	Top 1000	
410	LUU THI THANH TU	96XXX649	20,000	Top 1000	
411	LU KIEU HOANG TAN	96XXX782	20,000	Top 1000	
412	NGUYEN VAN QUAN	96XXX203	20,000	Top 1000	
413	TRAN ANH NINH	96XXX298	20,000	Top 1000	
414	NGUYEN TRUNG DUNG	96XXX396	20,000	Top 1000	
415	NGUYEN THI THU XUYEN	18XXX511	20,000	Top 1000	
416	NGUYEN NGOC HA	95XXX122	20,000	Top 1000	
417	DO THI THU HIEN	96XXX411	20,000	Top 1000	
418	VU THI MINH HUYEN	13XXX987	20,000	Top 1000	
419	VU THANH NAM	18XXX912	20,000	Top 1000	
420	TRINH VIET ANH	24XXX741	20,000	Top 1000	
421	LE THI GIANG	97XXX777	20,000	Top 1000	
422	NGUYEN THI THUY DUY	22XXX067	20,000	Top 1000	
423	NGUYEN QUANG PHAT	16XXX842	20,000	Top 1000	
424	NGO XUAN HOANG	68XXX983	20,000	Top 1000	
425	TRAN TUAN PHONG	13XXX555	20,000	Top 1000	
426	TA QUOC DUNG	39XXX999	20,000	Top 1000	
427	DO THU THUY	68XXX969	20,000	Top 1000	
428	NGUYEN THI THU TRANG	97XXX873	20,000	Top 1000	
429	HUYNH VAN PHONG	97XXX633	20,000	Top 1000	
430	TRAN LAN THI	97XXX482	20,000	Top 1000	
431	LE THI TRANG	97XXX087	20,000	Top 1000	
432	THACH MINH PHUNG	60XXX969	20,000	Top 1000	
433	NGUYEN TIEN DUNG	13XXX658	20,000	Top 1000	
434	DINH THI CONG	98XXX938	20,000	Top 1000	
435	BACH VAN LOI	26XXX986	20,000	Top 1000	
436	DAO PHU DUY	22XXX743	20,000	Top 1000	
437	NGUYEN PHUC KHANH	23XXX317	20,000	Top 1000	
438	NGUYEN THI LAN	99XXX459	20,000	Top 1000	
439	CHU THI BICH HANH	99XXX027	20,000	Top 1000	
440	HO THI HONG THAO	99XXX957	20,000	Top 1000	
441	NGUYEN THI MY CHAU	99XXX016	20,000	Top 1000	
442	CHU THI HOA	99XXX081	20,000	Top 1000	
443	NGUYEN XUAN HOANG	10XXX727	20,000	Top 1000	
444	HOANG THI LOAN	99XXX889	20,000	Top 1000	
445	TRAN THI THAI KIEU	11XXX106	20,000	Top 1000	
446	NGUYEN HOANG DUY	10XXX207	20,000	Top 1000	
447	DANG THI NHI	23XXX373	20,000	Top 1000	
448	NGUYEN DUC MINH	10XXX473	20,000	Top 1000	
449	PHAM THI BE SAU	10XXX398	20,000	Top 1000	
450	DOAN THUY DUONG	15XXX011	20,000	Top 1000	
451	DO VAN THO	10XXX718	20,000	Top 1000	
452	LE TRUNG LINH	12XXX705	20,000	Top 1000	
453	LE MINH DUNG	09XXX316	20,000	Top 1000	
454	CHU THI KIM	62XXX555	20,000	Top 1000	
455	PHAM THUY HANG	10XXX097	20,000	Top 1000	
456	DO THI MAI	20XXX893	20,000	Top 1000	

457	NGUYEN THI BICH THA	20XXX699	20,000	Top 1000	
458	PHAM THU PHUONG	13XXX697	20,000	Top 1000	
459	NGUYEN THI VAN ANH	56XXX599	20,000	Top 1000	
460	TRAN THI THANH HUYEN	10XXX558	20,000	Top 1000	
461	TRINH THI HANH	10XXX417	20,000	Top 1000	
462	PHAM THI BE	10XXX901	20,000	Top 1000	
463	TRUONG THI LOAN	10XXX412	20,000	Top 1000	
464	TONG THI ANH NGUYET	10XXX528	20,000	Top 1000	
465	MAI THI THUONG	10XXX486	20,000	Top 1000	
466	NGO THI THUY	10XXX717	20,000	Top 1000	
467	CAO THI PHUONG	03XXX154	20,000	Top 1000	
468	DAO THI THOA	10XXX018	20,000	Top 1000	
469	DANG THI HAI	10XXX005	20,000	Top 1000	
470	DOAN THI THUY	10XXX748	20,000	Top 1000	
471	TRAN THI THUY TIEN	10XXX731	20,000	Top 1000	
472	DANG THI HONG	10XXX857	20,000	Top 1000	
473	NGUYEN NGOC NGUY	10XXX447	20,000	Top 1000	
474	NGUYEN THI DIEN	10XXX879	20,000	Top 1000	
475	NGUYEN VIET TRUNG	10XXX026	20,000	Top 1000	
476	TRAN THI TUYET MAI	10XXX158	20,000	Top 1000	
477	NGUYEN THI HONG VAN	10XXX921	20,000	Top 1000	
478	DO XUAN CUONG	53XXX944	20,000	Top 1000	
479	DINH THI NHUNG	12XXX286	20,000	Top 1000	
480	TRINH THI THUY NGA	18XXX789	20,000	Top 1000	
481	NONG THI KIM DUNG	10XXX085	20,000	Top 1000	
482	NGUYEN THI NGOC HA	16XXX384	20,000	Top 1000	
483	LE THI DIEN	10XXX204	20,000	Top 1000	
484	PHAM THI THUY LAN	10XXX528	20,000	Top 1000	
485	HO ANH DUC	10XXX139	20,000	Top 1000	
486	LUU VAN HIEU	10XXX198	20,000	Top 1000	
487	PHAM THI NGOC THU	10XXX933	20,000	Top 1000	
488	NGUYEN VAN PHUONG	10XXX819	20,000	Top 1000	
489	VONG DICH TRUC NGUYEN	10XXX176	20,000	Top 1000	
490	PHAM THI DAN	13XXX342	20,000	Top 1000	
491	NGUYEN THANH THUY	10XXX211	20,000	Top 1000	
492	NGUYEN VAN THUM	10XXX091	20,000	Top 1000	
493	NGUYEN VAN TRUONG	18XXX633	20,000	Top 1000	
494	PHAM THI HONG	10XXX025	20,000	Top 1000	
495	NINH THI LOAN	10XXX234	20,000	Top 1000	
496	PHAM THI NGOC BICH	10XXX328	20,000	Top 1000	
497	NGUYEN THI MAI KHANH	10XXX299	20,000	Top 1000	
498	PHAM NGOC LAN	22XXX722	20,000	Top 1000	
499	LE THI THU HUONG	93XXX562	20,000	Top 1000	
500	NGO THI HAI YEN	10XXX097	20,000	Top 1000	
501	PHAM XUAN DOAN	10XXX277	20,000	Top 1000	
502	HUYNH HUY THIEN	10XXX507	20,000	Top 1000	
503	LUU KHANH PHUONG	72XXX996	20,000	Top 1000	
504	HOANG THAI HA	10XXX107	20,000	Top 1000	
505	LE THANH QUAN	56XXX988	20,000	Top 1000	
506	TRAN VINH HOI	31XXX962	20,000	Top 1000	
507	NGO VAN TUAN	10XXX475	20,000	Top 1000	
508	NGUYEN PHUC NINH	10XXX994	20,000	Top 1000	
509	NGUYEN THI NGOC HUYEN	10XXX328	20,000	Top 1000	
510	TRAN THI LAN ANH	10XXX163	20,000	Top 1000	
511	VU THI LINH	10XXX605	20,000	Top 1000	
512	NGUYEN THI UYEN CHI	10XXX778	20,000	Top 1000	
513	NGUYEN VAN CHUNG	10XXX348	20,000	Top 1000	
514	NGUYEN TAN DUNG	11XXX704	20,000	Top 1000	
515	TRAN QUOC BINH	10XXX092	20,000	Top 1000	
516	DO DUNG VIET	10XXX816	20,000	Top 1000	
517	MAI THI TUYET DIEN	90XXX333	20,000	Top 1000	
518	NGUYEN THI MY HA	10XXX998	20,000	Top 1000	
519	TRAN VAN HUNG	10XXX534	20,000	Top 1000	

520	NGUYEN THI THU	10XXX669	20,000	Top 1000	
521	TRAN LE HOANG	22XXX976	20,000	Top 1000	
522	NGUYEN THI MAI	69XXX999	20,000	Top 1000	
523	HOANG NHO TINH	10XXX648	20,000	Top 1000	
524	NONG KIM YEN	10XXX158	20,000	Top 1000	
525	TRAN THI THU THAO	10XXX727	20,000	Top 1000	
526	NGUYEN MANH HUNG	10XXX548	20,000	Top 1000	
527	LE VAN NAM	10XXX626	20,000	Top 1000	
528	NGUYEN XUAN NHUT	23XXX395	20,000	Top 1000	
529	BUI THI HANH	12XXX007	20,000	Top 1000	
530	NGUYEN THI THANH NGA	10XXX651	20,000	Top 1000	
531	KHUONG HOAI CHAU	10XXX707	20,000	Top 1000	
532	NGUYEN VAN CUONG	10XXX105	20,000	Top 1000	
533	CHU DUC TIEN	10XXX228	20,000	Top 1000	
534	LE DUY THANH	22XXX374	20,000	Top 1000	
535	LE HUY TOAN	10XXX058	20,000	Top 1000	
536	NGUYEN THI NGA	16XXX992	20,000	Top 1000	
537	NGUYEN TIEN DAT	03XXX049	20,000	Top 1000	
538	LE THI HIEP	10XXX473	20,000	Top 1000	
539	DAO THI XOA	10XXX907	20,000	Top 1000	
540	TRAN THI THU HUYEN	10XXX905	20,000	Top 1000	
541	HOANG CONG DUNG	21XXX458	20,000	Top 1000	
542	NGUYEN SONG QUYNH NHU	66XXX495	20,000	Top 1000	
543	HOANG THI ANH TUYET	10XXX256	20,000	Top 1000	
544	NGUYEN VAN TU	10XXX557	20,000	Top 1000	
545	DINH VAN TIEN	10XXX399	20,000	Top 1000	
546	LE XUAN AN	10XXX388	20,000	Top 1000	
547	NGO QUANG THIEN	11XXX678	20,000	Top 1000	
548	DANG HAI ANH	11XXX364	20,000	Top 1000	
549	NGUYEN VAN HOANG	11XXX111	20,000	Top 1000	
550	LE THI MY KIM	11XXX867	20,000	Top 1000	
551	LE VAN TUNG	11XXX609	20,000	Top 1000	
552	THACH SO VIET	11XXX365	20,000	Top 1000	
553	NGUYEN DANG KHUONG	11XXX039	20,000	Top 1000	
554	TRAN VAN HUNG	23XXX745	20,000	Top 1000	
555	DUONG QUOC AN	13XXX628	20,000	Top 1000	
556	LE THI DIEU	11XXX797	20,000	Top 1000	
557	TRAN THI HANH	11XXX187	20,000	Top 1000	
558	DAO NGUYEN PHU	11XXX148	20,000	Top 1000	
559	TA VAN HUNG	11XXX807	20,000	Top 1000	
560	DINH TRA MY	11XXX388	20,000	Top 1000	
561	TRAN THE NHAN	11XXX939	20,000	Top 1000	
562	BUI HOANG KHAI	11XXX524	20,000	Top 1000	
563	THAN THI DUYEN	11XXX932	20,000	Top 1000	
564	NGUYEN NHAT MINH	14XXX365	20,000	Top 1000	
565	NGUYEN HUU HUNG	11XXX811	20,000	Top 1000	
566	TRAN THI THO	11XXX614	20,000	Top 1000	
567	LAM QUANG VIEN	11XXX871	20,000	Top 1000	
568	NONG THI VAN ANH	11XXX446	20,000	Top 1000	
569	VU DUC BINH	12XXX133	20,000	Top 1000	
570	BUI VAN KHUONG	11XXX025	20,000	Top 1000	
571	TRAN THE TUAN	20XXX995	20,000	Top 1000	
572	DAO THI NGA	15XXX505	20,000	Top 1000	
573	PHAM VAN LONG	11XXX299	20,000	Top 1000	
574	TO THANH MINH TUAN	23XXX507	20,000	Top 1000	
576	NGUYEN THANH LONG	11XXX298	20,000	Top 1000	
577	PHAM THI NGA	12XXX902	20,000	Top 1000	
578	LE THI TU SUONG	11XXX518	20,000	Top 1000	
579	PHUNG THANH LONG	17XXX016	20,000	Top 1000	
580	DO SON HAI	11XXX947	20,000	Top 1000	
581	LUONG THI LE	11XXX773	20,000	Top 1000	
582	PHAN VAN MINH TU	11XXX747	20,000	Top 1000	
583	NGUYEN THI THANH THUY	11XXX444	20,000	Top 1000	

584	NGUYEN KHAC QUI	11XXX313	20,000	Top 1000	
585	NGUYEN THI QUYNH	11XXX909	20,000	Top 1000	
586	NGUYEN CHI KIEN	10XXX999	20,000	Top 1000	
587	NGUYEN HOANG THONG	11XXX312	20,000	Top 1000	
588	TRINH LAN HUONG	11XXX368	20,000	Top 1000	
589	HO THI HUYEN CHI	11XXX893	20,000	Top 1000	
590	LA VI KHANG	11XXX667	20,000	Top 1000	
591	DUONG VAN PHONG	22XXX678	20,000	Top 1000	
592	DO THI PHUONG	11XXX152	20,000	Top 1000	
593	NGUYEN THI MAI KA	20XXX818	20,000	Top 1000	
594	HOANG THANH THAO	09XXX165	20,000	Top 1000	
595	NGUYEN VAN BAC	11XXX138	20,000	Top 1000	
596	HOANG THI HOA	26XXX793	20,000	Top 1000	
597	VU VAN ANH	11XXX301	20,000	Top 1000	
598	LE THI CHUONG	11XXX772	20,000	Top 1000	
599	NGO THI HIEN	24XXX587	20,000	Top 1000	
600	NGO VAN HAU	11XXX873	20,000	Top 1000	
601	VU TIEN DAT	19XXX873	20,000	Top 1000	
602	PHAM XUAN HUY	11XXX825	20,000	Top 1000	
603	PHAM THI THUY	11XXX245	20,000	Top 1000	
604	BUI PHUONG THAO	11XXX426	20,000	Top 1000	
605	NGUYEN THI PHUONG HONG THUY	30XXX584	20,000	Top 1000	
606	NGUYEN QUOC BAO	11XXX877	20,000	Top 1000	
607	TRAN THU PHUONG	11XXX993	20,000	Top 1000	
608	KHONG THI NHAN	11XXX071	20,000	Top 1000	
609	NGUYEN VAN QUAN	11XXX769	20,000	Top 1000	
610	TRAN VAN THAI	11XXX156	20,000	Top 1000	
611	TRAN DINH BAC	09XXX987	20,000	Top 1000	
612	THE VAN HOANG	51XXX538	20,000	Top 1000	
613	NGUYEN THI NGUYET	11XXX294	20,000	Top 1000	
614	HOANG KIM LIEN	13XXX267	20,000	Top 1000	
615	MAI THI THU THAO	11XXX839	20,000	Top 1000	
616	NGUYEN THI THU HUONG	59XXX976	20,000	Top 1000	
617	DINH PHUONG THUY DUONG	11XXX922	20,000	Top 1000	
618	NGUYEN TUYET CHINH	11XXX628	20,000	Top 1000	
619	PHAM VU HUYEN CHI	11XXX908	20,000	Top 1000	
621	NGUYEN HOAI NAM	11XXX228	20,000	Top 1000	
622	NGUYEN THI TRAM	11XXX287	20,000	Top 1000	
623	BUI NGUYEN HONG VY	11XXX857	20,000	Top 1000	
624	DO THI HUE	11XXX951	20,000	Top 1000	
625	BUI THI THUY QUYNH	11XXX595	20,000	Top 1000	
626	DO THI HONG	11XXX247	20,000	Top 1000	
627	DO HONG HAI	11XXX588	20,000	Top 1000	
628	NGUYEN THI BICH LANH	11XXX015	20,000	Top 1000	
629	NGUYEN VAN QUANG	11XXX513	20,000	Top 1000	
630	TRAN VU HOAI NHIE	18XXX647	20,000	Top 1000	
631	PHAM VAN PHUONG	11XXX401	20,000	Top 1000	
632	NGUYEN TUNG LAM	11XXX382	20,000	Top 1000	
633	TRAN MANH TIEN	12XXX334	20,000	Top 1000	
634	NGUYEN THI DUNG	13XXX188	20,000	Top 1000	
635	NGUYEN THE HUNG	12XXX352	20,000	Top 1000	
636	PHAM THANH TUNG	12XXX865	20,000	Top 1000	
637	VO QUOC BA CAN	12XXX438	20,000	Top 1000	
638	DOAN THI THU THAO	19XXX257	20,000	Top 1000	
639	TRIEU THI CHINH	12XXX232	20,000	Top 1000	
640	NGUYEN THI DUYEN	12XXX696	20,000	Top 1000	
641	PHAM THI HONG THU	12XXX704	20,000	Top 1000	
642	NGUYEN THI HA GIANG	12XXX954	20,000	Top 1000	
643	NGUYEN THI XINH	22XXX505	20,000	Top 1000	
644	LE BICH NGOC	10XXX999	20,000	Top 1000	
645	CHU MY LINH	12XXX226	20,000	Top 1000	
646	NGUYEN BICH PHUONG	12XXX447	20,000	Top 1000	

647	PHUNG THI ANH HONG	12XXX973	20,000	Top 1000	
648	LE THI KIM YEN	12XXX651	20,000	Top 1000	
649	NGUYEN THE TAI	11XXX222	20,000	Top 1000	
650	DANG MINH TUAN	13XXX788	20,000	Top 1000	
651	NGUYEN DUY MINH	24XXX433	20,000	Top 1000	
652	NGUYEN THI THOM	12XXX878	20,000	Top 1000	
653	LE THI HA	12XXX148	20,000	Top 1000	
654	DANG VAN THANG	12XXX109	20,000	Top 1000	
655	NGUYEN THI HAN	12XXX748	20,000	Top 1000	
656	TRUONG THI HONG HUE	12XXX393	20,000	Top 1000	
657	NGUYEN THI LUU	12XXX617	20,000	Top 1000	
658	PHAM THI OANH	12XXX708	20,000	Top 1000	
659	NGUYEN THI DUNG	12XXX182	20,000	Top 1000	
660	NGUYEN THI THOM	12XXX971	20,000	Top 1000	
661	DAM THI THIEU	12XXX978	20,000	Top 1000	
662	VU THI HONG	22XXX187	20,000	Top 1000	
663	PHAM XUAN LOC	23XXX027	20,000	Top 1000	
664	TRIEU THI LIEN	12XXX305	20,000	Top 1000	
665	NGUYEN QUANG TOAN	13XXX286	20,000	Top 1000	
666	NGUYEN VAN NHAT	12XXX418	20,000	Top 1000	
667	PHAN THI NGOC ANH	12XXX799	20,000	Top 1000	
668	LUU HOANG PHI	17XXX978	20,000	Top 1000	
669	PHAN THI NHU OANH	12XXX793	20,000	Top 1000	
670	LUONG VAN TINH	23XXX445	20,000	Top 1000	
671	PHAM THI HIEN	12XXX252	20,000	Top 1000	
672	LE THI HAI	12XXX129	20,000	Top 1000	
673	PHAM MINH TU	12XXX134	20,000	Top 1000	
674	HOANG GIA BAO THI	12XXX328	20,000	Top 1000	
675	NGO THI HUONG	12XXX577	20,000	Top 1000	
676	VU THI THUY LINH	12XXX288	20,000	Top 1000	
677	NGUYEN LONG BINH	12XXX524	20,000	Top 1000	
678	NGUYEN THI HA	34XXX355	20,000	Top 1000	
679	PHAN VAN KY	12XXX175	20,000	Top 1000	
680	BUI XUAN VAN	17XXX977	20,000	Top 1000	
681	PHAN THI HANG	12XXX693	20,000	Top 1000	
682	BUI THI TINH	12XXX979	20,000	Top 1000	
683	HA THI LAN ANH	14XXX639	20,000	Top 1000	
684	DO VAN KIEN	12XXX267	20,000	Top 1000	
685	DANG THI NGOC ANH	12XXX273	20,000	Top 1000	
686	LE THO CHINH	12XXX027	20,000	Top 1000	
687	DUONG VAN CHI	12XXX534	20,000	Top 1000	
688	HA MINH NHAT	24XXX395	20,000	Top 1000	
689	NGUYEN THI LUONG	12XXX764	20,000	Top 1000	
690	TRINH VAN BIEN	09XXX988	20,000	Top 1000	
691	TRAN NAM TRUNG	12XXX937	20,000	Top 1000	
692	NGO THI THU HIEN	19XXX247	20,000	Top 1000	
693	LE THI HUONG	22XXX447	20,000	Top 1000	
694	VU THI HONG	12XXX118	20,000	Top 1000	
695	TRAN THANH XUAN	88XXX005	20,000	Top 1000	
696	PHAM GIA TU	22XXX445	20,000	Top 1000	
697	DO VAN GIANG	12XXX514	20,000	Top 1000	
698	VU THE LONG	12XXX381	20,000	Top 1000	
699	BUI VAN QUAN	12XXX516	20,000	Top 1000	
700	PHUNG THI QUYEN	12XXX404	20,000	Top 1000	
701	LE THI QUYEN	12XXX588	20,000	Top 1000	
702	DANG NGOC KHA	12XXX488	20,000	Top 1000	
703	LE MINH SON	12XXX187	20,000	Top 1000	
704	NGUYEN THI THUY	12XXX054	20,000	Top 1000	
705	NINH THI DUYEN	12XXX271	20,000	Top 1000	
706	TRAN VAN TY	12XXX694	20,000	Top 1000	
707	NGUYEN DUY DAI	12XXX069	20,000	Top 1000	
708	PHAM NGOC HOA	12XXX049	20,000	Top 1000	
709	NGUYEN VAN SON	12XXX738	20,000	Top 1000	

710	BUI THI MO	12XXX258	20,000	Top 1000	
711	PHAM MINH QUANG	12XXX859	20,000	Top 1000	
712	DOAN THI HUONG	12XXX154	20,000	Top 1000	
713	VI THI BE	12XXX608	20,000	Top 1000	
714	DO VAN THANH	12XXX052	20,000	Top 1000	
715	NGUYEN THI HUONG	12XXX461	20,000	Top 1000	
716	TRAN THI TRANG	12XXX184	20,000	Top 1000	
717	HOANG VIET LONG	12XXX728	20,000	Top 1000	
718	LAM THI PHUONG THAO	12XXX898	20,000	Top 1000	
719	NGUYEN DINH TAI	46XXX017	20,000	Top 1000	
720	TRAN THI THUY	12XXX788	20,000	Top 1000	
721	DOAN THI PHUONG THUY	12XXX817	20,000	Top 1000	
722	NGUYEN HUY HOAN	12XXX123	20,000	Top 1000	
723	NGUYEN THANH TRAN	12XXX883	20,000	Top 1000	
724	DO THI THU	19XXX869	20,000	Top 1000	
725	TRAN HUU TUAN	12XXX449	20,000	Top 1000	
726	NGUYEN THI HIEN	03XXX983	20,000	Top 1000	
727	DO THI HUYEN	12XXX687	20,000	Top 1000	
728	LE THI THUY	15XXX179	20,000	Top 1000	
729	QUACH THANH NHO	12XXX724	20,000	Top 1000	
730	TRAN NGOC DIEU	09XXX666	20,000	Top 1000	
731	MAC VAN HUNG	12XXX188	20,000	Top 1000	
732	NGUYEN THI KHANH	12XXX886	20,000	Top 1000	
733	BUI THI THUY TIEN	16XXX479	20,000	Top 1000	
734	GIAP HUY HIEU	18XXX008	20,000	Top 1000	
735	DINH VAN SON	17XXX303	20,000	Top 1000	
736	NGO THI KIM NGOC	12XXX708	20,000	Top 1000	
737	NGUYEN THI LY	12XXX482	20,000	Top 1000	
738	DOAN THI YEN	12XXX709	20,000	Top 1000	
739	DUONG LE VINH	12XXX494	20,000	Top 1000	
740	NGUYEN THI TUYET NHUNG	15XXX575	20,000	Top 1000	
741	MAI SY VUONG	56XXX758	20,000	Top 1000	
742	NGUYEN VAN ANH	12XXX312	20,000	Top 1000	
743	DANG DUC ANH	12XXX382	20,000	Top 1000	
744	LE THI VAN ANH	80XXX333	20,000	Top 1000	
745	PHAM HONG NHAT	12XXX099	20,000	Top 1000	
746	NGUYEN CHI DUNG	12XXX598	20,000	Top 1000	
747	DO VAN BINH	12XXX608	20,000	Top 1000	
748	NGUYEN THI MAI HONG	12XXX937	20,000	Top 1000	
750	LUONG XUAN THANG	12XXX368	20,000	Top 1000	
751	NGUYEN QUOC LAP	12XXX888	20,000	Top 1000	
752	HO PHUONG NGOC	12XXX515	20,000	Top 1000	
753	PHAM THI LANH	60XXX408	20,000	Top 1000	
754	DINH CONG LUONG	12XXX951	20,000	Top 1000	
755	DINH THI QUY	12XXX686	20,000	Top 1000	
756	NGUYEN THANH THUC	12XXX983	20,000	Top 1000	
757	NGUYEN THAO ANH	12XXX128	20,000	Top 1000	
758	LE THI THAM	12XXX071	20,000	Top 1000	
759	LAM VIET HA	39XXX337	20,000	Top 1000	
760	LE THI THU TRANG	12XXX777	20,000	Top 1000	
761	KIEU DO NGOC TRINH	12XXX638	20,000	Top 1000	
762	NGUYEN DUC TUYEN	12XXX727	20,000	Top 1000	
763	BUI THI THU HUONG	12XXX724	20,000	Top 1000	
764	TRAN MINH TRANG	12XXX046	20,000	Top 1000	
765	LUU VAN DUNG	23XXX135	20,000	Top 1000	
766	HOANG LAM OANH	12XXX726	20,000	Top 1000	
767	NGUYEN THI THUY DIEM	12XXX237	20,000	Top 1000	
768	PHUNG VAN THAO	13XXX828	20,000	Top 1000	
769	NGUYEN THI TUONG VI	39XXX997	20,000	Top 1000	
770	HOANG THI NGA	12XXX266	20,000	Top 1000	
771	NGUYEN VAN QUANG	13XXX991	20,000	Top 1000	
772	DO TIEN THAO	12XXX658	20,000	Top 1000	
773	DO NGOC THANH	17XXX468	20,000	Top 1000	

774	NGUYEN VAN HIEU	19XXX047	20,000	Top 1000	
775	PHAM TRONG QUYET	13XXX251	20,000	Top 1000	
776	NGUYEN THI TAM	13XXX252	20,000	Top 1000	
777	NGUYEN VAN HAI	13XXX762	20,000	Top 1000	
778	CHU QUANG HOP	13XXX887	20,000	Top 1000	
779	PHAM VIET ANH	13XXX682	20,000	Top 1000	
780	PHAM THI NGOC MAI	13XXX178	20,000	Top 1000	
781	DOAN THI HUONG	24XXX929	20,000	Top 1000	
782	VU BA TUAN	13XXX748	20,000	Top 1000	
783	TRAN VINH QUANG	13XXX697	20,000	Top 1000	
784	NGUYEN THI THUONG	13XXX692	20,000	Top 1000	
785	DUONG VAN DONG	13XXX397	20,000	Top 1000	
786	DANG THU HA	13XXX323	20,000	Top 1000	
787	NGUYEN DO HOANG GIANG	13XXX477	20,000	Top 1000	
788	DO THI THANH HOA	13XXX702	20,000	Top 1000	
789	DO THI XINH	66XXX224	20,000	Top 1000	
790	NGUYEN THUY DUNG	13XXX468	20,000	Top 1000	
791	NGUYEN VAN PHUC	13XXX137	20,000	Top 1000	
792	PHAM THI TUYEN	13XXX171	20,000	Top 1000	
793	TRINH XUAN THU	13XXX068	20,000	Top 1000	
794	TRAN THANH HUYEN	13XXX117	20,000	Top 1000	
795	TRAN THI HOAI ANH	13XXX222	20,000	Top 1000	
796	NGUYEN THI HONG	13XXX034	20,000	Top 1000	
797	NGUYEN VAN THANG	13XXX645	20,000	Top 1000	
798	TRAN THI NGOC ANH	13XXX726	20,000	Top 1000	
799	BUI VAN THANG	13XXX152	20,000	Top 1000	
800	TRAN VAN TRAN	13XXX407	20,000	Top 1000	
801	BUI THI THU THUY	13XXX768	20,000	Top 1000	
802	GIANG SEO QUANG	13XXX099	20,000	Top 1000	
803	PHAM LUU HUYNH	13XXX363	20,000	Top 1000	
804	DANG XUAN HOA	14XXX112	20,000	Top 1000	
805	TRAN QUANG KHAI	13XXX905	20,000	Top 1000	
806	NGUYEN THI HA	13XXX548	20,000	Top 1000	
807	MAI PHUC VUONG	96XXX888	20,000	Top 1000	
808	NGUYEN DINH DIEN	13XXX798	20,000	Top 1000	
809	NGUYEN CONG THANH	13XXX074	20,000	Top 1000	
810	VU VAN HUU	13XXX263	20,000	Top 1000	
811	PHAM THI TUYET NGAN	13XXX344	20,000	Top 1000	
812	TRAN THI BICH PHUONG	13XXX029	20,000	Top 1000	
813	BUI HUU THONG	13XXX352	20,000	Top 1000	
814	PHAN THI QUYNH TRANG	13XXX357	20,000	Top 1000	
815	PHAM VAN THANH	13XXX445	20,000	Top 1000	
816	NGUYEN THI DUNG	13XXX653	20,000	Top 1000	
817	NGUYEN THI THANH HIEN	13XXX548	20,000	Top 1000	
818	NGO NGOC QUYNH	13XXX969	20,000	Top 1000	
819	PHAM PHUONG NGAN	30XXX299	20,000	Top 1000	
820	PHAM THI NHUNG	13XXX598	20,000	Top 1000	
821	DANG THU HA	30XXX986	20,000	Top 1000	
822	DINH THI LAN	53XXX048	20,000	Top 1000	
823	NGUYEN VAN QUOC	13XXX391	20,000	Top 1000	
824	NGUYEN LAM CAM ANH	15XXX291	20,000	Top 1000	
825	LE THI YEN NGOC	16XXX367	20,000	Top 1000	
826	NGUYEN VAN HOANG	13XXX817	20,000	Top 1000	
827	NGUYEN THI HUYEN	13XXX974	20,000	Top 1000	
828	NGUYEN DINH TUAN	13XXX107	20,000	Top 1000	
829	HOANG LE HONG NHUNG	13XXX127	20,000	Top 1000	
830	BUI TUAN ANH	13XXX318	20,000	Top 1000	
831	NGUYEN THI THANH XUAN	22XXX082	20,000	Top 1000	
832	NGUYEN VIET HOAI	13XXX496	20,000	Top 1000	
833	NGUYEN THI MINH PHUONG	13XXX677	20,000	Top 1000	
834	LE THI HONG NHUNG	13XXX177	20,000	Top 1000	
835	NGUYEN THI THU	13XXX696	20,000	Top 1000	
836	NGUYEN VAN MANH	13XXX245	20,000	Top 1000	

837	NGUYEN PHUC HIEP	13XXX253	20,000	Top 1000	
838	NGUYEN VAN DOANH	69XXX698	20,000	Top 1000	
839	PHAM TRUNG DUNG	13XXX977	20,000	Top 1000	
840	PHAM DINH THIEN	13XXX496	20,000	Top 1000	
841	TRAN MINH A	13XXX345	20,000	Top 1000	
842	TRAN KIM BANG	13XXX891	20,000	Top 1000	
843	NONG CONG MINH	13XXX877	20,000	Top 1000	
844	BUI VAN TRUONG	13XXX202	20,000	Top 1000	
845	PHUNG VAN HUNG	13XXX973	20,000	Top 1000	
846	DUONG THI KHIET	13XXX231	20,000	Top 1000	
847	VO QUANG BINH	13XXX268	20,000	Top 1000	
848	NGUYEN HONG SON	13XXX022	20,000	Top 1000	
849	NGUYEN VAN NGUYEN	16XXX822	20,000	Top 1000	
850	BUI ANH KIET	13XXX933	20,000	Top 1000	
851	DANG HUU DUC	17XXX845	20,000	Top 1000	
852	LE KIM HUNG	13XXX144	20,000	Top 1000	
853	NGUYEN THI NGOC TIM	13XXX607	20,000	Top 1000	
854	NGUYEN THI NHU KHUE	15XXX327	20,000	Top 1000	
855	NGUYEN VAN DIEP	23XXX086	20,000	Top 1000	
856	NGUYEN THI THANH	13XXX021	20,000	Top 1000	
857	BE TRUONG THANH	13XXX495	20,000	Top 1000	
858	LE NGOC ANH	13XXX339	20,000	Top 1000	
859	TRUONG TIEN HIEN	13XXX757	20,000	Top 1000	
860	NGUYEN DAC HAO	11XXX217	20,000	Top 1000	
861	NGUYEN NGOC BICH	15XXX755	20,000	Top 1000	
862	KHONG VAN BA	13XXX089	20,000	Top 1000	
863	TRUONG VAN THUC	13XXX364	20,000	Top 1000	
864	HO VIEN DIEM NY	22XXX684	20,000	Top 1000	
865	HA VAN MUOI	19XXX777	20,000	Top 1000	
866	DAU THI KHANH VAN	13XXX971	20,000	Top 1000	
867	LE THI THUONG HUYN	22XXX496	20,000	Top 1000	
868	NGUYEN THI HA	13XXX286	20,000	Top 1000	
869	LE HUYN TRAN	13XXX247	20,000	Top 1000	
870	LUU THI THU HUONG	26XXX968	20,000	Top 1000	
871	LE VAN THACH	13XXX919	20,000	Top 1000	
872	NGUYEN THI XUAN	13XXX623	20,000	Top 1000	
873	VANG THI NGA	13XXX236	20,000	Top 1000	
874	HA MANH HUNG	26XXX488	20,000	Top 1000	
875	TRINH NGOC HUYN	16XXX777	20,000	Top 1000	
876	HOANG THI MAI LAN	13XXX425	20,000	Top 1000	
877	LE THI LINH	13XXX901	20,000	Top 1000	
878	TRAN THI HOAI THUONG	13XXX292	20,000	Top 1000	
879	NGUYEN NHAT VU	13XXX538	20,000	Top 1000	
880	TRAN THI MAI	13XXX744	20,000	Top 1000	
881	PHAM DINH VINH	13XXX058	20,000	Top 1000	
882	TRAN THI THANH VAN	13XXX273	20,000	Top 1000	
883	HUYNH TAN PHAT	33XXX983	20,000	Top 1000	
884	LE THI HANG	13XXX457	20,000	Top 1000	
885	DANG VAN MANH	13XXX928	20,000	Top 1000	
886	PHAM DINH VINH	13XXX934	20,000	Top 1000	
887	HOANG QUOC HIEP	24XXX319	20,000	Top 1000	
888	DANG QUANG DUONG	13XXX266	20,000	Top 1000	
889	NGUYEN XUAN HOA	13XXX788	20,000	Top 1000	
890	NGUYEN TUAN ANH	13XXX459	20,000	Top 1000	
891	NGUYEN VAN HOAI	53XXX248	20,000	Top 1000	
892	LE NGOC QUI	90XXX393	20,000	Top 1000	
893	NGUYEN THE PHUONG	13XXX584	20,000	Top 1000	
894	PHAM THI NHU QUYNH	13XXX703	20,000	Top 1000	
895	LO MINH DUC	13XXX162	20,000	Top 1000	
896	NGUYEN MANH HUNG	13XXX251	20,000	Top 1000	
897	TRAN THI DOAN TRANG	13XXX804	20,000	Top 1000	
898	HOANG THI THU THUY	13XXX526	20,000	Top 1000	
899	HUYNH THI LOAN KIEU	23XXX148	20,000	Top 1000	

900	LE THI MY LINH	51XX015	20,000	Top 1000	
901	HA MAI KIM HUONG	13XX102	20,000	Top 1000	
902	HOANG HONG MANH	13XX283	20,000	Top 1000	
903	TRAN QUOC PHONG	13XX817	20,000	Top 1000	
904	PHAM THI LAN	14XX442	20,000	Top 1000	
905	NGUYEN THI BICH PHUONG	13XX348	20,000	Top 1000	
906	DUONG HOANG NHA	13XX028	20,000	Top 1000	
907	PHAM THANH TUNG	66XX666	20,000	Top 1000	
909	LE HONG LAM	13XX777	20,000	Top 1000	
910	BUI THI TUOI	13XX893	20,000	Top 1000	
911	VU VAN MINH	13XX368	20,000	Top 1000	
912	NGUYEN THI OANH	13XX505	20,000	Top 1000	
913	NGUYEN VIET DUNG	13XX648	20,000	Top 1000	
914	NGUYEN THI CHUYEN	13XX833	20,000	Top 1000	
915	DUONG HAI PHONG	20XX608	20,000	Top 1000	
916	NGUYEN THI LE NGUYEN	89XX019	20,000	Top 1000	
917	VO THI AI VI	13XX692	20,000	Top 1000	
918	NGUYEN THI DOAN	20XX323	20,000	Top 1000	
919	TRAN THI THU SUONG	13XX578	20,000	Top 1000	
920	DO THI KIEU OANH	13XX964	20,000	Top 1000	
921	NGUYEN THI VUONG	13XX854	20,000	Top 1000	
922	PHAN THI NHUNG	13XX336	20,000	Top 1000	
923	NGUYEN HUU TRONG	22XX719	20,000	Top 1000	
924	PHAM THI HOA	13XX289	20,000	Top 1000	
925	NONG THI NOI	13XX769	20,000	Top 1000	
926	PHAM THI DUNG	13XX102	20,000	Top 1000	
927	NGUYEN THI LICH	13XX682	20,000	Top 1000	
928	DO THI TRANG	13XX056	20,000	Top 1000	
929	BUI THI HANG	13XX277	20,000	Top 1000	
930	NGUYEN THI THUY NGAN	13XX116	20,000	Top 1000	
931	NGUYEN VAN PHUC	13XX779	20,000	Top 1000	
932	HOANG VAN DIEN	13XX066	20,000	Top 1000	
933	DINH THI ANH TRINH	13XX718	20,000	Top 1000	
934	TRAN THI HOA	13XX597	20,000	Top 1000	
935	LE THI BINH	36XX666	20,000	Top 1000	
936	NGUYEN THI HUONG GIANG	13XX106	20,000	Top 1000	
937	MAI XUAN TUNG	13XX532	20,000	Top 1000	
938	KIEN NGOC GIAO TIEN	13XX172	20,000	Top 1000	
939	DAO THI HOAI	21XX898	20,000	Top 1000	
940	LE VAN MINH	13XX879	20,000	Top 1000	
941	QUACH THI MINH HIEU	13XX906	20,000	Top 1000	
942	DANG THI NHU DINH	13XX669	20,000	Top 1000	
943	TRAN VAN NGHI	20XX668	20,000	Top 1000	
944	HOANG THI HIEN	99XX868	20,000	Top 1000	
945	BACH QUANG LINH	53XX108	20,000	Top 1000	
946	NGUYEN KIEU DIEM	14XX647	20,000	Top 1000	
947	NGUYEN NGOC ANH	18XX828	20,000	Top 1000	
948	NGUYEN THI NHU HIEN	14XX957	20,000	Top 1000	
949	NGUYEN THI UYEN	14XX589	20,000	Top 1000	
950	NGUYEN THI LAN	14XX265	20,000	Top 1000	
951	HUYNH NHAT TIEN	14XX909	20,000	Top 1000	
952	NGUYEN VAN GIANG	14XX936	20,000	Top 1000	
953	NGUYEN THANH TRUNG	14XX536	20,000	Top 1000	
954	NGUYEN XUAN TRUONG	10XX418	20,000	Top 1000	
955	TRINH QUYNH ANH	22XX467	20,000	Top 1000	
956	TRAN THI HAU	14XX355	20,000	Top 1000	
957	NGUYEN THI ANH	14XX622	20,000	Top 1000	
958	PHAN THI DIEU LINH	14XX959	20,000	Top 1000	
959	PHAM MINH TAM	14XX764	20,000	Top 1000	
960	LE THANH VAN	14XX466	20,000	Top 1000	
961	VO THI UT HUYEN	14XX341	20,000	Top 1000	
962	HO THI MY ANH	14XX398	20,000	Top 1000	
963	NGO THE LUONG	14XX044	20,000	Top 1000	

964	VU THI HOA	14XXX583	20,000	Top 1000	
965	LE QUANG HAI	14XXX415	20,000	Top 1000	
966	DONG VAN THANH	14XXX979	20,000	Top 1000	
967	VU THI OANH	14XXX327	20,000	Top 1000	
968	HA THI LAN ANH	14XXX927	20,000	Top 1000	
969	TRAN THI HUYEN UYEN	20XXX049	20,000	Top 1000	
970	BUI THI HAN	14XXX508	20,000	Top 1000	
971	NGUYEN VAN VAN	23XXX614	20,000	Top 1000	
972	DUONG XUAN THI	14XXX334	20,000	Top 1000	
973	LE THI NGA	14XXX148	20,000	Top 1000	
974	LU THI LINH	14XXX597	20,000	Top 1000	
975	DUONG THANH HOA	14XXX018	20,000	Top 1000	
976	DAO THI MAI	74XXX601	20,000	Top 1000	
978	LE QUY NGO	25XXX666	20,000	Top 1000	
979	NGUYEN CONG MINH	14XXX007	20,000	Top 1000	
980	TO THI HONG HANH	88XXX199	20,000	Top 1000	
981	DUONG QUY TRONG	95XXX888	20,000	Top 1000	
982	VU THI THEU	14XXX073	20,000	Top 1000	
983	DAO THI TINH	14XXX377	20,000	Top 1000	
984	NGUYEN THI NHAT LE	14XXX964	20,000	Top 1000	
985	NGUYEN THUY NGOC TUYET	14XXX559	20,000	Top 1000	
986	NGUYEN THI YEN	14XXX745	20,000	Top 1000	
987	HOANG THI LIEN	14XXX594	20,000	Top 1000	
988	PHAM DUC LONG	23XXX664	20,000	Top 1000	
989	NGUYEN BICH LUU	14XXX815	20,000	Top 1000	
990	VU HONG HAI	14XXX946	20,000	Top 1000	
991	DINH THI MO	14XXX923	20,000	Top 1000	
992	LY TAN CHUONG	22XXX009	20,000	Top 1000	
993	NGUYEN THU HANG	14XXX356	20,000	Top 1000	
994	HOANG DONG BINH	14XXX087	20,000	Top 1000	
995	NGUYEN THI HA	14XXX772	20,000	Top 1000	
996	VO THI DAI TRANG	14XXX617	20,000	Top 1000	
997	NGUYEN THU UYEN	14XXX086	20,000	Top 1000	
998	LE TRAN THI KIM NGAN	14XXX318	20,000	Top 1000	
999	HOANG HONG HANH	14XXX174	20,000	Top 1000	
1000	NGUYEN THI MAI	14XXX032	20,000	Top 1000	
1001	LE THI HUONG	63XXX507	20,000	Top 1000	
1002	TRAN TRONG QUAN	14XXX298	20,000	Top 1000	
1003	NGUYEN THI HUE	14XXX643	20,000	Top 1000	
1004	LE THI THUY	19XXX185	20,000	Top 1000	
1005	NGUYEN THI HUONG	14XXX114	20,000	Top 1000	
1006	NGUYEN THI THAI	14XXX925	20,000	Top 1000	
1007	NGUYEN THI NGA	14XXX848	20,000	Top 1000	
1008	PHAM VAN CUONG	18XXX566	20,000	Top 1000	
1009	TRAN THI HUYEN	14XXX384	20,000	Top 1000	
1010	NGUYEN THI THUY	14XXX399	20,000	Top 1000	
1011	DAM QUANG HUY	14XXX062	20,000	Top 1000	
1012	HO THI NHUNG	14XXX714	20,000	Top 1000	
1013	NGO THI MAI	14XXX161	20,000	Top 1000	
1014	NGUYEN THI THAO	14XXX152	20,000	Top 1000	
1015	NGUYEN THI THU HANH	14XXX306	20,000	Top 1000	
1016	NGUYEN THI DUYEN	14XXX957	20,000	Top 1000	
1017	PHAM VAN HOANG	14XXX996	20,000	Top 1000	
1018	PHAM VAN SON	14XXX321	20,000	Top 1000	
1019	NGUYEN TIEN TRUNG HIEU	14XXX119	20,000	Top 1000	
1020	VU VAN PHONG	14XXX092	20,000	Top 1000	
1021	DOAN THAI THIEN AN	24XXX857	20,000	Top 1000	
1022	NGUYEN THUY QUYNH	69XXX888	20,000	Top 1000	
1023	MAI VAN PHUNG	14XXX292	20,000	Top 1000	
1024	VU THI HUU	14XXX235	20,000	Top 1000	
1025	NGUYEN THUY LINH	14XXX356	20,000	Top 1000	
1026	MAI ANH TU	38XXX567	20,000	Top 1000	
1027	NGUYEN TRONG DUC	14XXX266	20,000	Top 1000	

1028	PHAM TRUNG KIEN	09XXX383	20,000	Top 1000	
1029	DO XUAN KIEN	14XXX827	20,000	Top 1000	
1030	TRAN VAN DUNG	14XXX028	20,000	Top 1000	
1031	NGUYEN VAN MANH	14XXX416	20,000	Top 1000	
1032	NGUYEN THONG THAI	17XXX818	20,000	Top 1000	
1033	CAO THANH TAM	14XXX979	20,000	Top 1000	
1034	LE THI TAM	14XXX824	20,000	Top 1000	
1035	NGUYEN THI CUC	14XXX896	20,000	Top 1000	
1036	DO TUNG LAM	14XXX024	20,000	Top 1000	
1037	DAO THI HANG	14XXX744	20,000	Top 1000	
1038	DUONG THAI SON	14XXX746	20,000	Top 1000	
1039	NGUYEN VAN BAO	10XXX888	20,000	Top 1000	
1040	VO VAN GIAP	14XXX233	20,000	Top 1000	
1041	NGUYEN THI HIEN	14XXX758	20,000	Top 1000	
1042	HO TRUNG HIEU	20XXX986	20,000	Top 1000	
1043	DOAN BICH NGUYET	15XXX676	20,000	Top 1000	
1044	LE HONG TRANG	14XXX563	20,000	Top 1000	
1045	PHAN THI NHU	15XXX373	20,000	Top 1000	
1046	HOANG THI THUY DUONG	14XXX441	20,000	Top 1000	
1047	TA TUYET NGAN	14XXX999	20,000	Top 1000	
1048	HOANG QUOC TRONG	14XXX838	20,000	Top 1000	
1049	NGUYEN TIEN DAT	14XXX978	20,000	Top 1000	
1050	TRAN QUANG PHUONG	15XXX437	20,000	Top 1000	
1051	NGUYEN THI GAI LOI	14XXX957	20,000	Top 1000	
1052	NGUYEN THI BICH NGOC	14XXX413	20,000	Top 1000	
1053	LE THI KIM LOAN	15XXX688	20,000	Top 1000	
1054	PHAM HONG THAI	68XXX666	20,000	Top 1000	
1055	NGUYEN THI HUONG	14XXX943	20,000	Top 1000	
1056	LUU DUC GIAU	14XXX051	20,000	Top 1000	
1057	PHAM VU MINH	14XXX396	20,000	Top 1000	
1058	PHAM THI HUONG NGA	22XXX372	20,000	Top 1000	
1059	NGUYEN THI TUNG	14XXX708	20,000	Top 1000	
1060	DUONG THI KIM DU	14XXX808	20,000	Top 1000	
1061	NGO THI MAI	25XXX758	20,000	Top 1000	
1062	NGUYEN THI MY BINH	22XXX221	20,000	Top 1000	
1063	NGUYEN THI HONG HANH	22XXX888	20,000	Top 1000	
1064	PHAM VAN THIEN	62XXX567	20,000	Top 1000	
1065	HOANG ANH TU	14XXX258	20,000	Top 1000	
1066	LE THI THU MO	14XXX787	20,000	Top 1000	
1067	NGUYEN NAM HAI	14XXX887	20,000	Top 1000	
1068	NGUYEN THI TRUONG TON	14XXX548	20,000	Top 1000	
1069	NGUYEN DINH DE	14XXX825	20,000	Top 1000	
1070	PHAM THI THU HA	14XXX053	20,000	Top 1000	
1071	LE HUY HIEP	03XXX040	20,000	Top 1000	
1072	TRAN THI DUNG	14XXX632	20,000	Top 1000	
1073	MANG THI SUONG	03XXX384	20,000	Top 1000	
1074	VU THANH HUY	14XXX492	20,000	Top 1000	
1075	NGUYEN VAN HUNG	14XXX423	20,000	Top 1000	
1076	TRUONG VAN CUONG	14XXX656	20,000	Top 1000	
1077	NGUYEN THI LAN PHUONG	14XXX576	20,000	Top 1000	
1078	NGUYEN NGOC HANH	14XXX286	20,000	Top 1000	
1079	NGUYEN THI HOA	14XXX051	20,000	Top 1000	
1080	TRAN THI HA	14XXX882	20,000	Top 1000	
1081	NGUYEN THI YEN	14XXX319	20,000	Top 1000	
1082	TRAN HOAI HAN	14XXX577	20,000	Top 1000	
1083	NGUYEN THI HUE	14XXX456	20,000	Top 1000	
1084	LE VAN HUNG	14XXX419	20,000	Top 1000	
1085	TRAN NGOC QUY	14XXX139	20,000	Top 1000	
1086	NGUYEN THANH HANG	14XXX767	20,000	Top 1000	
1087	LE HOAI NAM	20XXX883	20,000	Top 1000	
1088	NGUYEN VAN THANH NIEN	14XXX788	20,000	Top 1000	
1089	PHAM THI HA	16XXX181	20,000	Top 1000	
1090	NGUYEN THI HONG MINH	14XXX406	20,000	Top 1000	

1091	BUI THI DUA	14XXX997	20,000	Top 1000	
1092	NGUYEN VAN THANG	14XXX795	20,000	Top 1000	
1093	NGUYEN THI LUONG	26XXX617	20,000	Top 1000	
1094	NGUYEN VAN THE	19XXX103	20,000	Top 1000	
1095	NGUYEN CONG KHIEM	14XXX184	20,000	Top 1000	
1096	TRAN TUAN LINH	14XXX796	20,000	Top 1000	
1097	NGUYEN QUANG TUAN	14XXX708	20,000	Top 1000	
1098	BUI THI THAI NGOC	22XXX825	20,000	Top 1000	
1099	NGUYEN MINH PHUONG	15XXX099	20,000	Top 1000	
1100	PHAM THI HUONG LY	15XXX346	20,000	Top 1000	
1101	LUONG VAN LUAT	15XXX113	20,000	Top 1000	
1102	BUI THI LUYEN	15XXX967	20,000	Top 1000	
1103	LE THI THUY HANG	15XXX871	20,000	Top 1000	
1104	NGUYEN VAN BINH	15XXX212	20,000	Top 1000	
1105	HA THI HUYEN	15XXX635	20,000	Top 1000	
1106	LUU THI NHINH	15XXX107	20,000	Top 1000	
1107	PHAM THI BICH LE	15XXX034	20,000	Top 1000	
1108	NGUYEN THI HUYEN	15XXX818	20,000	Top 1000	
1109	NGUYEN THI DIU	15XXX264	20,000	Top 1000	
1110	MAC DUC TOAN	15XXX406	20,000	Top 1000	
1111	THAN VAN THANH	96XXX979	20,000	Top 1000	
1112	TRAN MY CHAU	22XXX367	20,000	Top 1000	
1113	PHAM THI PHAN	56XXX996	20,000	Top 1000	
1114	NGUYEN THI CAM TU	15XXX789	20,000	Top 1000	
1115	NGUYEN DUC CUONG	15XXX315	20,000	Top 1000	
1116	LAI THI KIM DUNG	15XXX918	20,000	Top 1000	
1117	NGUYEN THI PHUONG THANH	15XXX417	20,000	Top 1000	
1118	TRAN TRUNG KIEN	15XXX738	20,000	Top 1000	
1119	PHAM TRUNG KIEN	15XXX678	20,000	Top 1000	
1120	VUONG ANH VU	15XXX397	20,000	Top 1000	
1121	NGUYEN THI TRUC PHUONG	23XXX286	20,000	Top 1000	
1122	VO TRI KHANG	15XXX232	20,000	Top 1000	
1123	NGUYEN HUU THANG	17XXX363	20,000	Top 1000	
1124	LE THI THAO NHI	15XXX357	20,000	Top 1000	
1125	NGUYEN THI NGOC LAI	15XXX099	20,000	Top 1000	
1126	DO THI NHAT LINH	15XXX232	20,000	Top 1000	
1127	LA KHANH HOANG	15XXX717	20,000	Top 1000	
1128	NGUYEN THI THU	15XXX302	20,000	Top 1000	
1129	NGUYEN THI DAM	15XXX377	20,000	Top 1000	
1130	NGUYEN VAN NGHIA	15XXX518	20,000	Top 1000	
1131	QUACH THI TUYET	15XXX698	20,000	Top 1000	
1132	HOANG VAN QUYEN	15XXX565	20,000	Top 1000	
1133	NGUYEN THI THANH DUNG	15XXX473	20,000	Top 1000	
1134	NGUYEN NGOC LAN	15XXX877	20,000	Top 1000	
1135	DOAN THI PHUONG THAO	15XXX305	20,000	Top 1000	
1136	NGUYEN THI THU	15XXX213	20,000	Top 1000	
1137	PHUNG VAN NAM	09XXX711	20,000	Top 1000	
1138	LE THI LY	15XXX864	20,000	Top 1000	
1139	NGUYEN THI GIANG TIEN	15XXX157	20,000	Top 1000	
1140	VU THI NGA	15XXX292	20,000	Top 1000	
1141	NGUYEN VAN ANH	19XXX452	20,000	Top 1000	
1142	BUI THI THUY DUONG	88XXX195	20,000	Top 1000	
1143	NGUYEN VAN THICH	15XXX378	20,000	Top 1000	
1144	DINH ANH TUAN	15XXX038	20,000	Top 1000	
1145	PHAN HUNG	15XXX812	20,000	Top 1000	
1146	VU VAN MY	15XXX715	20,000	Top 1000	
1147	PHAM DINH HUNG	15XXX262	20,000	Top 1000	
1148	TRAN VAN THINH	15XXX158	20,000	Top 1000	
1149	NGUYEN THI DIEU ANH	15XXX595	20,000	Top 1000	
1150	LE THI VUONG	15XXX365	20,000	Top 1000	
1151	VU NGOC ANH	90XXX067	20,000	Top 1000	
1152	BUI VAN MANH	15XXX626	20,000	Top 1000	
1153	NGUYEN BINH NHI	15XXX236	20,000	Top 1000	

1154	HO VAN TOAN	33XX983	20,000	Top 1000	
1155	TRIEU THI DUYEN	15XX815	20,000	Top 1000	
1156	DOAN KHAC CONG	15XX409	20,000	Top 1000	
1157	NGUYEN THI LAN	15XX883	20,000	Top 1000	
1158	BUI THI HIEN	15XX514	20,000	Top 1000	
1159	LE TUAN ANH	15XX685	20,000	Top 1000	
1160	DO THI HOANG YEN	15XX908	20,000	Top 1000	
1161	VU THI HUE	15XX513	20,000	Top 1000	
1162	NGUYEN THI THAO ANH	15XX588	20,000	Top 1000	
1163	NGUYEN THI HONG NHUNG	15XX607	20,000	Top 1000	
1164	NGUYEN QUANG HIEN	15XX916	20,000	Top 1000	
1165	TRAN THI THU HA	15XX605	20,000	Top 1000	
1166	NGUYEN HOANG VIET	23XX806	20,000	Top 1000	
1167	PHAM THI MAI TRANG	15XX357	20,000	Top 1000	
1168	TRAN VAN DUNG	15XX402	20,000	Top 1000	
1169	GIAP THI HONG TRANG	15XX506	20,000	Top 1000	
1170	HA VAN GIAP	15XX897	20,000	Top 1000	
1171	LE VAN DUNG	20XX093	20,000	Top 1000	
1172	HOANG VAN HOANG	15XX491	20,000	Top 1000	
1173	PHAM DINH MINH	15XX457	20,000	Top 1000	
1174	HAN VAN LINH	22XX892	20,000	Top 1000	
1175	LE THI LIEN	15XX549	20,000	Top 1000	
1176	NGUYEN QUANG HOA	15XX374	20,000	Top 1000	
1177	BUI THI LUONG MY	22XX153	20,000	Top 1000	
1178	TRUONG CONG DINH	15XX117	20,000	Top 1000	
1179	PHAM THI NU	15XX274	20,000	Top 1000	
1180	LE QUANG DAT	23XX755	20,000	Top 1000	
1181	HO THI MY LIEN	15XX573	20,000	Top 1000	
1182	HOANG THI KIEU OANH	15XX529	20,000	Top 1000	
1183	LE THI OANH	21XX004	20,000	Top 1000	
1184	TRAN THI PHUONG THAO	15XX011	20,000	Top 1000	
1185	NGUYEN THI THAO TRANG	15XX125	20,000	Top 1000	
1186	NGUYEN ANH DUC	15XX734	20,000	Top 1000	
1187	PHAM THI LUYEN	15XX952	20,000	Top 1000	
1188	NGUYEN TUAN NGUYEN	15XX065	20,000	Top 1000	
1189	NGUYEN HONG VUONG	15XX487	20,000	Top 1000	
1190	NGUYEN VAN TINH	15XX118	20,000	Top 1000	
1191	NGUYEN DINH CONG	26XX229	20,000	Top 1000	
1192	TRAN THI YEN	15XX893	20,000	Top 1000	
1193	NGUYEN VIET ANH	15XX187	20,000	Top 1000	
1194	NGUYEN VAN TUAN	15XX597	20,000	Top 1000	
1195	HAN THANH CHINH	15XX389	20,000	Top 1000	
1196	PHAN THI THUY TINH	53XX486	20,000	Top 1000	
1197	DUONG HOANG SON	22XX979	20,000	Top 1000	
1198	NGUYEN VAN HIEP	21XX789	20,000	Top 1000	
1199	NGUYEN THI HANH	15XX383	20,000	Top 1000	
1200	CAO THI MINH	15XX951	20,000	Top 1000	
1201	NGUYEN THUY MY	15XX562	20,000	Top 1000	
1202	DINH THI HONG HANH	15XX571	20,000	Top 1000	
1203	NGUYEN THI BICH THOM	15XX512	20,000	Top 1000	
1204	NGUYEN THI XUYEN	15XX284	20,000	Top 1000	
1205	NGUYEN THI HA	15XX213	20,000	Top 1000	
1206	NGUYEN DANH SINH	15XX933	20,000	Top 1000	
1207	NGUYEN HUU SANG	15XX568	20,000	Top 1000	
1208	NGUYEN VAN QUY	15XX657	20,000	Top 1000	
1209	LE QUANG TIN	15XX302	20,000	Top 1000	
1210	NGUYEN TUNG LAM	15XX247	20,000	Top 1000	
1211	VU MANH HUNG	63XX888	20,000	Top 1000	
1212	VU THI THUY	15XX218	20,000	Top 1000	
1213	BUI THI HAI YEN	15XX283	20,000	Top 1000	
1214	NGUYEN VIET HA	18XX999	20,000	Top 1000	
1215	NGUYEN THUY LINH	15XX167	20,000	Top 1000	
1216	TRAN VAN TUAN	15XX598	20,000	Top 1000	

1217	SO Y CUONG	03XXX438	20,000	Top 1000	
1218	DAO THI PHUONG	15XXX583	20,000	Top 1000	
1219	NGUYEN THUY AN MY	15XXX647	20,000	Top 1000	
1220	NGUYEN THU HA	23XXX688	20,000	Top 1000	
1221	PHAM THI NHAI	15XXX932	20,000	Top 1000	
1222	LE THI DIEM	15XXX786	20,000	Top 1000	
1223	NGUYEN THI THANH THUY	15XXX596	20,000	Top 1000	
1224	BUI THI HOA	15XXX404	20,000	Top 1000	
1225	NGUYEN QUANG DUNG	15XXX362	20,000	Top 1000	
1226	HUYNH LY QUANG SANG	15XXX313	20,000	Top 1000	
1227	TRAN QUOC VAN	15XXX425	20,000	Top 1000	
1228	NGUYEN THI THANH THU	15XXX355	20,000	Top 1000	
1229	NGUYEN DUC HOAN	15XXX493	20,000	Top 1000	
1230	NGUYEN MINH TU	15XXX823	20,000	Top 1000	
1231	PHAM THI HOAI THUONG	83XXX368	20,000	Top 1000	
1232	NGUYEN THANH TUNG	15XXX445	20,000	Top 1000	
1233	NHU TRONG TU	15XXX668	20,000	Top 1000	
1234	NGUYEN VAN PHUONG	15XXX808	20,000	Top 1000	
1235	PHAM THI HOA	15XXX628	20,000	Top 1000	
1236	TRAN THI HOA	15XXX887	20,000	Top 1000	
1237	THAN THI HUYEN	11XXX333	20,000	Top 1000	
1238	NGAN DUC DUY	15XXX007	20,000	Top 1000	
1239	NGUYEN PHUONG THAO	15XXX003	20,000	Top 1000	
1240	LE THI LY	15XXX824	20,000	Top 1000	
1241	TRAN THI KHUYEN	15XXX887	20,000	Top 1000	
1242	PHAN THI VAN ANH	15XXX308	20,000	Top 1000	
1243	HOANG THI MAI	15XXX137	20,000	Top 1000	
1244	NGUYEN THI HUE	15XXX943	20,000	Top 1000	
1245	LE THI NGAN	15XXX627	20,000	Top 1000	
1246	HOANG THI DIU TIEN	79XXX789	20,000	Top 1000	
1247	PHAM MINH NGUYET	21XXX146	20,000	Top 1000	
1248	NGUYEN THI MINH ANH	15XXX662	20,000	Top 1000	
1249	DUONG VAN HANH	15XXX447	20,000	Top 1000	
1250	TA XUAN HUNG	15XXX047	20,000	Top 1000	
1251	TRAN VAN TUAN	15XXX953	20,000	Top 1000	
1252	NGUYEN DUC CHAT	15XXX495	20,000	Top 1000	
1253	BUI VAN DUNG	15XXX541	20,000	Top 1000	
1254	PHAM THI BINH	15XXX131	20,000	Top 1000	
1255	NGUYEN QUANG HIEN	22XXX889	20,000	Top 1000	
1256	TRAN THI THU BEN	15XXX617	20,000	Top 1000	
1257	DAO KHANH LINH	77XXX888	20,000	Top 1000	
1258	CAO THI THUY AN	15XXX583	20,000	Top 1000	
1259	THACH THI NHUT	15XXX581	20,000	Top 1000	
1260	CAO THI HUYEN TRANG	23XXX352	20,000	Top 1000	
1261	DINH THI NGOC	15XXX596	20,000	Top 1000	
1262	HOANG VIET BAC	25XXX897	20,000	Top 1000	
1263	NGUYEN ANH THU	15XXX187	20,000	Top 1000	
1264	TRAN QUOC KHANH	20XXX272	20,000	Top 1000	
1265	VO THI DONG NHI	15XXX278	20,000	Top 1000	
1266	THAN THI NHU HOA	15XXX328	20,000	Top 1000	
1267	TRAN GIA NAM	15XXX808	20,000	Top 1000	
1268	PHAM BAO THU	15XXX691	20,000	Top 1000	
1269	NGUYEN THI KHANH HUYEN	15XXX512	20,000	Top 1000	
1270	NGUYEN THANH ANH	11XXX754	20,000	Top 1000	
1271	PHAM VAN NGHIA	15XXX078	20,000	Top 1000	
1272	NGUYEN THI HUONG	15XXX679	20,000	Top 1000	
1273	NGUYEN LAN PHUONG	38XXX888	20,000	Top 1000	
1274	NGUYEN XUAN THANH	16XXX704	20,000	Top 1000	
1275	TRAN MINH TRANG	15XXX658	20,000	Top 1000	
1276	BUI THI BICH QUYNH	15XXX708	20,000	Top 1000	
1277	THAN THI HUYEN TRANG	21XXX888	20,000	Top 1000	
1278	LAM CHUONG LUAN	15XXX363	20,000	Top 1000	
1279	LE KHANH MINH	15XXX362	20,000	Top 1000	

1280	TRUONG THI KIM THI	15XXX401	20,000	Top 1000	
1281	NGUYEN THI TUYET VAN	15XXX238	20,000	Top 1000	
1282	NGUYEN THI MINH THAM	15XXX497	20,000	Top 1000	
1283	HA THI MINH	15XXX808	20,000	Top 1000	
1284	BUI THI THUONG	82XXX888	20,000	Top 1000	
1285	CHU HONG THANH	15XXX328	20,000	Top 1000	
1286	TRAN VAN MEN	15XXX747	20,000	Top 1000	
1287	NGUYEN THI BICH PHUONG	15XXX707	20,000	Top 1000	
1288	NGUYEN THI HUU HAU	15XXX687	20,000	Top 1000	
1289	HOANG HA TRANG	13XXX775	20,000	Top 1000	
1290	VU THI HANG	15XXX801	20,000	Top 1000	
1291	HOANG THI DUNG	15XXX948	20,000	Top 1000	
1292	TRAN HONG NGOC	15XXX106	20,000	Top 1000	
1293	NGO THI HA	21XXX674	20,000	Top 1000	
1294	VU THI CHIEN	15XXX091	20,000	Top 1000	
1295	DO THUY DUONG	36XXX614	20,000	Top 1000	
1296	VU VAN HAU	15XXX672	20,000	Top 1000	
1297	PHAM THI HUYEN TRANG	15XXX375	20,000	Top 1000	
1298	NGUYEN THI THAO DUyen	15XXX123	20,000	Top 1000	
1299	PHAN THI MY NGOC	15XXX632	20,000	Top 1000	
1300	TRUONG HONG NGOC	15XXX177	20,000	Top 1000	
1301	NGUYEN THUY DUONG	15XXX153	20,000	Top 1000	
1302	LA THI KIM CHI	15XXX438	20,000	Top 1000	
1303	NGUYEN THI THANH HUYEN	15XXX296	20,000	Top 1000	
1304	NGUYEN THI TUYEN	15XXX027	20,000	Top 1000	
1305	LE THI PHUONG	15XXX767	20,000	Top 1000	
1306	DANG THI MAI PHUONG	15XXX937	20,000	Top 1000	
1307	PHAM THI Y NHI	18XXX785	20,000	Top 1000	
1308	PHAM THI QUYEN	16XXX988	20,000	Top 1000	
1309	NGUYEN THI TAM	16XXX898	20,000	Top 1000	
1310	LE THI THU	16XXX416	20,000	Top 1000	
1311	PHAM THI LE	16XXX888	20,000	Top 1000	
1312	PHUNG VAN THINH	16XXX822	20,000	Top 1000	
1313	NGO THI XUYEN	21XXX475	20,000	Top 1000	
1314	NGUYEN MANH CUONG	16XXX132	20,000	Top 1000	
1315	VU THI THU HONG	16XXX117	20,000	Top 1000	
1316	NGUYEN THI QUYNH	16XXX865	20,000	Top 1000	
1317	HA THI THU HIEN	16XXX209	20,000	Top 1000	
1318	HOANG VAN MANH	24XXX262	20,000	Top 1000	
1319	NGUYEN VAN TRUONG	16XXX098	20,000	Top 1000	
1320	NGUYEN HUY CUONG	16XXX599	20,000	Top 1000	
1321	BUI THI HONG NHUNG	16XXX891	20,000	Top 1000	
1322	TRAN CONG HUNG	16XXX774	20,000	Top 1000	
1323	NGUYEN THI THANH NHAN	16XXX246	20,000	Top 1000	
1324	HOANG TRAN MINH NGOC	81XXX986	20,000	Top 1000	
1325	VU NHU QUYNH	16XXX458	20,000	Top 1000	
1326	DO MINH THE	17XXX238	20,000	Top 1000	
1327	TRAN THI TUYET HONG	16XXX321	20,000	Top 1000	
1328	NGUYEN VIET HUNG	32XXX996	20,000	Top 1000	
1329	DANG THANH TRUC	16XXX145	20,000	Top 1000	
1330	NGUYEN THI THANH TUYEN	16XXX679	20,000	Top 1000	
1331	NGUYEN HUU TAN	16XXX686	20,000	Top 1000	
1332	TRAN THI THU	16XXX851	20,000	Top 1000	
1333	LE HONG HANH	16XXX623	20,000	Top 1000	
1334	TRUONG THI YEN	16XXX243	20,000	Top 1000	
1335	NGUYEN VAN TINH	16XXX051	20,000	Top 1000	
1336	LE THI NGA	16XXX438	20,000	Top 1000	
1337	DOAN THI CHIEM	16XXX949	20,000	Top 1000	
1338	LY THI THU HIEN	16XXX397	20,000	Top 1000	
1339	TRAN THI HOA	16XXX402	20,000	Top 1000	
1340	VU XUAN HUY	16XXX226	20,000	Top 1000	
1341	TRAN ANH TUAN	16XXX213	20,000	Top 1000	
1342	DO THI HONG	16XXX121	20,000	Top 1000	

1343	DANG HUU TIEN	16XXX486	20,000	Top 1000	
1344	HUYNH THI TRANG	16XXX822	20,000	Top 1000	
1345	TRAN HAI NAM	16XXX522	20,000	Top 1000	
1346	TRINH THI LOAN	24XXX803	20,000	Top 1000	
1347	DO VAN HUNG	16XXX057	20,000	Top 1000	
1348	VU THI NHU MO	19XXX277	20,000	Top 1000	
1349	LE THANH DAT	21XXX931	20,000	Top 1000	
1350	TRAN VAN THANG	08XXX586	20,000	Top 1000	
1351	NGUYEN QUOC SOAI	16XXX848	20,000	Top 1000	
1352	PHAM DOAN KHUE	16XXX957	20,000	Top 1000	
1353	NGUYEN DUY SANG	16XXX984	20,000	Top 1000	
1354	NGUYEN TRUONG PHI HUNG	21XXX534	20,000	Top 1000	
1355	NGUYEN THI HOAI THU	16XXX293	20,000	Top 1000	
1356	NGUYEN TRUNG NGHIA	25XXX865	20,000	Top 1000	
1357	NGUYEN THI HOA	16XXX604	20,000	Top 1000	
1358	DUONG THI THU HA	16XXX348	20,000	Top 1000	
1359	NGUYEN THI THU HUONG	24XXX539	20,000	Top 1000	
1360	LE THI TUYET	16XXX817	20,000	Top 1000	
1361	PHAM VAN DAI	52XXX987	20,000	Top 1000	
1362	PHAM THI THAO TRAM	16XXX484	20,000	Top 1000	
1363	TRUONG VAN TRUONG	09XXX552	20,000	Top 1000	
1364	NGUYEN HUU HA	16XXX898	20,000	Top 1000	
1365	NGUYEN THI CHINH	53XXX427	20,000	Top 1000	
1366	TRAN NGUYEN HA QUYEN	16XXX482	20,000	Top 1000	
1367	PHAN THI THU HUONG	69XXX988	20,000	Top 1000	
1368	NGUYEN THI LAN	11XXX982	20,000	Top 1000	
1369	NGUYEN VAN KIEN	19XXX988	20,000	Top 1000	
1370	VU MINH DUC	16XXX023	20,000	Top 1000	
1371	NGUYEN HUU HOANG	16XXX947	20,000	Top 1000	
1372	DANG HOANG PHI	16XXX357	20,000	Top 1000	
1373	LE DINH HUY	16XXX193	20,000	Top 1000	
1374	PHAM THI THU HANG	16XXX892	20,000	Top 1000	
1375	NGUYEN THI MIEN	16XXX474	20,000	Top 1000	
1376	HO THI THUY HIEN	16XXX373	20,000	Top 1000	
1377	NGUYEN HUY CUONG	23XXX692	20,000	Top 1000	
1378	PHUNG VAN DUC	16XXX194	20,000	Top 1000	
1379	PHAM VAN DIEN	92XXX288	20,000	Top 1000	
1380	NGUYEN KHANH LAN	16XXX035	20,000	Top 1000	
1381	PHAM DUC LONG	16XXX678	20,000	Top 1000	
1382	TRAN HOANG ANH	16XXX739	20,000	Top 1000	
1383	NGUYEN THANH THAO	16XXX157	20,000	Top 1000	
1384	NGUYEN THANH SON	22XXX461	20,000	Top 1000	
1385	DO THI MUNG	16XXX529	20,000	Top 1000	
1386	LE MINH TUAN	16XXX826	20,000	Top 1000	
1387	HUYNH VAN DUNG	16XXX946	20,000	Top 1000	
1388	PHAM PHAN HOANG PHUC	16XXX667	20,000	Top 1000	
1389	DANG THANH DO	16XXX182	20,000	Top 1000	
1390	DOAN PHUONG TRINH	16XXX518	20,000	Top 1000	
1391	LE THI PHUONG	16XXX444	20,000	Top 1000	
1392	TRAN THI AI PHI	16XXX288	20,000	Top 1000	
1394	NGUYEN MANH PHI	16XXX796	20,000	Top 1000	
1395	NGUYEN THI KIM YEN	16XXX432	20,000	Top 1000	
1396	TRAN VAN VANG	16XXX608	20,000	Top 1000	
1397	HO THI MY TRAM	16XXX666	20,000	Top 1000	
1398	BUI NGOC BINH	16XXX812	20,000	Top 1000	
1399	VI THI LIEN	09XXX292	20,000	Top 1000	
1400	NGUYEN THANH DUONG	16XXX393	20,000	Top 1000	
1401	PHUNG MINH CANH	16XXX408	20,000	Top 1000	
1402	BUI THI DIU	16XXX858	20,000	Top 1000	
1403	NGUYEN HUONG QUYNH	16XXX489	20,000	Top 1000	
1404	LE THI TINH	26XXX935	20,000	Top 1000	
1405	LE THANH HUYEN	26XXX318	20,000	Top 1000	
1406	HA VAN SON	16XXX229	20,000	Top 1000	

1407	NGUYEN MINH QUANG	16XXX235	20,000	Top 1000	
1408	NGUYEN THI THANH THUY	16XXX126	20,000	Top 1000	
1409	NGUYEN NHU QUYNH	21XXX004	20,000	Top 1000	
1410	DAO VAN THANG	96XXX999	20,000	Top 1000	
1411	PHAN DANG KIEN	16XXX898	20,000	Top 1000	
1412	NGUYEN DINH DUAN	19XXX303	20,000	Top 1000	
1413	NGUYEN MONG TUYEN	19XXX068	20,000	Top 1000	
1414	PHAM VAN PHI	16XXX636	20,000	Top 1000	
1415	NGUYEN DUC HAI	16XXX432	20,000	Top 1000	
1416	PHAM THI DUYEN	16XXX303	20,000	Top 1000	
1417	NGUYEN VAN HOC	16XXX363	20,000	Top 1000	
1418	CAO THU HONG	16XXX478	20,000	Top 1000	
1419	NGUYEN BANG TUYET	16XXX921	20,000	Top 1000	
1421	PHAN VIET THAO	16XXX978	20,000	Top 1000	
1422	LE THI HONG HIEN	16XXX966	20,000	Top 1000	
1423	HUYNH NGOC DUY	16XXX426	20,000	Top 1000	
1424	DO THI THAO QUYEN	16XXX775	20,000	Top 1000	
1425	TRAN CONG HAU	16XXX297	20,000	Top 1000	
1426	KHIEU THI THU THAO	16XXX397	20,000	Top 1000	
1427	DUONG THI THANH LAM	16XXX395	20,000	Top 1000	
1428	UONG NGOC HUNG	16XXX393	20,000	Top 1000	
1429	PHAN BA DUNG	16XXX246	20,000	Top 1000	
1430	VU CHI THANH	16XXX986	20,000	Top 1000	
1431	NGUYEN VAN BAO	16XXX105	20,000	Top 1000	
1432	LE VAN SANG	16XXX172	20,000	Top 1000	
1433	NGUYEN THI DIEM PHUC	16XXX549	20,000	Top 1000	
1434	TRAN THI UYEN LINH	16XXX012	20,000	Top 1000	
1435	QUACH TUAN QUAN	16XXX847	20,000	Top 1000	
1436	PHAN VAN HOA	16XXX021	20,000	Top 1000	
1437	NGUYEN THI KIM TRANG	16XXX455	20,000	Top 1000	
1438	PHAM THI HONG DUNG	16XXX521	20,000	Top 1000	
1439	TRAN THANH KIEU	16XXX912	20,000	Top 1000	
1440	LY THI MY CHAU	16XXX405	20,000	Top 1000	
1441	LE VAN THAI	16XXX104	20,000	Top 1000	
1442	DAO CONG THANH	19XXX387	20,000	Top 1000	
1443	DO DINH CUONG	16XXX017	20,000	Top 1000	
1444	NONG THI HUONG	16XXX121	20,000	Top 1000	
1445	CHU THI HANH	16XXX655	20,000	Top 1000	
1446	PHAM THI MY NUONG	16XXX824	20,000	Top 1000	
1447	NGUYEN VAN KHANH	70XXX383	20,000	Top 1000	
1448	HA VAN DAI	16XXX132	20,000	Top 1000	
1449	DO THI THANH HANG	16XXX197	20,000	Top 1000	
1450	LE KIM GIAU	16XXX661	20,000	Top 1000	
1451	PHAM THI NGOC TRAM	16XXX443	20,000	Top 1000	
1452	LE PHUC MAN	16XXX812	20,000	Top 1000	
1453	NGUYEN THI THANH HUE	16XXX827	20,000	Top 1000	
1454	DINH THI ANH NGOC	16XXX766	20,000	Top 1000	
1455	NGUYEN HOANG MINH TAM	16XXX227	20,000	Top 1000	
1456	PHAN TRUNG DUONG	16XXX608	20,000	Top 1000	
1457	NGO THI MINH HA	16XXX829	20,000	Top 1000	
1458	NGO DANG HONG LOAN	16XXX887	20,000	Top 1000	
1459	LE HO BAC	16XXX532	20,000	Top 1000	
1460	TRAN THI PHUONG THU	16XXX647	20,000	Top 1000	
1461	NGUYEN NHU DUONG	16XXX936	20,000	Top 1000	
1462	HO PHI NHUNG	16XXX248	20,000	Top 1000	
1463	NGUYEN THI THU THUY	16XXX248	20,000	Top 1000	
1464	NGUYEN THANH SANG	22XXX792	20,000	Top 1000	
1465	QUACH THI HAU	16XXX397	20,000	Top 1000	
1466	THI THOM	16XXX058	20,000	Top 1000	
1467	NGUYEN HUYNH KIM TRUC	16XXX112	20,000	Top 1000	
1468	LE TRAN KHANH HUYEN	16XXX933	20,000	Top 1000	
1469	LE VAN TANG	46XXX707	20,000	Top 1000	
1470	TRAN NGOC TU	16XXX645	20,000	Top 1000	

1471	TRAN THI QUYNH HUONG	16XXX117	20,000	Top 1000	
1472	NGUYEN THI NGOC YEN	16XXX409	20,000	Top 1000	
1473	BUI THI HONG MEN	16XXX347	20,000	Top 1000	
1474	NGUYEN THI LAN HUONG	16XXX158	20,000	Top 1000	
1475	SON CHI TAM	16XXX293	20,000	Top 1000	
1476	HA VAN KHAI	16XXX932	20,000	Top 1000	
1477	DUONG THE VU	51XXX995	20,000	Top 1000	
1478	HOANG VAN HUAN	16XXX237	20,000	Top 1000	
1479	NGUYEN VAN DUNG	16XXX733	20,000	Top 1000	
1480	TO THI NHANH	16XXX375	20,000	Top 1000	
1481	DO THI THU HIEN	16XXX619	20,000	Top 1000	
1482	VU TRUNG DUC	16XXX123	20,000	Top 1000	
1483	DUONG LE HOA	16XXX223	20,000	Top 1000	
1484	NGUYEN HUU THANH	16XXX932	20,000	Top 1000	
1485	TRAN THI TUYET	16XXX661	20,000	Top 1000	
1486	LAI THI CAM VY	16XXX844	20,000	Top 1000	
1487	TRAN NGUYEN TRUC LINH	16XXX634	20,000	Top 1000	
1488	NGUYEN TRUNG VINH	16XXX919	20,000	Top 1000	
1489	TRAN THI THU THUY	23XXX707	20,000	Top 1000	
1490	TRUONG MINH HAU	16XXX953	20,000	Top 1000	
1491	TRAN VAN CUNG	09XXX261	20,000	Top 1000	
1492	HOANG THI MY HANH	16XXX868	20,000	Top 1000	
1493	LE THI LINH CHI	16XXX088	20,000	Top 1000	
1494	DAO TRAN LAN QUYEN	16XXX037	20,000	Top 1000	
1495	LUONG THI DEP	16XXX769	20,000	Top 1000	
1496	TRINH ANH DUNG	16XXX248	20,000	Top 1000	
1497	NGUYEN NGOC BICH	16XXX828	20,000	Top 1000	
1498	DYON TRAN	16XXX793	20,000	Top 1000	
1499	VU THI LUYEN	16XXX079	20,000	Top 1000	
1500	TRAN THI HUYNH NHU	10XXX799	20,000	Top 1000	
1501	MAI KIM DANG	16XXX006	20,000	Top 1000	
1502	NGUYEN QUANG PHUONG	16XXX644	20,000	Top 1000	
1503	TRAN MINH TANG	16XXX618	20,000	Top 1000	
1504	NGUYEN DANG TUNG	16XXX114	20,000	Top 1000	
1505	DO NHU SON	16XXX685	20,000	Top 1000	
1506	HA THI XUAN	16XXX417	20,000	Top 1000	
1507	TRAN THI SEN	16XXX895	20,000	Top 1000	
1508	VU THI HA	16XXX179	20,000	Top 1000	
1509	TRAN VAN HUNG	16XXX634	20,000	Top 1000	
1510	NGUYEN VAN PHUC	73XXX899	20,000	Top 1000	
1511	PHAM THI NGOC	16XXX758	20,000	Top 1000	
1512	TRAN THI HUE	16XXX677	20,000	Top 1000	
1513	NGUYEN THI THUY	16XXX397	20,000	Top 1000	
1514	TRAN THI PHIN	16XXX604	20,000	Top 1000	
1515	DANG THI HAI	16XXX503	20,000	Top 1000	
1516	BUI THI TUOI	16XXX902	20,000	Top 1000	
1517	BUI THI NHAI	16XXX011	20,000	Top 1000	
1518	CHAU MINH TUYEN	16XXX837	20,000	Top 1000	
1519	NGUYEN VAN THANG	16XXX667	20,000	Top 1000	
1520	TRAN THI NHAN	16XXX187	20,000	Top 1000	
1521	DO MANH THANG	16XXX355	20,000	Top 1000	
1522	NGUYEN HONG QUANG	18XXX607	20,000	Top 1000	
1523	BAN THI LINH	16XXX633	20,000	Top 1000	
1524	BUI THI HUE	16XXX666	20,000	Top 1000	
1525	PHAM MINH DU	16XXX416	20,000	Top 1000	
1526	PHAN THI THANH HOA	16XXX341	20,000	Top 1000	
1527	BUI THI THAO	16XXX906	20,000	Top 1000	
1528	TRAN THI HUONG	16XXX308	20,000	Top 1000	
1529	NGUYEN THI THAM	16XXX226	20,000	Top 1000	
1530	LE THI THAM	16XXX793	20,000	Top 1000	
1531	NGUYEN THI DIEM HUONG	16XXX458	20,000	Top 1000	
1532	HOANG THI PHUONG	16XXX926	20,000	Top 1000	
1533	HOANG THI KHUYEN	16XXX582	20,000	Top 1000	

1534	LE THU LAN	11XX555	20,000	Top 1000	
1535	DO THI THINH	16XX088	20,000	Top 1000	
1536	NGUYEN THI KIEU	16XX608	20,000	Top 1000	
1537	DUONG NGOC ANH	16XX374	20,000	Top 1000	
1538	DANG THI TRA MY	16XX507	20,000	Top 1000	
1539	VO THI PHUONG TAM	17XX347	20,000	Top 1000	
1540	VU DINH VINH	17XX042	20,000	Top 1000	
1541	DANG VAN HAI	17XX456	20,000	Top 1000	
1542	NGUYEN THI DUNG	10XX984	20,000	Top 1000	
1543	TRAN VAN DUY	96XX939	20,000	Top 1000	
1544	NGUYEN THI THAO	17XX717	20,000	Top 1000	
1545	NGUYEN THI DIEP	17XX824	20,000	Top 1000	
1546	NGUYEN DUY DAO	17XX007	20,000	Top 1000	
1547	PHAM THI BICH HANH	17XX153	20,000	Top 1000	
1548	PHAN VAN KHAI	17XX172	20,000	Top 1000	
1549	LUONG THI MY	18XX382	20,000	Top 1000	
1550	NGUYEN VAN HUNG	23XX232	20,000	Top 1000	
1551	NGUYEN THI HONG CHAU	17XX387	20,000	Top 1000	
1552	NGUYEN VAN SANG	19XX315	20,000	Top 1000	
1553	NGUYEN THI LOAN	89XX537	20,000	Top 1000	
1554	LE TRUNG KIEN	17XX176	20,000	Top 1000	
1555	LE THI HAI DUNG	23XX846	20,000	Top 1000	
1556	LA NGOC TRANG	17XX081	20,000	Top 1000	
1557	BUI NGUYEN HOANG ANH	17XX791	20,000	Top 1000	
1558	TRAN VAN DAI	17XX954	20,000	Top 1000	
1559	NGUYEN THI LE	22XX795	20,000	Top 1000	
1560	BUI THI DUYEN	17XX948	20,000	Top 1000	
1561	PHAN THANH HIEN	23XX638	20,000	Top 1000	
1562	BUI NGOC SON	17XX032	20,000	Top 1000	
1563	NGUYEN VAN THOM	20XX869	20,000	Top 1000	
1564	BACH THI PHUONG	17XX179	20,000	Top 1000	
1565	DINH VAN DU	17XX359	20,000	Top 1000	
1566	LE THI MY	17XX572	20,000	Top 1000	
1567	NGUYEN THI PHUONG THAO	67XX396	20,000	Top 1000	
1568	LE NGOC HAI	17XX906	20,000	Top 1000	
1569	NGUYEN THANH THIEN	17XX739	20,000	Top 1000	
1570	HOANG QUANG VINH	17XX478	20,000	Top 1000	
1571	DO TIEN DUNG	17XX997	20,000	Top 1000	
1572	CAO DINH SINH	17XX776	20,000	Top 1000	
1573	DO DUC HOA	17XX988	20,000	Top 1000	
1574	NGUYEN MANH CUONG	17XX115	20,000	Top 1000	
1575	CHU THE ANH	17XX726	20,000	Top 1000	
1576	VO HOANG PHUC	17XX872	20,000	Top 1000	
1577	THAN THI NGOC ANH	17XX212	20,000	Top 1000	
1578	NGUYEN THI DIEN	17XX484	20,000	Top 1000	
1579	NGUYEN PHUONG NINH	17XX828	20,000	Top 1000	
1580	HOANG THANH NGOC	17XX188	20,000	Top 1000	
1581	VU HONG CONG	17XX847	20,000	Top 1000	
1582	DOAN THI HIEN	17XX709	20,000	Top 1000	
1583	TRUONG HUU TAM	17XX181	20,000	Top 1000	
1584	LE HUYNH KHANH CHAU	21XX404	20,000	Top 1000	
1585	VU THAI SON	17XX017	20,000	Top 1000	
1586	HA HUNG CUONG	17XX068	20,000	Top 1000	
1587	LAI THI QUYNH	17XX594	20,000	Top 1000	
1588	THIEU DUC MANH	17XX649	20,000	Top 1000	
1589	DO THI NHAN	17XX737	20,000	Top 1000	
1590	DANG NGOC YEN CHI	17XX751	20,000	Top 1000	
1591	BUI THI TUYET NHUNG	22XX218	20,000	Top 1000	
1592	NGUYEN THI TRAM	37XX939	20,000	Top 1000	
1593	LE VAN NAM	17XX514	20,000	Top 1000	
1594	NGUYEN THANH HA	17XX779	20,000	Top 1000	
1595	DO VAN UY	17XX055	20,000	Top 1000	
1596	TRINH VAN AN	17XX828	20,000	Top 1000	

1597	LE THI NGÀ	21XX949	20,000	Top 1000	
1598	PHAM THANH LONG	17XX397	20,000	Top 1000	
1599	DANFENG LI	17XX731	20,000	Top 1000	
1600	PHAM THI HOANG THAO	21XX277	20,000	Top 1000	
1601	NGUYEN XUAN DUC	17XX321	20,000	Top 1000	
1602	NGUYEN THI KIM OANH	18XX688	20,000	Top 1000	
1603	NGUYEN THI THU HIEN	17XX967	20,000	Top 1000	
1604	LUONG HUNG CUONG	55XX888	20,000	Top 1000	
1605	VO THE NINH	17XX577	20,000	Top 1000	
1606	CHU BA BINH	17XX508	20,000	Top 1000	
1607	TRAN THUY AN	17XX734	20,000	Top 1000	
1608	TA THUY NGÀ	17XX147	20,000	Top 1000	
1609	LAM VAN BA	17XX893	20,000	Top 1000	
1610	NGUYEN PHAN DUY KHANH	96XX777	20,000	Top 1000	
1611	LE KIM VAN	63XX999	20,000	Top 1000	
1612	NGUYEN VAN BINH	53XX758	20,000	Top 1000	
1613	NGUYEN HUYNH TUAN ANH	17XX687	20,000	Top 1000	
1614	HUA THI VINH	17XX795	20,000	Top 1000	
1615	DUONG THI LOC	17XX798	20,000	Top 1000	
1616	NGUYEN THI HANH	17XX076	20,000	Top 1000	
1617	LE THI HONG	17XX351	20,000	Top 1000	
1618	DO THI HUE	17XX653	20,000	Top 1000	
1619	CU XUAN DUNG	17XX829	20,000	Top 1000	
1620	DAO VAN HA	17XX237	20,000	Top 1000	
1621	PHAM VAN SON	17XX118	20,000	Top 1000	
1622	NGUYEN BA HUY	17XX661	20,000	Top 1000	
1623	VO THI MY HIEU	17XX362	20,000	Top 1000	
1624	NGUYEN NGOC SY	17XX069	20,000	Top 1000	
1625	TRAN THI THUY	22XX631	20,000	Top 1000	
1626	NGUYEN THUY DUONG	17XX871	20,000	Top 1000	
1627	NGUYEN TIEN THAO	66XX169	20,000	Top 1000	
1628	DINH THI THUONG	26XX098	20,000	Top 1000	
1629	MAI THI LY	17XX037	20,000	Top 1000	
1630	HOANG QUOC VIET	20XX403	20,000	Top 1000	
1631	PHAM THI HONG HUE	09XX423	20,000	Top 1000	
1632	NGUYEN THI NGÀ	17XX672	20,000	Top 1000	
1633	PHAN VAN HUYEN	17XX323	20,000	Top 1000	
1634	DINH THI KIM CUONG	68XX399	20,000	Top 1000	
1635	PHAN TRAN NHAT CHI	17XX654	20,000	Top 1000	
1636	NGUYEN VAN DUNG	17XX659	20,000	Top 1000	
1637	NGUYEN HUU KIEM	16XX888	20,000	Top 1000	
1638	PHAM THI HA	17XX846	20,000	Top 1000	
1639	NGUYEN HOANG KY	17XX317	20,000	Top 1000	
1640	NGUYEN HUU TRUONG	17XX931	20,000	Top 1000	
1641	LE HUU SON	17XX014	20,000	Top 1000	
1642	THAN VAN DAT	17XX736	20,000	Top 1000	
1643	HOANG THI KIM THOA	17XX604	20,000	Top 1000	
1644	GIAP MY LINH	17XX183	20,000	Top 1000	
1645	LE THI DIEU	17XX099	20,000	Top 1000	
1646	PHUNG TRAN THUY DUYEN	17XX748	20,000	Top 1000	
1647	LE DINH TUNG	17XX988	20,000	Top 1000	
1648	DUONG TIEN THE VY	17XX422	20,000	Top 1000	
1649	PHAM THI ANH NGOC	23XX732	20,000	Top 1000	
1650	HOANG HUU BANG	17XX531	20,000	Top 1000	
1651	LUU NGOC BAO	17XX067	20,000	Top 1000	
1652	NGUYEN VAN DUONG	17XX522	20,000	Top 1000	
1653	NGUYEN THI DAO	17XX778	20,000	Top 1000	
1654	NGUYEN NGOC TIEN	17XX001	20,000	Top 1000	
1655	BUI THANH LIEM	17XX016	20,000	Top 1000	
1656	NGUYEN MINH HOANG	17XX058	20,000	Top 1000	
1657	NGUYEN VAN MUON	17XX425	20,000	Top 1000	
1658	NGUYEN DUY NAM	18XX996	20,000	Top 1000	
1659	NGUYEN HOANG TRUC	23XX161	20,000	Top 1000	

1660	TRAN THI MY TRINH	17XXX771	20,000	Top 1000	
1661	HOANG THI THUY	17XXX468	20,000	Top 1000	
1662	TO THI QUY	26XXX303	20,000	Top 1000	
1663	DO CHINH HUY	24XXX589	20,000	Top 1000	
1664	NGUYEN THI UYEN	17XXX624	20,000	Top 1000	
1665	NGUYEN LAM GIANG	17XXX572	20,000	Top 1000	
1666	HO THI TUYET NGOC	17XXX071	20,000	Top 1000	
1667	NGUYEN THI DOAN	17XXX856	20,000	Top 1000	
1668	BUI THI THANH NGA	17XXX767	20,000	Top 1000	
1669	TRAN VAN DUONG	17XXX397	20,000	Top 1000	
1670	NGUYEN THI HOI	20XXX092	20,000	Top 1000	
1671	NGUYEN MINH HANH	17XXX941	20,000	Top 1000	
1672	DOAN TRONG BAC	17XXX336	20,000	Top 1000	
1673	TA OAI CUONG	19XXX438	20,000	Top 1000	
1674	DUONG QUOC ANH	17XXX878	20,000	Top 1000	
1675	LE THI HANH	17XXX166	20,000	Top 1000	
1676	PHAM THI PHUONG HOA	18XXX662	20,000	Top 1000	
1677	HA THI ANH	17XXX747	20,000	Top 1000	
1678	NGUYEN THI CHI	17XXX898	20,000	Top 1000	
1679	NGUYEN TUAN ANH	17XXX869	20,000	Top 1000	
1680	DAO HUU TRONG	17XXX828	20,000	Top 1000	
1681	NGUYEN THI MUI	17XXX324	20,000	Top 1000	
1682	NGUYEN THI BAC	17XXX981	20,000	Top 1000	
1683	NGUYEN LONG HUNG	17XXX115	20,000	Top 1000	
1684	VU THI THUY PHUONG	17XXX267	20,000	Top 1000	
1685	NGUYEN THI BICH PHUONG	17XXX107	20,000	Top 1000	
1686	BUI THI AN	17XXX865	20,000	Top 1000	
1687	NGUYEN VAN KHANH	17XXX794	20,000	Top 1000	
1688	QUACH THI TRA MY	17XXX935	20,000	Top 1000	
1689	DUONG DIEU TRINH	17XXX265	20,000	Top 1000	
1690	NGUYEN THANH YEN	38XXX139	20,000	Top 1000	
1691	NGUYEN QUANG HUY	17XXX801	20,000	Top 1000	
1692	TRUONG MINH DANH	39XXX987	20,000	Top 1000	
1693	VI VAN MANH	17XXX063	20,000	Top 1000	
1694	HOANG HUY UOC	17XXX939	20,000	Top 1000	
1695	NGUYEN THI THANH NHAN	17XXX961	20,000	Top 1000	
1696	NGUYEN PHU CHIEN	17XXX732	20,000	Top 1000	
1697	LE VAN THACH	17XXX924	20,000	Top 1000	
1698	LE ANH TICH	17XXX586	20,000	Top 1000	
1699	NGUYEN THUY DUONG	60XXX268	20,000	Top 1000	
1700	DO THI LOI	18XXX365	20,000	Top 1000	
1701	NGUYEN VAN HUNG	17XXX184	20,000	Top 1000	
1702	NONG THI HAO	17XXX575	20,000	Top 1000	
1703	NGUYEN VAN TRUONG	17XXX377	20,000	Top 1000	
1704	HOANG THI XUYEN	18XXX828	20,000	Top 1000	
1705	TRAN MINH PHUONG	18XXX337	20,000	Top 1000	
1706	NGUYEN THI DIEP	18XXX266	20,000	Top 1000	
1707	QUACH NGOC CHI	18XXX006	20,000	Top 1000	
1708	THAI THI LUONG	18XXX648	20,000	Top 1000	
1709	TRAN TRUNG HIEU	03XXX069	20,000	Top 1000	
1710	VU MANH QUYET	18XXX352	20,000	Top 1000	
1711	NGUYEN PHUONG LINH	18XXX517	20,000	Top 1000	
1712	TRAN VAN QUANG	18XXX698	20,000	Top 1000	
1713	NGUYEN DANG HUNG	18XXX888	20,000	Top 1000	
1714	TRAN VAN DUNG	18XXX055	20,000	Top 1000	
1715	NGUYEN VAN VU	18XXX359	20,000	Top 1000	
1716	PHAM THI THANH	18XXX808	20,000	Top 1000	
1717	MAI THI NGOAN	18XXX668	20,000	Top 1000	
1718	PHAM NGOC LINH	18XXX958	20,000	Top 1000	
1719	BUI VAN HIEP	18XXX753	20,000	Top 1000	
1720	NGUYEN THU QUYNH	18XXX538	20,000	Top 1000	
1721	BUI THI NHUNG	18XXX068	20,000	Top 1000	
1722	HO DANG QUANG	18XXX589	20,000	Top 1000	

1723	PHAN VAN HIEN	18XXX506	20,000	Top 1000	
1724	NGUYEN THACH THANG	18XXX554	20,000	Top 1000	
1725	NGUYEN THI NGOC ANH	18XXX879	20,000	Top 1000	
1726	DO THI NHUNG	18XXX215	20,000	Top 1000	
1727	NGUYEN XUAN SON	18XXX927	20,000	Top 1000	
1728	VU VAN QUAN	18XXX781	20,000	Top 1000	
1730	NGUYEN VAN NAM	18XXX784	20,000	Top 1000	
1731	NGUYEN VAN CAM	18XXX094	20,000	Top 1000	
1732	TO MINH VUONG	08XXX887	20,000	Top 1000	
1733	PHAM THI LIEU	18XXX388	20,000	Top 1000	
1734	TRAN VAN THANG	18XXX577	20,000	Top 1000	
1735	BUI VAN TINH	18XXX786	20,000	Top 1000	
1736	NGUYEN VAN THANH	18XXX934	20,000	Top 1000	
1737	HOANG THI QUYNH ANH	18XXX547	20,000	Top 1000	
1738	TRAN THI HUYEN TRANG	18XXX445	20,000	Top 1000	
1739	NGUYEN THI NGUYET	18XXX469	20,000	Top 1000	
1740	BUI THI LE	18XXX533	20,000	Top 1000	
1741	BUI VAN DUNG	18XXX141	20,000	Top 1000	
1742	VAN THI HUE	18XXX027	20,000	Top 1000	
1743	LE VAN TRUNG	18XXX897	20,000	Top 1000	
1744	DINH THI LOAN	18XXX286	20,000	Top 1000	
1745	PHUNG VAN HAI	18XXX132	20,000	Top 1000	
1746	TRAN THI HANG	18XXX194	20,000	Top 1000	
1747	NGUYEN BINH DUY	18XXX069	20,000	Top 1000	
1748	TRUONG THI LOAN	18XXX788	20,000	Top 1000	
1749	TRAN VAN LONG	24XXX808	20,000	Top 1000	
1750	NGUYEN TUAN HOAN	18XXX587	20,000	Top 1000	
1751	NGUYEN THI LOAN	18XXX393	20,000	Top 1000	
1752	NGUYEN THI HA	18XXX856	20,000	Top 1000	
1754	CHU VIET NGOC	98XXX910	20,000	Top 1000	
1755	NGUYEN MANH HUNG	18XXX568	20,000	Top 1000	
1756	PHAN ANH PHUONG	18XXX002	20,000	Top 1000	
1757	NGUYEN THI NGOC LINH	18XXX868	20,000	Top 1000	
1758	HUYNH TRUNG TIN	65XXX192	20,000	Top 1000	
1759	NGUYEN VAN THUAN	18XXX182	20,000	Top 1000	
1760	NGUYEN VAN THANH	18XXX915	20,000	Top 1000	
1761	VU THU TRANG HA	18XXX638	20,000	Top 1000	
1762	NGUYEN THI HONG HAI	18XXX806	20,000	Top 1000	
1763	PHAM THI NGOC SANG	18XXX558	20,000	Top 1000	
1764	NGUYEN THI THU HUONG	22XXX997	20,000	Top 1000	
1765	LE HOANG NHI	18XXX675	20,000	Top 1000	
1766	TRINH VAN TIEP	25XXX448	20,000	Top 1000	
1767	TRAN THI KIM THOA	18XXX783	20,000	Top 1000	
1768	NGUYEN THI CAM TRUC	18XXX542	20,000	Top 1000	
1769	TA NGOC PHUC	29XXX993	20,000	Top 1000	
1770	PHAM THI LIEN	18XXX228	20,000	Top 1000	
1771	HOANG THI HUE	18XXX324	20,000	Top 1000	
1772	NGUYEN TRONG DAI	18XXX577	20,000	Top 1000	
1773	TRAN THUYEN	18XXX035	20,000	Top 1000	
1774	PHAM CAO QUYEN	18XXX524	20,000	Top 1000	
1775	NGUYEN THUY GIANG	18XXX965	20,000	Top 1000	
1776	TRAN THI HIEN	18XXX947	20,000	Top 1000	
1778	NGUYEN VAN VO	86XXX888	20,000	Top 1000	
1779	NGUYEN TRUNG DA	18XXX354	20,000	Top 1000	
1780	PHAM HONG SON	18XXX357	20,000	Top 1000	
1781	NGUYEN NGOC PHUONG TUYEN	18XXX117	20,000	Top 1000	
1782	TRUONG CONG DUY	18XXX037	20,000	Top 1000	
1783	DANG VAN TRANG	18XXX587	20,000	Top 1000	
1784	NGUYEN THI CAM TIEN	18XXX737	20,000	Top 1000	
1785	NGUYEN THI OANH	18XXX472	20,000	Top 1000	
1786	HA THI THU THAO	18XXX075	20,000	Top 1000	
1787	TRAN THI THUY DUONG	18XXX776	20,000	Top 1000	
1788	KHUAT THI TRANG	18XXX582	20,000	Top 1000	

1789	NGO QUANG HOA	18XXX628	20,000	Top 1000	
1790	DANG VAN MAU	18XXX797	20,000	Top 1000	
1791	NGUYEN THI PHUONG	18XXX937	20,000	Top 1000	
1792	LUONG THI DUNG	18XXX531	20,000	Top 1000	
1793	VU THI HUYEN	18XXX923	20,000	Top 1000	
1794	DANG DUC KHUE	18XXX169	20,000	Top 1000	
1795	VI THI XUYEN	18XXX348	20,000	Top 1000	
1796	NGUYEN THI THU	18XXX417	20,000	Top 1000	
1797	NGUYEN NHU HIEP	23XXX833	20,000	Top 1000	
1798	DANG CHU HONG DIEP	18XXX267	20,000	Top 1000	
1799	BUI THANH TUYEN	18XXX185	20,000	Top 1000	
1800	TA BICH LOAN	83XXX812	20,000	Top 1000	
1801	PHAM THE LAP	18XXX683	20,000	Top 1000	
1802	MAI XUAN BINH	18XXX505	20,000	Top 1000	
1803	HOANG NGOC THAI	18XXX403	20,000	Top 1000	
1804	NGUYEN THI HAO	18XXX974	20,000	Top 1000	
1805	NGUYEN THI HIEN	18XXX424	20,000	Top 1000	
1806	NGUYEN THI THU HUONG	18XXX212	20,000	Top 1000	
1807	DO DANG CUONG	18XXX559	20,000	Top 1000	
1809	NGUYEN VAN HA	18XXX439	20,000	Top 1000	
1810	DOAN THU TRANG	18XXX779	20,000	Top 1000	
1811	TRAN DINH DU	18XXX416	20,000	Top 1000	
1812	NGUYEN THI THU HIEN	18XXX931	20,000	Top 1000	
1813	NGUYEN PHI HUNG	18XXX223	20,000	Top 1000	
1814	NGUYEN DUNG	08XXX567	20,000	Top 1000	
1815	DO TUAN ANH	24XXX119	20,000	Top 1000	
1816	NGUYEN CANH SON	18XXX913	20,000	Top 1000	
1817	BIEN XUAN DAN	18XXX701	20,000	Top 1000	
1818	NGUYEN THE HOI	18XXX843	20,000	Top 1000	
1819	LUONG CONG HOANG	18XXX798	20,000	Top 1000	
1820	DANG THI BICH	18XXX627	20,000	Top 1000	
1821	NGUYEN VAN THAO	18XXX239	20,000	Top 1000	
1822	PHAM TRUNG KIEN	20XXX982	20,000	Top 1000	
1823	TRAN VU TIEN DAT	18XXX821	20,000	Top 1000	
1824	VU TUAN SANG	18XXX718	20,000	Top 1000	
1825	DANG VAN THUY	18XXX067	20,000	Top 1000	
1826	CAO VAN LOC	18XXX045	20,000	Top 1000	
1827	NGUYEN THI BICH HUE	18XXX397	20,000	Top 1000	
1828	TRAN CANH TOAN HO KINH DOANH TR	18XXX329	20,000	Top 1000	
1829	LE THI HANG	18XXX467	20,000	Top 1000	
1831	PHAM THI HONG GAM	18XXX881	20,000	Top 1000	
1832	PHAM VAN MANH	18XXX217	20,000	Top 1000	
1833	NGUYEN THI MY LINH	18XXX072	20,000	Top 1000	
1834	NGUYEN THI MY PHUONG	18XXX646	20,000	Top 1000	
1835	PHAM THI THU HUYEN	18XXX421	20,000	Top 1000	
1836	NGUYEN VAN TIEN	18XXX936	20,000	Top 1000	
1837	NGUYEN CAO NGUYEN	18XXX853	20,000	Top 1000	
1838	VU DUC KHOA	18XXX772	20,000	Top 1000	
1839	NGUYEN THE ANH	18XXX388	20,000	Top 1000	
1840	DINH VAN CUONG	18XXX707	20,000	Top 1000	
1841	LE VAN HOAI	18XXX774	20,000	Top 1000	
1842	NGO THI HIEN	18XXX888	20,000	Top 1000	
1843	DINH PHUONG LINH	18XXX288	20,000	Top 1000	
1844	NGUYEN VAN THUAN	18XXX079	20,000	Top 1000	
1845	LE THI LAN ANH	18XXX304	20,000	Top 1000	
1846	TRAN TRI DUC	03XXX303	20,000	Top 1000	
1847	PHAM VAN PHI	18XXX268	20,000	Top 1000	
1848	MAI THI HUONG	18XXX838	20,000	Top 1000	
1849	NGUYEN THU TRANG	18XXX807	20,000	Top 1000	
1850	NGHIEM QUANG NGHIA	18XXX414	20,000	Top 1000	
1851	NGO THI HUYEN TRANG	18XXX088	20,000	Top 1000	
1852	NGUYEN DUC THANG	18XXX306	20,000	Top 1000	
1853	NGUYEN THI LE NA	18XXX747	20,000	Top 1000	

1854	NGUYEN THI HUONG	22XXX288	20,000	Top 1000	
1855	NGUYEN VAN PHUONG	18XXX752	20,000	Top 1000	
1856	TRAN BINH DINH	18XXX578	20,000	Top 1000	
1857	NGUYEN HOAI THU	18XXX596	20,000	Top 1000	
1858	NGUYEN THI NHU QUYNH	18XXX302	20,000	Top 1000	
1859	NGUYEN TIEN MANH	18XXX737	20,000	Top 1000	
1860	NGUYEN THI HUONG	18XXX047	20,000	Top 1000	
1861	DAM DINH DUONG	18XXX674	20,000	Top 1000	
1862	NGUYEN THI VAN	18XXX766	20,000	Top 1000	
1863	CAO THI NU	18XXX173	20,000	Top 1000	
1864	MAI XUAN HOA	18XXX854	20,000	Top 1000	
1865	VU DINH HUYNH	20XXX818	20,000	Top 1000	
1866	NGUYEN THI PHUONG	18XXX562	20,000	Top 1000	
1867	LE THI HOA	18XXX349	20,000	Top 1000	
1868	LUU THI THANH MAI	18XXX117	20,000	Top 1000	
1869	NGUYEN QUE LAM	18XXX376	20,000	Top 1000	
1870	DOAN THAI SON	18XXX342	20,000	Top 1000	
1871	KHIEU THI HUONG	26XXX308	20,000	Top 1000	
1872	LEU CHI THANH	20XXX654	20,000	Top 1000	
1873	NGUYEN THI KIM YEN	18XXX747	20,000	Top 1000	
1874	NGUYEN VAN VY	18XXX308	20,000	Top 1000	
1875	LE THANH TRA	18XXX601	20,000	Top 1000	
1876	NGUYEN THI BE HUONG	18XXX766	20,000	Top 1000	
1877	NGUYEN THU THAO	18XXX648	20,000	Top 1000	
1878	VUONG QUOC CHINH	18XXX113	20,000	Top 1000	
1879	VU THI BICH NGOC	18XXX729	20,000	Top 1000	
1880	PHAN A DAT	18XXX717	20,000	Top 1000	
1881	GI A CHEO	18XXX373	20,000	Top 1000	
1882	HOANG DINH SAO	18XXX177	20,000	Top 1000	
1883	PHAM THI PHUONG	18XXX558	20,000	Top 1000	
1884	LE THI HOA	18XXX027	20,000	Top 1000	
1885	DUONG THI THU	19XXX697	20,000	Top 1000	
1886	PHAM VAN THUAN	18XXX127	20,000	Top 1000	
1887	MONG THI THUY BINH	18XXX824	20,000	Top 1000	
1888	TRAN NGOC LINH	19XXX883	20,000	Top 1000	
1889	TRAN XUAN TUONG	18XXX777	20,000	Top 1000	
1890	NGUYEN THI DUONG	18XXX778	20,000	Top 1000	
1891	LE THI NGOC	18XXX707	20,000	Top 1000	
1892	THAN VAN HUNG	62XXX596	20,000	Top 1000	
1893	PHAM THI HOA	18XXX677	20,000	Top 1000	
1894	LAM HOANG NAM	18XXX316	20,000	Top 1000	
1895	TRAN NGOC HUYNH NHU	18XXX418	20,000	Top 1000	
1896	PHUNG CHIEN THANG	18XXX088	20,000	Top 1000	
1897	TRAN THI MAI HIEN	18XXX838	20,000	Top 1000	
1898	TRUONG THI NGOC YEN	18XXX723	20,000	Top 1000	
1899	VU QUANG MANH	18XXX678	20,000	Top 1000	
1900	NGUYEN VAN THUONG	18XXX992	20,000	Top 1000	
1901	NGO VAN TOAN	18XXX247	20,000	Top 1000	
1902	PHAM VAN QUANG	18XXX636	20,000	Top 1000	
1903	NGUYEN THI BICH THI	18XXX501	20,000	Top 1000	
1904	VU QUOC LOC	21XXX467	20,000	Top 1000	
1905	NGUYEN TIEN KHANH	18XXX851	20,000	Top 1000	
1906	TRAN MINH THANG	68XXX988	20,000	Top 1000	
1907	DOAN VAN TAN	18XXX178	20,000	Top 1000	
1908	VO THI TRUC LINH	18XXX039	20,000	Top 1000	
1909	TRAN VAN BAC	18XXX804	20,000	Top 1000	
1910	NONG VAN TU	18XXX032	20,000	Top 1000	
1911	TRIEU XUAN DAO	18XXX121	20,000	Top 1000	
1912	DANG HUU CHIEN	18XXX671	20,000	Top 1000	
1913	DUONG THI NET	18XXX407	20,000	Top 1000	
1914	TRIEU VAN CHIEU	18XXX452	20,000	Top 1000	
1915	LUONG TRIEU THUONG	18XXX664	20,000	Top 1000	
1916	NGUYEN THI LINH	18XXX259	20,000	Top 1000	

1917	NGUYEN XUAN TUNG	18XXX337	20,000	Top 1000	
1918	LO BA VEN	18XXX358	20,000	Top 1000	
1919	TRINH TRONG DUY	18XXX598	20,000	Top 1000	
1920	CAO MINH DUNG	18XXX228	20,000	Top 1000	
1921	NGUYEN HOANG DUAN	18XXX734	20,000	Top 1000	
1922	NGUYEN VAN QUAN	18XXX962	20,000	Top 1000	
1923	NGUYEN THI CHUNG	18XXX158	20,000	Top 1000	
1924	DUONG MAI ANH	18XXX848	20,000	Top 1000	
1925	LE NGOC MY	18XXX686	20,000	Top 1000	
1926	TRAN NGOC TOAN	21XXX987	20,000	Top 1000	
1927	NGUYEN THE VIET	18XXX091	20,000	Top 1000	
1928	NGUYEN THI PHUONG THAO	18XXX127	20,000	Top 1000	
1929	NGUYEN THI CHINH	18XXX029	20,000	Top 1000	
1930	BUI THI THU	18XXX991	20,000	Top 1000	
1931	NGUYEN VAN HUNG	18XXX612	20,000	Top 1000	
1932	NGUYEN MANH CON	18XXX953	20,000	Top 1000	
1933	LE NGOC THAO	18XXX303	20,000	Top 1000	
1934	DO TRUNG THANH	18XXX727	20,000	Top 1000	
1935	DU THI NHAI	18XXX878	20,000	Top 1000	
1936	NGO THI THAM	62XXX977	20,000	Top 1000	
1937	PHAM CONG THIEN	22XXX212	20,000	Top 1000	
1938	PHAN THI DUYEN	18XXX948	20,000	Top 1000	
1940	HA THANH PHUC	18XXX992	20,000	Top 1000	
1941	DAO VIET CONG	18XXX028	20,000	Top 1000	
1942	TRAN QUANG HUY	81XXX555	20,000	Top 1000	
1943	DO TO QUYEN	19XXX429	20,000	Top 1000	
1944	NGUYEN ANH DUY	19XXX004	20,000	Top 1000	
1945	NGUYEN DUC THUAN	19XXX695	20,000	Top 1000	
1946	LE THI NIEN	19XXX777	20,000	Top 1000	
1947	THIEU XUAN TRUONG	19XXX162	20,000	Top 1000	
1948	TRINH THI HONG LY	19XXX822	20,000	Top 1000	
1949	TAN A CHUNG	19XXX439	20,000	Top 1000	
1950	TRAN HUNG PHI	19XXX999	20,000	Top 1000	
1951	NGUYEN HOANG QUANG THIEN	19XXX943	20,000	Top 1000	
1952	PHAN HIEU BINH	19XXX008	20,000	Top 1000	
1953	TA THI PHUONG DUNG	46XXX507	20,000	Top 1000	
1954	DINH CONG SU	19XXX257	20,000	Top 1000	
1955	DO THANH LUAN	19XXX544	20,000	Top 1000	
1956	PHAM THI NGUYET	19XXX547	20,000	Top 1000	
1957	DUONG NGO TRONG	10XXX333	20,000	Top 1000	
1958	LE XUAN LUAN	19XXX278	20,000	Top 1000	
1959	PHAM THI KIM CHI	19XXX892	20,000	Top 1000	
1960	THAI THI MAI LE	19XXX359	20,000	Top 1000	
1961	LE BICH NGOC	19XXX631	20,000	Top 1000	
1962	DO VAN TRUONG	20XXX999	20,000	Top 1000	
1963	PHAN NGOC HIEN	19XXX877	20,000	Top 1000	
1964	HA THI KIM VU	19XXX149	20,000	Top 1000	
1965	NGUYEN HA MY	19XXX328	20,000	Top 1000	
1966	NGUYEN VAN HA	19XXX789	20,000	Top 1000	
1967	NGUYEN VAN TAM	19XXX153	20,000	Top 1000	
1968	THACH THI MY NUONG	19XXX777	20,000	Top 1000	
1969	BUI THI HONG HANH	19XXX592	20,000	Top 1000	
1970	NGUYEN BA HUNG	57XXX093	20,000	Top 1000	
1971	LE VAN TAN	19XXX207	20,000	Top 1000	
1972	DO NGOC KHANH	19XXX167	20,000	Top 1000	
1974	THACH TAM	19XXX918	20,000	Top 1000	
1975	LE THI TUYET MAI	19XXX413	20,000	Top 1000	
1976	LE THI DIEM LY	19XXX673	20,000	Top 1000	
1977	TRAN THI NGA	19XXX586	20,000	Top 1000	
1978	HOANG VAN DUONG	19XXX701	20,000	Top 1000	
1979	NGUYEN HONG SON	19XXX506	20,000	Top 1000	
1980	LE THI HIEN	19XXX318	20,000	Top 1000	
1981	NGUYEN THI HUYNH NHU	19XXX791	20,000	Top 1000	

1982	NGUYEN DUY KHANH	19XXX216	20,000	Top 1000	
1983	QUACH DUY MY	19XXX187	20,000	Top 1000	
1984	PHAN VAN CHIEN	19XXX282	20,000	Top 1000	
1985	NGUYEN VAN PHAP	56XXX999	20,000	Top 1000	
1986	NGUYEN BICH DIEP	24XXX042	20,000	Top 1000	
1987	PHAN QUANG NGOC	19XXX162	20,000	Top 1000	
1988	NGUYEN THI TRA MY	19XXX574	20,000	Top 1000	
1989	NGUYEN THI HONG	16XXX993	20,000	Top 1000	
1990	LE VAN ANH	19XXX911	20,000	Top 1000	
1991	TRAN TIEN LUC	19XXX227	20,000	Top 1000	
1992	NGUYEN THI THU TRANG	19XXX749	20,000	Top 1000	
1993	HOANG MANH DUNG	19XXX168	20,000	Top 1000	
1994	HO DUC BINH	19XXX037	20,000	Top 1000	
1995	DINH VAN THUAN	19XXX778	20,000	Top 1000	
1996	DAO THANH TUNG	19XXX898	20,000	Top 1000	
1997	HOANG ANH QUAN	19XXX531	20,000	Top 1000	
1998	LE THI HIEN	19XXX617	20,000	Top 1000	
1999	TRAN VAN NGOC	19XXX291	20,000	Top 1000	
2000	MAI DUY HA	64XXX986	20,000	Top 1000	
2001	TRAN VAN CUONG	19XXX149	20,000	Top 1000	
2002	DUONG THI LUYEN	22XXX114	20,000	Top 1000	
2003	NGUYEN VAN TIEP	09XXX265	20,000	Top 1000	
2004	MAI VAN HIEP	19XXX393	20,000	Top 1000	
2005	TRAN VAN NGHIA	19XXX804	20,000	Top 1000	
2006	NGUYEN THI NHAU	19XXX963	20,000	Top 1000	
2007	TRAN THI ANH TUYET	19XXX437	20,000	Top 1000	
2008	NGUYEN THI TINH	19XXX131	20,000	Top 1000	
2009	LE THI CHAM	19XXX332	20,000	Top 1000	
2010	BUI THI THIEM	19XXX327	20,000	Top 1000	
2011	TRINH THI HONG	19XXX388	20,000	Top 1000	
2012	TRAN THI NHUNG	19XXX432	20,000	Top 1000	
2013	PHAM THANH DAT	19XXX937	20,000	Top 1000	
2014	NGUYEN VAN TO	19XXX416	20,000	Top 1000	
2015	LE THI HONG NHUNG	19XXX656	20,000	Top 1000	
2016	NGO CONG DAT	19XXX517	20,000	Top 1000	
2017	TRUONG CONG CUONG	19XXX942	20,000	Top 1000	
2018	NGUYEN THI THUY LINH	19XXX847	20,000	Top 1000	
2019	PHAM TIN VUI	19XXX498	20,000	Top 1000	
2020	NGUYEN THI NGOC HA	19XXX598	20,000	Top 1000	
2021	VU NGOC ANH THU	19XXX401	20,000	Top 1000	
2022	LUU THI KIM NGAN	19XXX587	20,000	Top 1000	
2023	NGUYEN THI LAN	19XXX182	20,000	Top 1000	
2024	PHAM CONG LY	19XXX702	20,000	Top 1000	
2025	NGUYEN THANH THIEN	26XXX999	20,000	Top 1000	
2026	VAN THOAI HUONG	19XXX114	20,000	Top 1000	
2027	TA XUAN HAI	19XXX113	20,000	Top 1000	
2028	TRAN NHAT KIEN	19XXX251	20,000	Top 1000	
2029	NGUYEN THE HOACH	88XXX333	20,000	Top 1000	
2030	NGUYEN TIEN THUAN	19XXX734	20,000	Top 1000	
2031	NGUYEN DINH TINH	19XXX811	20,000	Top 1000	
2032	NGUYEN THI THUY	19XXX928	20,000	Top 1000	
2033	DINH HUY DUONG	09XXX088	20,000	Top 1000	
2034	NGUYEN THANH TAY	19XXX312	20,000	Top 1000	
2035	VU VAN CHUONG	19XXX957	20,000	Top 1000	
2036	NGUYEN THI THU HA	19XXX549	20,000	Top 1000	
2037	DO THI THU THUY	19XXX148	20,000	Top 1000	
2038	PHAM THANH NGOC	43XXX789	20,000	Top 1000	
2039	LY VAN THANH	19XXX828	20,000	Top 1000	
2040	DO VAN LEN	19XXX108	20,000	Top 1000	
2041	THIEN THI MY TRANG	19XXX009	20,000	Top 1000	
2042	NGUYEN VAN HAI	32XXX888	20,000	Top 1000	
2043	LUONG THI LY	19XXX461	20,000	Top 1000	
2045	NGUYEN THI MINH	19XXX676	20,000	Top 1000	

2046	PHAM PHU TAI	19XXX141	20,000	Top 1000	
2047	NGUYEN THI HOAN	19XXX276	20,000	Top 1000	
2048	NGUYEN HAI QUAN	19XXX245	20,000	Top 1000	
2049	CAO NGOC THANH	19XXX228	20,000	Top 1000	
2050	NGUYEN VAN TUAN	19XXX247	20,000	Top 1000	
2051	NGUYEN THU HUYEN	19XXX628	20,000	Top 1000	
2052	LU DINH THEM	19XXX636	20,000	Top 1000	
2053	NGUYEN THI HIEN	19XXX256	20,000	Top 1000	
2054	TRAN THI KIM CHI	19XXX593	20,000	Top 1000	
2055	NGUYEN THANH NAM	33XXX333	20,000	Top 1000	
2056	VI THI OANH	19XXX936	20,000	Top 1000	
2057	TRAN MINH QUANG	19XXX973	20,000	Top 1000	
2058	HOANG VAN HAI	19XXX459	20,000	Top 1000	
2059	NGUYEN THI VAN	19XXX306	20,000	Top 1000	
2060	NGUYEN HOANG AN	19XXX556	20,000	Top 1000	
2061	VU TIEN NGOC	19XXX862	20,000	Top 1000	
2062	NGUYEN TRUNG KIEN	09XXX989	20,000	Top 1000	
2063	DO THI THU HA	19XXX131	20,000	Top 1000	
2064	VU QUOC BAO	19XXX397	20,000	Top 1000	
2065	TRAN THI CAN	19XXX883	20,000	Top 1000	
2066	NGUYEN VAN HUNG	19XXX409	20,000	Top 1000	
2067	LE DINH PHONG	19XXX065	20,000	Top 1000	
2068	NGUYEN THI HANH	19XXX622	20,000	Top 1000	
2069	NGUYEN DUC DUY	89XXX974	20,000	Top 1000	
2070	HOANG VAN TOAN	19XXX691	20,000	Top 1000	
2071	CAO XUAN MUOI	19XXX429	20,000	Top 1000	
2072	LE VAN KIEM	33XXX981	20,000	Top 1000	
2073	BUI THANH CONG	19XXX255	20,000	Top 1000	
2074	BUI THI NGOC HAN	19XXX939	20,000	Top 1000	
2075	LE THI DUYEN	19XXX587	20,000	Top 1000	
2076	DAO HONG QUAN	19XXX167	20,000	Top 1000	
2077	LUONG THI NGOC BICH	19XXX814	20,000	Top 1000	
2078	LE NGOC MAI	19XXX613	20,000	Top 1000	
2079	NGUYEN ANH NHAT	19XXX521	20,000	Top 1000	
2080	TAN VAN LAI	59XXX993	20,000	Top 1000	
2081	NGUYEN THI ANH NAM	19XXX537	20,000	Top 1000	
2082	DO THI QUYNH NHUNG	19XXX309	20,000	Top 1000	
2083	HO THI HA	19XXX783	20,000	Top 1000	
2084	BUI THI CHUNG	19XXX267	20,000	Top 1000	
2085	VU THI PHUONG MAI	19XXX238	20,000	Top 1000	
2086	TRAN THI THU	19XXX491	20,000	Top 1000	
2087	TRAN THU HIEN	19XXX528	20,000	Top 1000	
2088	GIANG THI CHI	19XXX987	20,000	Top 1000	
2089	PHAM THI HOA	19XXX064	20,000	Top 1000	
2090	PHAM VAN QUYNH	26XXX558	20,000	Top 1000	
2091	VU THI NHUNG	19XXX478	20,000	Top 1000	
2092	TO THI HUONG	19XXX958	20,000	Top 1000	
2093	DINH THI HUYEN ANH	19XXX917	20,000	Top 1000	
2094	DO THI MY LINH	19XXX673	20,000	Top 1000	
2095	TRIEU VAN DU	19XXX409	20,000	Top 1000	
2096	BUI VAN TU	19XXX034	20,000	Top 1000	
2097	LY MINH HOA	19XXX041	20,000	Top 1000	
2098	NGUYEN VAN TAI	19XXX656	20,000	Top 1000	
2099	TRAN DUC ANH	19XXX417	20,000	Top 1000	
2100	DOAN NGOC THONG	19XXX147	20,000	Top 1000	
2101	NGUYEN VAN LUONG	19XXX287	20,000	Top 1000	
2102	VU XUAN HUNG	19XXX005	20,000	Top 1000	
2103	HOANG MINH DUC	36XXX001	20,000	Top 1000	
2104	TRAN VAN THAI	19XXX836	20,000	Top 1000	
2105	NGUYEN VAN THINH	88XXX992	20,000	Top 1000	
2106	THAI THI BON	23XXX442	20,000	Top 1000	
2107	TRIEU VAN THUONG	19XXX601	20,000	Top 1000	
2108	NGUYEN TRI DUNG	12XXX999	20,000	Top 1000	

2109	NGUYEN THI THANH	19XXX634	20,000	Top 1000	
2110	NGUYEN DIEU LINH	19XXX204	20,000	Top 1000	
2111	TRINH XUAN TRUONG	19XXX021	20,000	Top 1000	
2112	TRAN TIEN THANH	19XXX026	20,000	Top 1000	
2113	MAI THI NGOC ANH	19XXX484	20,000	Top 1000	
2114	K EVA	19XXX037	20,000	Top 1000	
2116	TRUONG KHANH DUNG	19XXX625	20,000	Top 1000	
2117	PHAN DINH KHANH	19XXX092	20,000	Top 1000	
2118	LO THI CHIEU	19XXX421	20,000	Top 1000	
2119	DOAN MANH NAM	19XXX767	20,000	Top 1000	
2120	VUONG THI PHUONG	19XXX282	20,000	Top 1000	
2121	TRAN NGOC THUY	19XXX747	20,000	Top 1000	
2122	DOAN THUAN	88XXX659	20,000	Top 1000	
2123	DO VAN THUAT	19XXX028	20,000	Top 1000	
2124	VU VAN CHINH	10XXX978	20,000	Top 1000	
2125	NGUYEN THI YEN OANH	19XXX019	20,000	Top 1000	
2126	VO HOANG MINH	19XXX078	20,000	Top 1000	
2127	NGUYEN NHU CHIEN	19XXX549	20,000	Top 1000	
2128	NGUYEN VAN SON	19XXX379	20,000	Top 1000	
2129	PHAN THANH TAN	19XXX717	20,000	Top 1000	
2130	TRAN THI HUYEN	19XXX635	20,000	Top 1000	
2131	TRAN VAN TUNG	10XXX994	20,000	Top 1000	
2132	HOANG HUY TAP	19XXX507	20,000	Top 1000	
2133	NGUYEN THI TRANG	19XXX518	20,000	Top 1000	
2134	NGUYEN TRAN THANH TRIEU	22XXX843	20,000	Top 1000	
2135	LEO THI LE	19XXX556	20,000	Top 1000	
2136	DINH TUNG DUONG	33XXX368	20,000	Top 1000	
2137	DO THI MAI	19XXX372	20,000	Top 1000	
2138	NGUYEN THI CAM THI	19XXX806	20,000	Top 1000	
2139	DAO THI LINH	19XXX848	20,000	Top 1000	
2140	PHAM HUU HAI	19XXX777	20,000	Top 1000	
2141	KHONG MINH THOA	20XXX096	20,000	Top 1000	
2142	PHAN MINH TRIET	19XXX837	20,000	Top 1000	
2143	VU THI BICH	19XXX929	20,000	Top 1000	
2144	VU THUY DUONG	97XXX333	20,000	Top 1000	
2145	NGUYEN THI GIANG	19XXX685	20,000	Top 1000	
2146	BUI HUY TRUONG	19XXX408	20,000	Top 1000	
2147	TA DUY KHAN	19XXX739	20,000	Top 1000	
2148	NGUYEN VAN HAO	22XXX333	20,000	Top 1000	
2149	PHAN TUAN LONG	19XXX138	20,000	Top 1000	
2150	NGUYEN THU TRANG	20XXX837	20,000	Top 1000	
2151	TRAN VAN QUANG	20XXX563	20,000	Top 1000	
2152	LE THI HUE	20XXX506	20,000	Top 1000	
2153	LA TRUNG HIEU	20XXX168	20,000	Top 1000	
2154	TA DANG TAM	20XXX528	20,000	Top 1000	
2155	NGUYEN THI NGOC TRINH	20XXX217	20,000	Top 1000	
2156	VO NGUYEN HONG KONG	20XXX972	20,000	Top 1000	
2157	PHUNG VAN HIEU	20XXX728	20,000	Top 1000	
2158	TRAN THI MINH ANH	20XXX742	20,000	Top 1000	
2159	DANG THI HUONG	20XXX629	20,000	Top 1000	
2160	PHAM THI PHUONG THAO	20XXX798	20,000	Top 1000	
2161	DINH VAN THANH	20XXX798	20,000	Top 1000	
2162	NGO QUANG HUY	20XXX888	20,000	Top 1000	
2163	BUI TRONG VIET	20XXX723	20,000	Top 1000	
2164	TRAN THI YEN NHI	20XXX958	20,000	Top 1000	
2165	TRAN NGOC UYEN	20XXX546	20,000	Top 1000	
2166	DOAN TIEN HAI	14XXX759	20,000	Top 1000	
2167	NGUYEN TAT VAN	20XXX464	20,000	Top 1000	
2168	VU MINH NHAT	21XXX165	20,000	Top 1000	
2169	DOAN VAN NGOC	20XXX948	20,000	Top 1000	
2170	LE DO HONG NHU	20XXX456	20,000	Top 1000	
2171	BUI THI HONG NHUNG	20XXX732	20,000	Top 1000	
2172	NGUYEN VAN TOAN	20XXX961	20,000	Top 1000	

2173	HOANG VAN DAN	20XXX243	20,000	Top 1000	
2174	HUYNH HAC HUNG	20XXX298	20,000	Top 1000	
2175	HOANG VAN DUONG	20XXX955	20,000	Top 1000	
2176	NGUYEN VAN LAP	26XXX991	20,000	Top 1000	
2177	HOANG KIM CUONG	20XXX762	20,000	Top 1000	
2178	NGUYEN BAO TRUNG	20XXX399	20,000	Top 1000	
2179	TRAN THI BONG	20XXX375	20,000	Top 1000	
2180	TRAN THI LIEU	20XXX615	20,000	Top 1000	
2181	TRINH THI DUYEN	20XXX498	20,000	Top 1000	
2182	TRAN NGUYEN DUC DUY	20XXX672	20,000	Top 1000	
2183	NGUYEN ANH TUAN	18XXX976	20,000	Top 1000	
2184	TRAN THANH BANG	20XXX308	20,000	Top 1000	
2185	NGUYEN MANH HUNG	20XXX916	20,000	Top 1000	
2186	LUONG THI PHONG	20XXX151	20,000	Top 1000	
2187	NGUYEN THI PHUONG	20XXX247	20,000	Top 1000	
2188	CAN THI PHUONG ANH	33XXX995	20,000	Top 1000	
2189	NGUYEN THI VAN	20XXX636	20,000	Top 1000	
2190	MA VAN CHIEU	20XXX585	20,000	Top 1000	
2191	DUONG THU PHUONG	20XXX537	20,000	Top 1000	
2192	TRAN THI THUY HOAN	23XXX399	20,000	Top 1000	
2193	HOANG DINH THUONG	20XXX115	20,000	Top 1000	
2194	NGUYEN THANH NGA	20XXX442	20,000	Top 1000	
2195	NGUYEN BINH NAM	20XXX597	20,000	Top 1000	
2196	PHAN HUY HOANG	20XXX527	20,000	Top 1000	
2197	NGUYEN THI THU HUYEN	20XXX384	20,000	Top 1000	
2198	NGUYEN VAN HOANG	20XXX611	20,000	Top 1000	
2199	CHU THI PHUONG	20XXX457	20,000	Top 1000	
2200	DANG THI THANH	20XXX711	20,000	Top 1000	
2201	NGUYEN THI DIEU	20XXX847	20,000	Top 1000	
2202	NGUYEN DANG THANG	20XXX878	20,000	Top 1000	
2203	TRAN NGOC QUAN	95XXX992	20,000	Top 1000	
2204	CAO CHI DUNG	20XXX358	20,000	Top 1000	
2205	NGUYEN THI QUYNH TRANG	20XXX208	20,000	Top 1000	
2206	NGUYEN THI HA	20XXX677	20,000	Top 1000	
2207	BUI GIANG THI	09XXX155	20,000	Top 1000	
2208	THIEU THI HONG	20XXX808	20,000	Top 1000	
2209	LE THANH SANG	20XXX287	20,000	Top 1000	
2210	LAI THANH DAT	20XXX038	20,000	Top 1000	
2211	NGUYEN THI CHUNG	20XXX868	20,000	Top 1000	
2212	TRAN GIA DONG	20XXX284	20,000	Top 1000	
2213	VU VAN HO	25XXX425	20,000	Top 1000	
2214	NGUYEN VAN THONG	20XXX145	20,000	Top 1000	
2215	DOAN DUY CHIEN	19XXX666	20,000	Top 1000	
2216	NGUYEN THI QUYEN	20XXX573	20,000	Top 1000	
2217	NGUYEN THE CHAU	20XXX152	20,000	Top 1000	
2218	NGUYEN THI THU THUY	20XXX299	20,000	Top 1000	
2219	NGO DANG DUAN	20XXX523	20,000	Top 1000	
2220	NGUYEN DAC TUYEN	20XXX882	20,000	Top 1000	
2221	TRAN TUAN ANH	20XXX718	20,000	Top 1000	
2222	PHAM VAN DUNG	38XXX994	20,000	Top 1000	
2223	NGUYEN MINH HIEU	20XXX949	20,000	Top 1000	
2224	NGUYEN HUU NGHIEN	20XXX064	20,000	Top 1000	
2225	NGUYEN HOA	20XXX395	20,000	Top 1000	
2226	LE QUOC HUY	20XXX307	20,000	Top 1000	
2227	VU VAN MANH	20XXX085	20,000	Top 1000	
2228	NGUYEN THI MINH VY	20XXX613	20,000	Top 1000	
2229	NINH THI PHUONG THUY	20XXX443	20,000	Top 1000	
2230	HUYNH QUOC QUYEN	20XXX333	20,000	Top 1000	
2231	NGUYEN THI THANH SUONG	83XXX992	20,000	Top 1000	
2232	TRAN THI ANH THU	20XXX758	20,000	Top 1000	
2233	TRUONG THI NGOC HA	20XXX967	20,000	Top 1000	
2234	HUYNH THIEN QUOC	20XXX678	20,000	Top 1000	
2235	HOANG THI HOA	20XXX253	20,000	Top 1000	

2236	PHAM TAN LUC	20XXX372	20,000	Top 1000	
2237	UNG THANH DAT	20XXX318	20,000	Top 1000	
2238	DO THI DIEM HUONG	20XXX272	20,000	Top 1000	
2239	DANG VAN HUNG	20XXX997	20,000	Top 1000	
2240	SI DA NEL	50XXX994	20,000	Top 1000	
2241	LE THI LOAN	20XXX169	20,000	Top 1000	
2242	BUI THI THAO	20XXX396	20,000	Top 1000	
2243	HA THI NHAN	20XXX469	20,000	Top 1000	
2244	TRUONG THI VAN	20XXX736	20,000	Top 1000	
2245	GIAP THI HA	20XXX147	20,000	Top 1000	
2246	NGUYEN THI NGOC ANH	20XXX527	20,000	Top 1000	
2247	NGUYEN VAN HIEU	20XXX408	20,000	Top 1000	
2248	NGUYEN THI HANG	20XXX175	20,000	Top 1000	
2249	LUONG VAN CAU	20XXX732	20,000	Top 1000	
2250	HOANG THI NHUNG	20XXX226	20,000	Top 1000	
2251	TRAN THI KIM XINH	20XXX002	20,000	Top 1000	
2252	DONG THI THU	68XXX999	20,000	Top 1000	
2253	DANG THI THIEN HUONG	20XXX953	20,000	Top 1000	
2254	QUACH HONG GIANG	20XXX093	20,000	Top 1000	
2255	TRAN QUY NAM THANH	20XXX183	20,000	Top 1000	
2256	PHAM THI LOAN	20XXX002	20,000	Top 1000	
2257	NGUYEN XUAN COONG	20XXX058	20,000	Top 1000	
2258	LAI QUANG HUY	20XXX787	20,000	Top 1000	
2259	PHAM VAN TRUONG	20XXX192	20,000	Top 1000	
2260	NGUYEN VAN BINH	63XXX185	20,000	Top 1000	
2261	TRAN THAI SON	20XXX288	20,000	Top 1000	
2262	LE THI HUONG	20XXX287	20,000	Top 1000	
2263	TRAN VAN TIN	20XXX928	20,000	Top 1000	
2264	DANG DAI MINH	21XXX412	20,000	Top 1000	
2265	HUYNH THI NGAN	20XXX368	20,000	Top 1000	
2266	NGUYEN VAN DINH	20XXX587	20,000	Top 1000	
2267	VU KHANH LINH	20XXX575	20,000	Top 1000	
2268	TRAN HUU THAO	20XXX607	20,000	Top 1000	
2269	NGUYEN VAN TIEM	20XXX209	20,000	Top 1000	
2270	NGUYEN THI THU HUONG	20XXX339	20,000	Top 1000	
2271	NGUYEN VAN TRUONG	20XXX466	20,000	Top 1000	
2272	NGUYEN CANH HUNG	20XXX766	20,000	Top 1000	
2273	PHAM THI GAM	27XXX515	20,000	Top 1000	
2274	NGUYEN THI LINH TRAM	20XXX878	20,000	Top 1000	
2275	DO DINH SAT	20XXX487	20,000	Top 1000	
2276	NGUYEN THAI QUAN	20XXX126	20,000	Top 1000	
2277	LUU VAN HIEN	20XXX037	20,000	Top 1000	
2278	LE MINH HOA	20XXX356	20,000	Top 1000	
2279	NGHIEM DINH TUNG	20XXX413	20,000	Top 1000	
2280	NGUYEN HUY KIEN	20XXX456	20,000	Top 1000	
2281	VU THI THUONG	20XXX967	20,000	Top 1000	
2282	NGUYEN THI THU DIEU	20XXX838	20,000	Top 1000	
2283	LE TRUONG THANH	20XXX961	20,000	Top 1000	
2284	VU THI HOANG ANH	20XXX824	20,000	Top 1000	
2285	LE THI KIM THAO	20XXX007	20,000	Top 1000	
2286	LE THI HUONG	20XXX768	20,000	Top 1000	
2287	TRAN THI PHUONG	20XXX908	20,000	Top 1000	
2288	TRAN ANH DUC	20XXX776	20,000	Top 1000	
2289	DAO THI THUY	29XXX273	20,000	Top 1000	
2290	TRAN THI TAM	20XXX053	20,000	Top 1000	
2291	NGUYEN THI LE	20XXX202	20,000	Top 1000	
2292	VU VAN HUNG	20XXX345	20,000	Top 1000	
2293	BACH THI QUYEN	20XXX662	20,000	Top 1000	
2294	LE HONG HUE	20XXX193	20,000	Top 1000	
2295	NGO QUOC QUAN	20XXX982	20,000	Top 1000	
2296	HA NGOC NGUYEN	20XXX666	20,000	Top 1000	
2297	NGUYEN THI THANH PHUONG	20XXX578	20,000	Top 1000	
2298	PHAM XUAN DUC	20XXX924	20,000	Top 1000	

2299	NONG NGOC HUY	20XXX657	20,000	Top 1000	
2300	HO THI KIM OANH	20XXX892	20,000	Top 1000	
2301	NGUYEN THI HUE	20XXX595	20,000	Top 1000	
2302	NGUYEN THI KIEU	20XXX158	20,000	Top 1000	
2303	LE THI HUYEN	20XXX217	20,000	Top 1000	
2304	NGO ANH KHOI	10XXX679	20,000	Top 1000	
2305	NGUYEN THI YEN KHOA	20XXX167	20,000	Top 1000	
2306	TRUONG THI HONG OANH	20XXX737	20,000	Top 1000	
2307	HUYNH THI DIEM THUY	20XXX965	20,000	Top 1000	
2308	LE THANH PHUC	20XXX122	20,000	Top 1000	
2309	NGUYEN XUAN DONG	20XXX465	20,000	Top 1000	
2310	LY THI NHUNG	20XXX255	20,000	Top 1000	
2311	LE THI NHUNG	20XXX195	20,000	Top 1000	
2312	TRAN THI THUY TIEN	20XXX587	20,000	Top 1000	
2313	VU THANH LOC	20XXX118	20,000	Top 1000	
2314	NGUYEN THANH TUNG	20XXX004	20,000	Top 1000	
2315	TRAN VAN THUC	20XXX267	20,000	Top 1000	
2316	NGUYEN THI NGOC THUY	20XXX979	20,000	Top 1000	
2317	BUI KHAC THUAN	20XXX646	20,000	Top 1000	
2318	TRINH VAN THIET	20XXX847	20,000	Top 1000	
2319	NGUYEN TRAN PHUONG UYEN	20XXX726	20,000	Top 1000	
2320	PHAM NGAN HANH	23XXX649	20,000	Top 1000	
2321	VUONG VAN BO	20XXX308	20,000	Top 1000	
2322	DANG THI THU NHAN	20XXX045	20,000	Top 1000	
2323	TRAN NGOC SON	20XXX868	20,000	Top 1000	
2324	NGUYEN QUANG ANH	45XXX683	20,000	Top 1000	
2325	DO VAN HUY	65XXX999	20,000	Top 1000	
2326	HUYNH DONG VINH	20XXX705	20,000	Top 1000	
2327	LO THI MAI	20XXX018	20,000	Top 1000	
2328	NGUYEN THI PHUONG THUY	20XXX057	20,000	Top 1000	
2329	VI THI HANG	20XXX543	20,000	Top 1000	
2330	TRAN VAN DUNG	20XXX997	20,000	Top 1000	
2331	LE KIEU LOAN	20XXX212	20,000	Top 1000	
2332	HOANG THI TRANG	20XXX548	20,000	Top 1000	
2333	TRAN MINH THOAI	20XXX225	20,000	Top 1000	
2334	DANG VAN CHINH	65XXX226	20,000	Top 1000	
2335	NGUYEN THI HONG TIEN	21XXX871	20,000	Top 1000	
2336	HO THI NHU QUYNH	21XXX965	20,000	Top 1000	
2337	NGUYEN THI NGOC NHUNG	21XXX717	20,000	Top 1000	
2338	PHAM THI LINH	21XXX338	20,000	Top 1000	
2339	NGUYEN VAN MINH	21XXX425	20,000	Top 1000	
2340	LUONG VAN HUY	21XXX863	20,000	Top 1000	
2341	BUI THI NHUNG	21XXX417	20,000	Top 1000	
2342	DUONG THI TUOI	22XXX585	20,000	Top 1000	
2343	TRAN THI HANH	21XXX258	20,000	Top 1000	
2344	NGUYEN TRI TRUNG ANH	21XXX768	20,000	Top 1000	
2345	VY QUOC NHAT	21XXX069	20,000	Top 1000	
2346	HUYNH ANH TRONG	21XXX003	20,000	Top 1000	
2347	VU VAN DAI	21XXX158	20,000	Top 1000	
2348	NGUYEN DUC QUAN	10XXX999	20,000	Top 1000	
2349	TRAN HOAI PHONG	09XXX352	20,000	Top 1000	
2350	PHAN THANH TAM	21XXX146	20,000	Top 1000	
2351	NGUYEN VAN NGOAN	21XXX319	20,000	Top 1000	
2352	DO THU THUY	22XXX009	20,000	Top 1000	
2353	NGUYEN THANH TIN	21XXX108	20,000	Top 1000	
2354	NGUYEN DINH BA	81XXX888	20,000	Top 1000	
2355	TRAN VIET CUONG	21XXX281	20,000	Top 1000	
2356	NGUYEN QUOC VAN	21XXX356	20,000	Top 1000	
2357	HOANG THI TUYET TRINH	21XXX727	20,000	Top 1000	
2358	THAI THI GIANG	21XXX094	20,000	Top 1000	
2359	NONG PHUONG DUNG	21XXX495	20,000	Top 1000	
2360	PHAM THE HIEN	21XXX443	20,000	Top 1000	
2361	NGUYEN THANH TUNG	21XXX766	20,000	Top 1000	

2362	DUONG TUAN CUONG	21XX686	20,000	Top 1000	
2363	VO HOA THUAN	65XX688	20,000	Top 1000	
2364	NGUYEN NGOC TAN	21XX827	20,000	Top 1000	
2365	VY THI HAO TAM	21XX761	20,000	Top 1000	
2366	HOANG THI THANH TAM	21XX115	20,000	Top 1000	
2367	NGO THIEN THANH	21XX403	20,000	Top 1000	
2368	NGUYEN TRUNG DUC	21XX228	20,000	Top 1000	
2369	PHAM NGOC TUAN	21XX428	20,000	Top 1000	
2370	LE MINH NGOC	21XX146	20,000	Top 1000	
2371	NGUYEN DIEU LINH	21XX537	20,000	Top 1000	
2372	NGUYEN THI THUY	21XX269	20,000	Top 1000	
2373	NGUYEN NGOC BACH	22XX888	20,000	Top 1000	
2374	DANG VAN BINH	21XX062	20,000	Top 1000	
2375	TAO THI DIEP	21XX032	20,000	Top 1000	
2376	BUI THI THANH NHAN	21XX187	20,000	Top 1000	
2377	VU THI THANH LOAN	66XX999	20,000	Top 1000	
2378	NGUYEN KHAC DAT	21XX959	20,000	Top 1000	
2379	NGUYEN THI HOA	21XX985	20,000	Top 1000	
2380	DANG VAN VINH	21XX816	20,000	Top 1000	
2381	NGUYEN VAN KIEN	21XX078	20,000	Top 1000	
2382	TANG THI THANH THI	21XX448	20,000	Top 1000	
2383	TRINH THI NGOC	21XX218	20,000	Top 1000	
2384	TRAN QUOC LUONG	21XX856	20,000	Top 1000	
2385	TRAN VAN THAO	21XX117	20,000	Top 1000	
2386	HOANG VAN TRIEU	81XX888	20,000	Top 1000	
2387	CAO THI KIM LIEN	21XX455	20,000	Top 1000	
2388	BUI MINH TUAN	21XX668	20,000	Top 1000	
2389	VO VAN VU	21XX687	20,000	Top 1000	
2390	VU THI HONG PHUONG	21XX315	20,000	Top 1000	
2391	NGUYEN THI TUYET	21XX209	20,000	Top 1000	
2392	LO THI ON	21XX466	20,000	Top 1000	
2393	NGUYEN TRONG DAI	21XX938	20,000	Top 1000	
2394	TRINH VAN KIEN	21XX104	20,000	Top 1000	
2395	NGUYEN THI CHINH	21XX279	20,000	Top 1000	
2396	LE THI NGOC HUYEN	21XX673	20,000	Top 1000	
2397	VU THI THUY HOAN	21XX531	20,000	Top 1000	
2398	NGUYEN THI THUY LINH	21XX773	20,000	Top 1000	
2399	NGUYEN THANH HAI	21XX994	20,000	Top 1000	
2400	NGUYEN VAN TOAN	21XX682	20,000	Top 1000	
2401	LE THI ANH LAI	10XX996	20,000	Top 1000	
2402	DAM QUANG HUNG	16XX689	20,000	Top 1000	
2403	TRAN THANH PHU	38XX999	20,000	Top 1000	
2404	LE DUC TINH	21XX372	20,000	Top 1000	
2405	TRUONG THI HUE	21XX497	20,000	Top 1000	
2406	NGUYEN BA HAU	21XX498	20,000	Top 1000	
2407	LE XUAN KY	21XX467	20,000	Top 1000	
2408	NGUYEN THI PHUONG THANH	21XX207	20,000	Top 1000	
2409	BUI THI LIEN	21XX308	20,000	Top 1000	
2410	NGUYEN THI NGOC CUNG	21XX043	20,000	Top 1000	
2411	TRAN DINH THOA	21XX976	20,000	Top 1000	
2412	NGUYEN THI LUYEN	21XX456	20,000	Top 1000	
2413	LE THUY THUY KIEU	21XX101	20,000	Top 1000	
2414	TRAN HUY NGUYEN	21XX059	20,000	Top 1000	
2415	LE VAN NHUONG	21XX425	20,000	Top 1000	
2416	NGUYEN NGOC LINH	09XX056	20,000	Top 1000	
2417	TRUONG CONG MINH	21XX562	20,000	Top 1000	
2418	NGUYEN HUU LO	21XX693	20,000	Top 1000	
2419	NGUYEN THI HIEN	21XX889	20,000	Top 1000	
2420	HA NGOC HUE	21XX207	20,000	Top 1000	
2421	DO VAN THANH	21XX567	20,000	Top 1000	
2422	TRAN CHUNG PHUONG	21XX978	20,000	Top 1000	
2423	VU VAN LONG	21XX853	20,000	Top 1000	
2424	DO VAN NAM	21XX052	20,000	Top 1000	

2425	NGUYEN THIEN DIEN	21XXX768	20,000	Top 1000	
2426	NGUYEN TRUONG GIANG	21XXX128	20,000	Top 1000	
2427	BUI CONG NGHIA	21XXX019	20,000	Top 1000	
2428	TAN VAN SON	21XXX678	20,000	Top 1000	
2429	DINH HUYEN TRANG	79XXX678	20,000	Top 1000	
2430	NGUYEN QUOC THANG	21XXX533	20,000	Top 1000	
2431	NGUYEN VAN CONG	21XXX436	20,000	Top 1000	
2432	NGUYEN THU HIEN	21XXX447	20,000	Top 1000	
2433	NGUYEN VAN DUNG	21XXX848	20,000	Top 1000	
2434	TRAN THI MY	21XXX842	20,000	Top 1000	
2436	BACH THI TO HOAI	21XXX239	20,000	Top 1000	
2437	NGUYEN VIET ANH	21XXX464	20,000	Top 1000	
2438	TRAN VAN QUYET	21XXX277	20,000	Top 1000	
2439	MAI VAN HOA	21XXX957	20,000	Top 1000	
2440	TRUONG VAN NAM	64XXX476	20,000	Top 1000	
2441	MAN THI LAN	21XXX657	20,000	Top 1000	
2442	HA VAN DUY	21XXX056	20,000	Top 1000	
2443	NGUYEN ANH CHIEN	21XXX565	20,000	Top 1000	
2444	NGUYEN VAN MAO	99XXX975	20,000	Top 1000	
2445	VU TIEN DAT	14XXX999	20,000	Top 1000	
2446	PHAM NGUYEN PHUONG OANH	67XXX796	20,000	Top 1000	
2447	NGUYEN QUOC TRINH	80XXX708	20,000	Top 1000	
2448	DO HUYEN TAM	21XXX542	20,000	Top 1000	
2449	CAO VAN THANG	21XXX008	20,000	Top 1000	
2450	NGUYEN VAN SON	21XXX361	20,000	Top 1000	
2451	VO NGOC DAN	21XXX206	20,000	Top 1000	
2452	PHAM PHUOC THIEN	03XXX414	20,000	Top 1000	
2453	NGUYEN DOAN THU ANH	21XXX268	20,000	Top 1000	
2454	NGUYEN VAN CHIEN	09XXX712	20,000	Top 1000	
2455	TRUONG DUC MANH	99XXX333	20,000	Top 1000	
2456	NGUYEN HUY HOANG	21XXX018	20,000	Top 1000	
2457	NGUYEN QUANG TUNG	21XXX196	20,000	Top 1000	
2458	TRAN ANH HUNG	21XXX369	20,000	Top 1000	
2459	HOAI THI MINH	21XXX538	20,000	Top 1000	
2460	NGUYEN THI CHANG	21XXX113	20,000	Top 1000	
2461	NGUYEN THUY THAO	21XXX807	20,000	Top 1000	
2462	NGUYEN TRUNG THANH	20XXX668	20,000	Top 1000	
2463	PHAM THI PHUONG	18XXX995	20,000	Top 1000	
2464	LE THI TRUC VIEN	21XXX988	20,000	Top 1000	
2465	HO DANH NAM	21XXX808	20,000	Top 1000	
2466	PHAM VAN ANH	21XXX389	20,000	Top 1000	
2467	NGUYEN THI KIM QUYEN	22XXX998	20,000	Top 1000	
2468	NGUYEN VAN BIEN	21XXX478	20,000	Top 1000	
2469	NGUYEN VAN THUYET	21XXX148	20,000	Top 1000	
2470	TRUONG HONG HAI	21XXX516	20,000	Top 1000	
2471	LE THI DUYEN	21XXX917	20,000	Top 1000	
2472	DINH QUANG TUAN	21XXX248	20,000	Top 1000	
2473	BUI DUC NAM	21XXX187	20,000	Top 1000	
2474	PHAM VAN THIEN	21XXX857	20,000	Top 1000	
2475	NGUYEN THI QUE TRAN	21XXX737	20,000	Top 1000	
2476	BUI TRANG THU	21XXX729	20,000	Top 1000	
2477	NGUYEN THI TRUC HA	87XXX414	20,000	Top 1000	
2478	HO NGOC THANH	21XXX944	20,000	Top 1000	
2480	NGUYEN THI HONG ANH	21XXX893	20,000	Top 1000	
2481	NGUYEN PHUONG THAO	21XXX524	20,000	Top 1000	
2482	NGUYEN THI HONG NHUNG	21XXX612	20,000	Top 1000	
2483	DO NGOC SON	21XXX819	20,000	Top 1000	
2485	PHAM VAN THANH	21XXX735	20,000	Top 1000	
2486	PHAN VAN QUY	21XXX268	20,000	Top 1000	
2487	NGUYEN THI SINH	21XXX425	20,000	Top 1000	
2488	NGO VAN TRUONG	21XXX268	20,000	Top 1000	
2489	PHUNG VAN NINH	21XXX867	20,000	Top 1000	
2490	NGUYEN THI THAO	21XXX592	20,000	Top 1000	

2491	NGUYEN THI NGOC HIEU	21XXX264	20,000	Top 1000	
2492	HA THI SEN	21XXX458	20,000	Top 1000	
2493	DAO THI KHANH HUYEN	21XXX883	20,000	Top 1000	
2494	TRAN NGOC DIEP	31XXX237	20,000	Top 1000	
2495	TRAN PHU DUY	21XXX047	20,000	Top 1000	
2496	DAO ANH KHIEM	21XXX917	20,000	Top 1000	
2497	NGUYEN CONG NAM	82XXX977	20,000	Top 1000	
2498	NGUYEN THI HA	21XXX888	20,000	Top 1000	
2499	LE THI LAN ANH	21XXX853	20,000	Top 1000	
2500	PHAM THI HOA	21XXX619	20,000	Top 1000	
2501	DONG DUC TINH	68XXX868	20,000	Top 1000	
2502	NGUYEN CAM NHUNG	21XXX124	20,000	Top 1000	
2503	LOC VAN HANG	21XXX927	20,000	Top 1000	
2504	DANG QUANG TU	21XXX477	20,000	Top 1000	
2505	VU THI THUY	21XXX317	20,000	Top 1000	
2506	LA VAN DUOC	21XXX656	20,000	Top 1000	
2507	VU TUAN ANH	21XXX107	20,000	Top 1000	
2508	TRAN QUANG HUY	21XXX149	20,000	Top 1000	
2509	TRAN THI PHUONG THAO	21XXX157	20,000	Top 1000	
2510	DO THI MINH	21XXX947	20,000	Top 1000	
2511	NGUYEN THI HAN	21XXX943	20,000	Top 1000	
2512	TRAN XUAN THAN	21XXX094	20,000	Top 1000	
2513	TRAN VAN DUNG	21XXX289	20,000	Top 1000	
2514	VU NGOC HAI	21XXX938	20,000	Top 1000	
2515	NGO THI THU HIEN	21XXX093	20,000	Top 1000	
2516	DINH THUY LINH	21XXX358	20,000	Top 1000	
2517	PHAM XUAN BACH	21XXX168	20,000	Top 1000	
2519	NGUYEN THI THUY NGAN	21XXX436	20,000	Top 1000	
2520	BUI THI QUYEN	21XXX738	20,000	Top 1000	
2521	NGUYEN KHANH TUONG	21XXX633	20,000	Top 1000	
2522	PHAM NGOC NGA	21XXX117	20,000	Top 1000	
2523	VU THI HONG VAN	21XXX648	20,000	Top 1000	
2524	LUU VAN TUAN	10XXX888	20,000	Top 1000	
2525	NGUYEN THI NGA	21XXX866	20,000	Top 1000	
2526	TRAN HUYNH PHUONG	21XXX294	20,000	Top 1000	
2527	BUI THI THUY PHUONG	21XXX443	20,000	Top 1000	
2528	NGUYEN THI NGOAN	21XXX839	20,000	Top 1000	
2529	PHAN DUY LUONG	22XXX318	20,000	Top 1000	
2530	NGUYEN THIEN TIEN	22XXX957	20,000	Top 1000	
2531	NGUYEN THI HANH	22XXX537	20,000	Top 1000	
2532	LE DINH PHUONG	22XXX692	20,000	Top 1000	
2533	LUONG THI MAI	55XXX686	20,000	Top 1000	
2534	LY HOANG VINH	22XXX345	20,000	Top 1000	
2535	BUI VAN TUNG	22XXX705	20,000	Top 1000	
2536	DINH THANH BAC	11XXX444	20,000	Top 1000	
2537	NGUYEN THI THU HANG	22XXX383	20,000	Top 1000	
2538	TRUONG THI MY LINH	22XXX907	20,000	Top 1000	
2539	QUACH VAN CHINH	22XXX319	20,000	Top 1000	
2540	NGUYEN THI HONG TIEN	22XXX606	20,000	Top 1000	
2541	BUI THI HIEN	22XXX201	20,000	Top 1000	
2542	TRAN HUU HUNG	22XXX727	20,000	Top 1000	
2543	BUI THI HONG NGHIA	22XXX455	20,000	Top 1000	
2544	DUONG VAN HUNG	22XXX347	20,000	Top 1000	
2545	NGUYEN THI HANH	22XXX997	20,000	Top 1000	
2546	DAO THI LUYEN	22XXX013	20,000	Top 1000	
2547	HOANG VAN LONG	22XXX683	20,000	Top 1000	
2548	TRAN QUOC PHUONG	22XXX634	20,000	Top 1000	
2549	NGUYEN THI THUY	22XXX678	20,000	Top 1000	
2550	LUU VAN GIOI	85XXX333	20,000	Top 1000	
2551	LE THI DUNG	22XXX022	20,000	Top 1000	
2552	VO XUAN KIM CHI	22XXX387	20,000	Top 1000	
2553	NGUYEN VAN NAM	22XXX893	20,000	Top 1000	
2554	LE THI HAI	22XXX707	20,000	Top 1000	

2555	LE THI TRIEU XUAN	22XXX865	20,000	Top 1000	
2556	BUI THI ANH NGUYET	22XXX729	20,000	Top 1000	
2557	XA THI HAN	22XXX472	20,000	Top 1000	
2558	BUI VAN SAM	22XXX618	20,000	Top 1000	
2559	BUI THI THANH MAI	22XXX197	20,000	Top 1000	
2560	NGUYEN NGOC HUY	23XXX983	20,000	Top 1000	
2561	NGUYEN VAN NGOC	22XXX981	20,000	Top 1000	
2562	BUI DUC THANH	22XXX758	20,000	Top 1000	
2563	VO THI CAM QUYEN	22XXX478	20,000	Top 1000	
2564	NGUYEN VAN PHUONG	22XXX526	20,000	Top 1000	
2565	VU KHANH LINH	22XXX375	20,000	Top 1000	
2566	PHAM TRUNG HIEU	22XXX433	20,000	Top 1000	
2567	NGHIEM THI HONG GAM	22XXX948	20,000	Top 1000	
2568	PHAM THI BE DUY	22XXX228	20,000	Top 1000	
2569	DINH THI HONG HUONG	22XXX679	20,000	Top 1000	
2570	DANG THI HUYEN	22XXX784	20,000	Top 1000	
2571	TRAN VAN DUC	22XXX318	20,000	Top 1000	
2572	HOANG THI LE	22XXX471	20,000	Top 1000	
2573	HAN THI PHUONG YEN	22XXX587	20,000	Top 1000	
2574	TRAN THI NHAT LE	22XXX361	20,000	Top 1000	
2575	BUI QUANG PHUC	22XXX302	20,000	Top 1000	
2576	BUI CHI DUNG	20XXX999	20,000	Top 1000	
2577	DUONG THI NGA	22XXX607	20,000	Top 1000	
2578	DANG THI HOA	22XXX513	20,000	Top 1000	
2579	PHAM TRUNG DUNG	50XXX903	20,000	Top 1000	
2580	HOANG ANH TUAN	22XXX547	20,000	Top 1000	
2581	NGUYEN TUAN KHANH	22XXX017	20,000	Top 1000	
2582	VU NGOC LY	22XXX231	20,000	Top 1000	
2583	TRAN PHUONG ANH	22XXX841	20,000	Top 1000	
2584	VO THI CAM TIEN	22XXX148	20,000	Top 1000	
2585	LY THANH TUNG	22XXX657	20,000	Top 1000	
2586	BUI VAN QUY	22XXX734	20,000	Top 1000	
2587	HA TRONG VAN	22XXX105	20,000	Top 1000	
2588	NGUYEN THI THU PHUONG	22XXX598	20,000	Top 1000	
2589	BUI THI HA	22XXX318	20,000	Top 1000	
2590	LE THI THU HANG	22XXX556	20,000	Top 1000	
2591	DANG THI THUY	21XXX668	20,000	Top 1000	
2592	NGUYEN DUC DAI	22XXX424	20,000	Top 1000	
2593	NGUYEN THI THAM	22XXX636	20,000	Top 1000	
2594	DONG THI CHINH	22XXX803	20,000	Top 1000	
2595	NGUYEN NGOC MANH	22XXX768	20,000	Top 1000	
2596	TRAN HAI PHONG	22XXX785	20,000	Top 1000	
2597	PHAM THI LAN CHAU	22XXX919	20,000	Top 1000	
2598	NGUYEN ANH DUYEN	22XXX582	20,000	Top 1000	
2599	NGUYEN KIM OANH	22XXX847	20,000	Top 1000	
2600	PHAM THI MINH LOC	22XXX865	20,000	Top 1000	
2601	TRAN THI HOA	22XXX791	20,000	Top 1000	
2602	BUI TRONG MANH	22XXX501	20,000	Top 1000	
2603	NGUYEN AT HOI	22XXX186	20,000	Top 1000	
2604	NGUYEN VAN HUNG	22XXX868	20,000	Top 1000	
2605	PHAM NGOC DANH	22XXX946	20,000	Top 1000	
2606	LUONG VAN NHAT	98XXX666	20,000	Top 1000	
2607	PHAM DUONG HAI YEN	22XXX557	20,000	Top 1000	
2608	NGUYEN QUANG HUY	22XXX888	20,000	Top 1000	
2609	NGUYEN VAN CUONG	62XXX868	20,000	Top 1000	
2610	NGUYEN HUNG THINH	22XXX135	20,000	Top 1000	
2611	NGUYEN HOANG PHUC	22XXX998	20,000	Top 1000	
2612	NGUYEN THI HUYEN TRAN	22XXX154	20,000	Top 1000	
2613	HO THI MONG THU	22XXX039	20,000	Top 1000	
2614	VU THI LAN ANH	22XXX514	20,000	Top 1000	
2615	TRAN THI MEN	22XXX197	20,000	Top 1000	
2616	NGUYEN THI HUYEN	22XXX262	20,000	Top 1000	
2617	DANG THI TO UYEN	22XXX877	20,000	Top 1000	

2618	NGUYEN THI VE	22XXX702	20,000	Top 1000	
2619	DANG THI KIM	22XXX443	20,000	Top 1000	
2620	NGUYEN THI CAM PHUONG	22XXX206	20,000	Top 1000	
2621	HA THI PHUONG	22XXX925	20,000	Top 1000	
2622	NGUYEN VAN QUY	22XXX896	20,000	Top 1000	
2623	PHAM VIET ANH	22XXX116	20,000	Top 1000	
2624	TRAN THI TRANG	22XXX787	20,000	Top 1000	
2625	PHAN THANH VU	22XXX558	20,000	Top 1000	
2626	TRI THI BAO TRAN	22XXX404	20,000	Top 1000	
2627	LE SY NGUYEN	22XXX128	20,000	Top 1000	
2628	TRAN HUU NAM	22XXX718	20,000	Top 1000	
2629	HOANG VAN NAM	22XXX586	20,000	Top 1000	
2630	HA PHAN ANH DUC	22XXX686	20,000	Top 1000	
2631	PHAM HONG THUC	22XXX043	20,000	Top 1000	
2632	NGUYEN VAN THUY	22XXX785	20,000	Top 1000	
2633	LANG VAN SON	22XXX807	20,000	Top 1000	
2634	BUI VAN HUAN	22XXX786	20,000	Top 1000	
2635	PHAM THI THU HUONG	22XXX439	20,000	Top 1000	
2636	HOANG QUOC HUY	22XXX442	20,000	Top 1000	
2637	NGUYEN THI HAU	25XXX387	20,000	Top 1000	
2638	DINH NGOC THANH	22XXX931	20,000	Top 1000	
2639	NGUYEN THI HONG	22XXX307	20,000	Top 1000	
2640	NGUYEN DINH THANG	22XXX908	20,000	Top 1000	
2641	LE THE HOA	22XXX793	20,000	Top 1000	
2642	NGUYEN THI LOAN	69XXX999	20,000	Top 1000	
2643	TRAN VAN UYEN	22XXX863	20,000	Top 1000	
2644	DINH CONG TINH	22XXX158	20,000	Top 1000	
2645	TRAN THI MAI PHUONG	22XXX197	20,000	Top 1000	
2646	BUI THI THUY LINH	22XXX257	20,000	Top 1000	
2647	NGUYEN HONG NGA	10XXX828	20,000	Top 1000	
2648	DO VAN TIEP	22XXX342	20,000	Top 1000	
2649	LONG VAN CHUNG	22XXX017	20,000	Top 1000	
2650	NGO VAN TRANG	22XXX532	20,000	Top 1000	
2651	MAI QUANG DU	22XXX628	20,000	Top 1000	
2652	PHAM VAN THIEU	10XXX888	20,000	Top 1000	
2653	DO PHAM HOANG LONG	22XXX664	20,000	Top 1000	
2654	VU VAN CHUNG	22XXX488	20,000	Top 1000	
2655	TAN THI MAI	22XXX027	20,000	Top 1000	
2656	NGO QUANG BINH	22XXX885	20,000	Top 1000	
2657	NGUYEN VAN THUONG	22XXX045	20,000	Top 1000	
2658	NGUYEN THI THAO	22XXX834	20,000	Top 1000	
2659	BUI QUANG HUY	22XXX278	20,000	Top 1000	
2660	LUU THI KIM THOA	22XXX032	20,000	Top 1000	
2661	NGUYEN THI HONG HANH	22XXX693	20,000	Top 1000	
2662	TRAN VAN HAI	22XXX646	20,000	Top 1000	
2663	PHAM XUAN MUNG	22XXX711	20,000	Top 1000	
2664	NGUYEN XUAN QUANG	22XXX582	20,000	Top 1000	
2665	HOANG VAN TAM	22XXX138	20,000	Top 1000	
2666	NGO VAN KHOA	22XXX514	20,000	Top 1000	
2667	LOC THI THAO	22XXX006	20,000	Top 1000	
2668	NGUYEN QUANG DUY	22XXX728	20,000	Top 1000	
2669	BUI VAN BINH	22XXX566	20,000	Top 1000	
2670	NGUYEN DUC CANH	22XXX639	20,000	Top 1000	
2671	HA THI THUY	22XXX825	20,000	Top 1000	
2672	TRIEU THI HUY	22XXX009	20,000	Top 1000	
2673	NGUYEN VAN DANG	22XXX397	20,000	Top 1000	
2674	DONG THI NHU	22XXX327	20,000	Top 1000	
2675	LUU DUC TU	22XXX813	20,000	Top 1000	
2676	NGUYEN THUY DUYN	22XXX348	20,000	Top 1000	
2677	PHAM TRUNG DUC	22XXX087	20,000	Top 1000	
2678	DANG THI NGOC LY	23XXX471	20,000	Top 1000	
2679	CHAO A QUAN	22XXX531	20,000	Top 1000	
2680	PHAN A NGUYEN	22XXX655	20,000	Top 1000	

2681	CAO VAN DAT	22XXX395	20,000	Top 1000	
2682	NGUYEN DANG LET	22XXX045	20,000	Top 1000	
2683	HUYNH THI KIM VANG	22XXX055	20,000	Top 1000	
2684	NGUYEN VAN BANG	22XXX507	20,000	Top 1000	
2685	PHAN THI NGOC DIEU	22XXX714	20,000	Top 1000	
2686	RMAH RIC	22XXX156	20,000	Top 1000	
2687	NGUYEN TRUNG BINH	22XXX814	20,000	Top 1000	
2688	TA THI HIEN	22XXX266	20,000	Top 1000	
2689	BUI DINH NAM	96XXX988	20,000	Top 1000	
2690	NGUYEN THUY LINH	22XXX617	20,000	Top 1000	
2691	TRAN THANH TAM	22XXX087	20,000	Top 1000	
2692	HOANG VAN PHONG	22XXX569	20,000	Top 1000	
2693	TRAN VAN TUYEN	94XXX666	20,000	Top 1000	
2694	VUONG HONG NHUNG	22XXX814	20,000	Top 1000	
2695	HA THI LAN	22XXX109	20,000	Top 1000	
2696	NGUYEN THI HANG	22XXX685	20,000	Top 1000	
2697	NGUYEN CUU MINH	22XXX968	20,000	Top 1000	
2698	KIEU THI HANG	22XXX319	20,000	Top 1000	
2699	NGUYEN KIM TAN	22XXX202	20,000	Top 1000	
2700	NGO QUANG TRUONG	23XXX629	20,000	Top 1000	
2701	NGUYEN TUAN	22XXX797	20,000	Top 1000	
2702	NGUYEN LUU NGHIA	22XXX401	20,000	Top 1000	
2703	NGUYEN HIEU ANH	88XXX992	20,000	Top 1000	
2704	NGUYEN THE TUNG	22XXX725	20,000	Top 1000	
2705	LE THI HONG NGUYEN	22XXX453	20,000	Top 1000	
2706	NGUYEN HUU SON	22XXX048	20,000	Top 1000	
2707	LO THI HOA	22XXX829	20,000	Top 1000	
2708	QUANG THI HUONG	22XXX985	20,000	Top 1000	
2709	PHAM THI HONG DUyen	03XXX218	20,000	Top 1000	
2710	NGUYEN TRUNG KIEN	22XXX479	20,000	Top 1000	
2711	BUI THANH KIET	22XXX748	20,000	Top 1000	
2712	LE DOAN TAM NHU	23XXX063	20,000	Top 1000	
2713	TAN A TRUONG	22XXX528	20,000	Top 1000	
2714	CHUNG VINH TUYEN	22XXX286	20,000	Top 1000	
2715	NGUYEN QUANG THANH	22XXX475	20,000	Top 1000	
2716	TRUONG QUOC AN	22XXX845	20,000	Top 1000	
2717	NGUYEN VAN HA	22XXX843	20,000	Top 1000	
2718	LUONG THI THU	10XXX899	20,000	Top 1000	
2719	PHAM BA MINH HIEU	22XXX071	20,000	Top 1000	
2720	NGUYEN THI HONG NU	22XXX508	20,000	Top 1000	
2721	QUACH THI HUONG	22XXX788	20,000	Top 1000	
2723	NGUYEN VAN PHU	22XXX984	20,000	Top 1000	
2724	PHAM DUC HUNG	19XXX338	20,000	Top 1000	
2725	NGUYEN DO DANG KHOA	22XXX402	20,000	Top 1000	
2726	DANG THI THUY	22XXX742	20,000	Top 1000	
2727	PHAM THI THU THAO	22XXX043	20,000	Top 1000	
2729	HA VAN QUANG	89XXX888	20,000	Top 1000	
2730	PHAM HOANG PHUC	22XXX734	20,000	Top 1000	
2731	NGUYEN THI HIEN	22XXX213	20,000	Top 1000	
2732	TRAN TU QUYEN	22XXX418	20,000	Top 1000	
2733	NGUYEN VAN TIEN	22XXX257	20,000	Top 1000	
2734	HA VAN SY	22XXX654	20,000	Top 1000	
2735	NGUYEN THANH HIEU	60XXX991	20,000	Top 1000	
2736	LE THI CAI	22XXX741	20,000	Top 1000	
2737	HOANG THI THUONG	22XXX743	20,000	Top 1000	
2738	NGUYEN THI DIEM QUYNH	22XXX758	20,000	Top 1000	
2739	TRAN THI MY	22XXX508	20,000	Top 1000	
2740	TRAN THI HANG	22XXX249	20,000	Top 1000	
2741	DUONG THUY LINH	22XXX039	20,000	Top 1000	
2742	DANG THANH HUYN	22XXX268	20,000	Top 1000	
2743	DANG VAN SY	22XXX926	20,000	Top 1000	
2744	NGUYEN VAN MANH	25XXX621	20,000	Top 1000	
2745	LE THI NGOC DUNG	22XXX426	20,000	Top 1000	

2746	NGUYEN CAO TUAN	86XX688	20,000	Top 1000	
2747	LE VIET NHU	81XX888	20,000	Top 1000	
2748	HO KIM QUYEN	22XX661	20,000	Top 1000	
2749	LY THI LAM	49XX333	20,000	Top 1000	
2750	LUU TRUONG THINH	89XX888	20,000	Top 1000	
2751	LE VAN HUNG	98XX838	20,000	Top 1000	
2752	LUU THI CAM VAN	91XX002	20,000	Top 1000	
2753	TRAN THI TUYET	22XX555	20,000	Top 1000	
2754	LE THI HONG HOA	22XX678	20,000	Top 1000	
2755	TRINH TUYET NHUNG	22XX263	20,000	Top 1000	
2756	TRAN MINH QUANG	22XX177	20,000	Top 1000	
2757	NGUYEN THI HONG THU	22XX217	20,000	Top 1000	
2758	NGUYEN CHI TRUNG	22XX075	20,000	Top 1000	
2759	DAO HUONG GIANG	22XX958	20,000	Top 1000	
2760	TRINH THI HUONG QUYNH	22XX548	20,000	Top 1000	
2761	NGUYEN THI HUYEN	22XX569	20,000	Top 1000	
2762	VANG SEO NANG	22XX952	20,000	Top 1000	
2763	DAO NGUYEN TRUC LINH	67XX519	20,000	Top 1000	
2764	NGUYEN MINH HOANG	22XX769	20,000	Top 1000	
2765	DAO VAN MANH	22XX646	20,000	Top 1000	
2766	TRUONG THI THAM	22XX619	20,000	Top 1000	
2767	NGUYEN THI BICH	22XX704	20,000	Top 1000	
2768	PHAM THI LY	22XX212	20,000	Top 1000	
2769	VU VAN DAC	22XX053	20,000	Top 1000	
2770	NONG THI THU	22XX094	20,000	Top 1000	
2771	NGUYEN THI BICH NGAN	22XX511	20,000	Top 1000	
2772	PHAM THI HUYEN	22XX691	20,000	Top 1000	
2773	PHAM QUANG CUONG	22XX167	20,000	Top 1000	
2774	NGUYEN PHUONG VY	22XX558	20,000	Top 1000	
2775	CO HUY GIAP	22XX991	20,000	Top 1000	
2776	TRAN DAI THANG	22XX151	20,000	Top 1000	
2777	NGUYEN VAN CUONG	55XX995	20,000	Top 1000	
2778	BUI THI THAO	22XX081	20,000	Top 1000	
2779	PHAM THI LINH	22XX656	20,000	Top 1000	
2780	TRAN LAM TRUONG	22XX384	20,000	Top 1000	
2781	BUI VAN CA	22XX938	20,000	Top 1000	
2782	LE THI PHUONG	22XX807	20,000	Top 1000	
2783	LE NGOC NGAN	22XX042	20,000	Top 1000	
2784	NGUYEN THI HONG DIEP	22XX178	20,000	Top 1000	
2785	RNAH H NHO	22XX335	20,000	Top 1000	
2786	VAN DUC NHAT	22XX848	20,000	Top 1000	
2787	PHAN THI THO	22XX425	20,000	Top 1000	
2788	HOANG XUAN THANH	22XX395	20,000	Top 1000	
2789	VAN DINH HUNG	22XX048	20,000	Top 1000	
2790	CAM BA DONG	22XX352	20,000	Top 1000	
2791	MAI VAN HUONG	22XX348	20,000	Top 1000	
2792	DANG DINH HUNG	34XX868	20,000	Top 1000	
2793	TA THI BINH	52XX987	20,000	Top 1000	
2794	BUI THANH TUNG	22XX755	20,000	Top 1000	
2795	PHAN THI LE QUYEN	22XX264	20,000	Top 1000	
2796	NGO THI HUONG	22XX088	20,000	Top 1000	
2797	DAO THI HUONG GIANG	22XX846	20,000	Top 1000	
2798	VU THI MAI HIEN	22XX656	20,000	Top 1000	
2799	NGUYEN THI LINH GIANG	22XX505	20,000	Top 1000	
2800	VO VAN VIET	22XX233	20,000	Top 1000	
2801	HUYNH KIM LI	22XX064	20,000	Top 1000	
2802	TRUONG HUNG MANH	22XX467	20,000	Top 1000	
2803	NGUYEN DANG HUNG	22XX034	20,000	Top 1000	
2804	PHAM TANG XUONG	22XX038	20,000	Top 1000	
2805	TRAN VAN THU	22XX143	20,000	Top 1000	
2806	DINH QUOC TRUNG	22XX254	20,000	Top 1000	
2807	NGUYEN VAN DAT	22XX568	20,000	Top 1000	
2808	NGUYEN SONG TOAN	22XX668	20,000	Top 1000	

2809	TA VAN BO	23XXX201	20,000	Top 1000	
2810	TRAN THI HONG NGA	23XXX519	20,000	Top 1000	
2811	TRUONG HONG THANH	23XXX054	20,000	Top 1000	
2812	MUI THI XUYEN	23XXX649	20,000	Top 1000	
2813	LE THI MOI	23XXX249	20,000	Top 1000	
2814	BUI MANH CUONG	23XXX208	20,000	Top 1000	
2815	PHAN VAN CHUNG	23XXX978	20,000	Top 1000	
2816	LE SY LICH	23XXX337	20,000	Top 1000	
2817	NGUYEN NGOC LONG	23XXX603	20,000	Top 1000	
2818	TA VAN HUY	23XXX178	20,000	Top 1000	
2819	VO NHU Y	23XXX118	20,000	Top 1000	
2820	VUONG THI ANH NGUYET	23XXX583	20,000	Top 1000	
2821	NGUYEN THI THUY	23XXX448	20,000	Top 1000	
2822	NGUYEN VAN HUNG	23XXX736	20,000	Top 1000	
2823	NGUYEN VAN THAO	23XXX604	20,000	Top 1000	
2824	LE VAN TUAN	23XXX086	20,000	Top 1000	
2825	NGUYEN DUY HOA	34XXX168	20,000	Top 1000	
2826	NGUYEN LUONG NHUT QUANG	12XXX184	20,000	Top 1000	
2827	PHUNG QUANG QUANG	32XXX999	20,000	Top 1000	
2828	DO QUYET THANG	23XXX055	20,000	Top 1000	
2829	TRAN VAN QUY	23XXX111	20,000	Top 1000	
2830	LAM THI THIEM	23XXX732	20,000	Top 1000	
2831	LAI VAN MINH	23XXX435	20,000	Top 1000	
2832	VAN TAN DUC	23XXX104	20,000	Top 1000	
2833	NGUYEN VAN QUANG	23XXX096	20,000	Top 1000	
2834	PHUNG VAN THANG	23XXX295	20,000	Top 1000	
2835	LUU QUOC KHANH	23XXX076	20,000	Top 1000	
2836	NGUYEN DINH DAI	23XXX266	20,000	Top 1000	
2837	HOANG VAN BA	23XXX048	20,000	Top 1000	
2838	NGUYEN TAN TAI	23XXX988	20,000	Top 1000	
2839	PHAM THI XUAN LINH	23XXX588	20,000	Top 1000	
2840	LE DUC GIAP	23XXX366	20,000	Top 1000	
2841	NGUYEN THI LAN	23XXX504	20,000	Top 1000	
2842	NGUYEN VIET HOAN	12XXX999	20,000	Top 1000	
2843	PHAM THI YEN	23XXX647	20,000	Top 1000	
2844	MAI VAN TUAN	23XXX927	20,000	Top 1000	
2845	NGUYEN THI HAU	23XXX945	20,000	Top 1000	
2846	HUYNH DIEP PHUOC	23XXX968	20,000	Top 1000	
2847	LE VAN THUONG	23XXX085	20,000	Top 1000	
2848	DINH VAN SU	23XXX475	20,000	Top 1000	
2849	NGUYEN VAN HUY	09XXX934	20,000	Top 1000	
2850	TRUONG THI PHUONG	23XXX308	20,000	Top 1000	
2851	NGUYEN HOANG NGOAN	23XXX896	20,000	Top 1000	
2852	DANG VAN NHON	33XXX038	20,000	Top 1000	
2853	DUONG VAN KHAI	90XXX888	20,000	Top 1000	
2854	HOANG MANH THANG	23XXX749	20,000	Top 1000	
2855	NGUYEN DUC HUY	23XXX817	20,000	Top 1000	
2856	PHAM THI ANH PHUONG	23XXX813	20,000	Top 1000	
2857	TRUONG DUC CHUYEN	09XXX648	20,000	Top 1000	
2858	TRUONG MINH HOA	23XXX623	20,000	Top 1000	
2860	DINH TUAN DUC	23XXX656	20,000	Top 1000	
2861	NGUYEN THI PHUONG TRUC	23XXX455	20,000	Top 1000	
2862	NGUYEN TIEN DAT	23XXX588	20,000	Top 1000	
2863	NGUYEN THI THU HA	23XXX107	20,000	Top 1000	
2864	NGUYEN THI LINH	23XXX589	20,000	Top 1000	
2865	NGUYEN THI CHUYEN	23XXX735	20,000	Top 1000	
2866	HA THI THUY HANG	23XXX477	20,000	Top 1000	
2867	NGUYEN THI HUYEN	23XXX358	20,000	Top 1000	
2868	VU THI THUY NGA	23XXX307	20,000	Top 1000	
2869	NGUYEN LAM VI	23XXX525	20,000	Top 1000	
2870	BUI TIEN THAO	23XXX063	20,000	Top 1000	
2871	HA DUY KHANH PHI	23XXX371	20,000	Top 1000	
2872	DO VAN THANG	23XXX978	20,000	Top 1000	

2873	DANG YEN NHI	23XXX604	20,000	Top 1000	
2874	NGUYEN TRUNG HIEU	68XXX322	20,000	Top 1000	
2875	NGUYEN VAN THINH	23XXX178	20,000	Top 1000	
2876	PHAM THI YEN	23XXX397	20,000	Top 1000	
2877	VI THI NIEN	23XXX551	20,000	Top 1000	
2878	DANG HONG QUAN	23XXX286	20,000	Top 1000	
2879	VO VAN THAO	23XXX159	20,000	Top 1000	
2880	HOANG VAN THIET	23XXX735	20,000	Top 1000	
2881	DANG VAN HANG	23XXX483	20,000	Top 1000	
2882	LE TRUONG GIANG	30XXX998	20,000	Top 1000	
2883	NGUYEN THI HAO	23XXX317	20,000	Top 1000	
2884	NGUYEN THI OANH	23XXX151	20,000	Top 1000	
2885	TRAN THI TRANG	23XXX722	20,000	Top 1000	
2886	NGUYEN DUY TU	23XXX032	20,000	Top 1000	
2887	NGUYEN THI THUY VAN	23XXX806	20,000	Top 1000	
2888	TRAN THI HAI	23XXX888	20,000	Top 1000	
2889	TRAN THI MY LINH	23XXX234	20,000	Top 1000	
2890	PHAN THANH HAO	23XXX746	20,000	Top 1000	
2891	NGUYEN THI HONG	23XXX287	20,000	Top 1000	
2892	TRUONG THI NHUNG	23XXX974	20,000	Top 1000	
2893	NGUYEN VAN HIEU	23XXX269	20,000	Top 1000	
2894	TRAN BINH TRUNG	23XXX702	20,000	Top 1000	
2895	NGUYEN QUANG TIEN	23XXX298	20,000	Top 1000	
2896	NGO VINH QUANG	23XXX399	20,000	Top 1000	
2897	HOANG VAN TUAN	23XXX557	20,000	Top 1000	
2898	BUI THI THUONG	23XXX027	20,000	Top 1000	
2899	LUONG VAN HUONG	61XXX789	20,000	Top 1000	
2900	DO NGUYEN TUAN VI	23XXX827	20,000	Top 1000	
2901	PHAM VAN DUY	11XXX288	20,000	Top 1000	
2902	MAI THI PHUONG LINH	23XXX423	20,000	Top 1000	
2903	NGUYEN HOANG GIANG	23XXX461	20,000	Top 1000	
2904	HAN QUOC HOC	23XXX931	20,000	Top 1000	
2905	TRUONG QUANG HUNG	66XXX666	20,000	Top 1000	
2906	DUONG BINH MINH	23XXX506	20,000	Top 1000	
2907	DANG THI HOP	23XXX877	20,000	Top 1000	
2908	LY THI HUONG	23XXX568	20,000	Top 1000	
2909	NGO DINH THI	35XXX929	20,000	Top 1000	
2910	PHAM THI THAM	23XXX847	20,000	Top 1000	
2911	CAN THI QUYNH	65XXX992	20,000	Top 1000	
2912	NGO TRAN THANH HIEN	23XXX667	20,000	Top 1000	
2913	TRAN MINH CONG	23XXX489	20,000	Top 1000	
2914	NGUYEN THI HANG	23XXX624	20,000	Top 1000	
2915	TRAN THI UT	23XXX507	20,000	Top 1000	
2916	BUI VAN LAM	23XXX842	20,000	Top 1000	
2917	PHAM THI MAI	23XXX417	20,000	Top 1000	
2918	HOANG THI VAN ANH	23XXX866	20,000	Top 1000	
2919	NGUYEN BAO NI	23XXX908	20,000	Top 1000	
2920	LE VAN KHANG	23XXX888	20,000	Top 1000	
2921	NGO QUANG KHANH	23XXX359	20,000	Top 1000	
2922	VU THI TAM HOA	23XXX088	20,000	Top 1000	
2923	VU DANG SON	03XXX093	20,000	Top 1000	
2924	HOANG THI THOM	23XXX401	20,000	Top 1000	
2925	NGUYEN THUY TRANG	23XXX849	20,000	Top 1000	
2926	GIANG THE VINH	23XXX277	20,000	Top 1000	
2927	LE THI THUY KIEU	09XXX166	20,000	Top 1000	
2928	PHAN THI NGOC BICH	23XXX937	20,000	Top 1000	
2929	DO THI HAI YEN	23XXX668	20,000	Top 1000	
2930	LE DUY KHANH	23XXX778	20,000	Top 1000	
2931	DUONG VAN BANG	23XXX927	20,000	Top 1000	
2932	PHAN THI TUOI	23XXX524	20,000	Top 1000	
2933	NGUYEN DANG TINH	23XXX419	20,000	Top 1000	
2934	NGUYEN DINH THANG	12XXX888	20,000	Top 1000	
2935	NGUYEN THI HONG THAM	23XXX165	20,000	Top 1000	

2936	LE THI CHUNG	23XXX226	20,000	Top 1000	
2937	TRAN QUOC TOAN	23XXX687	20,000	Top 1000	
2938	NGUYEN VAN SOM	23XXX349	20,000	Top 1000	
2939	TO HUY TUAN MINH	23XXX505	20,000	Top 1000	
2940	NGUYEN THI HONG DYEL	23XXX802	20,000	Top 1000	
2941	TRAN VAN HUAN	23XXX778	20,000	Top 1000	
2942	BUI HOANG NHUNG	23XXX977	20,000	Top 1000	
2943	NGUYEN VAN AN	23XXX409	20,000	Top 1000	
2944	DINH NGOC SANG	23XXX281	20,000	Top 1000	
2945	TRAN VAN HAI	23XXX385	20,000	Top 1000	
2946	DINH CAO CUONG	23XXX126	20,000	Top 1000	
2947	TRAN SY ANH	23XXX471	20,000	Top 1000	
2948	TA THI MINH	23XXX713	20,000	Top 1000	
2949	TRAN VAN TUAN	23XXX242	20,000	Top 1000	
2950	NGUYEN THI THANH THUY	23XXX205	20,000	Top 1000	
2951	TRINH NGOC THUY VY	23XXX301	20,000	Top 1000	
2952	NGUYEN HONG NHIE	23XXX838	20,000	Top 1000	
2953	NGUYEN VIET THANH	19XXX579	20,000	Top 1000	
2954	NGUYEN VAN TRUONG	23XXX173	20,000	Top 1000	
2955	DINH THI PHUONG THAO	23XXX556	20,000	Top 1000	
2956	LE NHU SON	23XXX077	20,000	Top 1000	
2957	NGUYEN THANH HOA	23XXX268	20,000	Top 1000	
2958	BUI VAN THAO	23XXX934	20,000	Top 1000	
2959	LUONG DUC KHOI	23XXX196	20,000	Top 1000	
2960	TRAN THIEN PHONG	23XXX392	20,000	Top 1000	
2961	NGUYEN THI MY QUYEN	23XXX468	20,000	Top 1000	
2963	HOANG THI THANH CHUC	36XXX001	20,000	Top 1000	
2964	LE ANH TU	23XXX049	20,000	Top 1000	
2965	LE THI THUY TRANG	23XXX708	20,000	Top 1000	
2966	VU NGOC LAM	23XXX288	20,000	Top 1000	
2967	NGUYEN VAN QUYEN	82XXX999	20,000	Top 1000	
2968	LE VAN CANH	23XXX827	20,000	Top 1000	
2969	DANG THI SIEM	23XXX074	20,000	Top 1000	
2970	TRUONG VAN PHUONG	23XXX003	20,000	Top 1000	
2971	NONG THANH QUYET	23XXX289	20,000	Top 1000	
2972	BUI DINH VUONG	23XXX078	20,000	Top 1000	
2973	LE THI TAM	78XXX756	20,000	Top 1000	
2974	NGUYEN THI KHANH LINH	23XXX211	20,000	Top 1000	
2975	LO VAN YEN	23XXX125	20,000	Top 1000	
2977	LY THI LOAN	23XXX424	20,000	Top 1000	
2978	VUONG THI MAI THANH	23XXX357	20,000	Top 1000	
2979	ME THI THUY	23XXX152	20,000	Top 1000	
2980	TRAN VAN HIEU	88XXX983	20,000	Top 1000	
2981	NGUYEN VAN THAI	23XXX257	20,000	Top 1000	
2982	LY VAN AN	23XXX753	20,000	Top 1000	
2983	NGUYEN THI HUONG	23XXX083	20,000	Top 1000	
2984	VI THI THAM	23XXX456	20,000	Top 1000	
2985	TRAN VAN HOA	23XXX748	20,000	Top 1000	
2986	NGUYEN DUY KHANG	23XXX496	20,000	Top 1000	
2987	DINH XUAN TRUONG	23XXX001	20,000	Top 1000	
2988	NGUYEN THE NHAN	23XXX708	20,000	Top 1000	
2989	TRUONG THI TU	36XXX798	20,000	Top 1000	
2990	PHAM THE LONG	09XXX555	20,000	Top 1000	
2991	NGUYEN DANG MINH PHUC	23XXX519	20,000	Top 1000	
2992	BUI XUAN TIEN	88XXX993	20,000	Top 1000	
2993	PHAM VAN PHAP	99XXX984	20,000	Top 1000	
2994	DINH THI THEU	23XXX862	20,000	Top 1000	
2995	BUI MANH QUYNH	50XXX001	20,000	Top 1000	
2996	PHUNG THANH TUNG	99XXX493	20,000	Top 1000	
2997	PHAM VAN TUAN	33XXX868	20,000	Top 1000	
2998	NGUYEN DUC TU	99XXX333	20,000	Top 1000	
2999	VU ANH TUAN	09XXX868	20,000	Top 1000	
3000	TRAN THI HAU	23XXX278	20,000	Top 1000	

3001	PHAN THI HONG NHUNG	60XX999	20,000	Top 1000	
3002	TRAN THI HUYEN TRANG	23XXX118	20,000	Top 1000	
3003	VO CHI LIEM	23XXX277	20,000	Top 1000	
3004	BUI VAN THANH	23XXX098	20,000	Top 1000	
3005	LE THI THIEN	23XXX021	20,000	Top 1000	
3006	NGUYEN QUOC VUONG	09XXX361	20,000	Top 1000	
3007	NGUYEN CONG HUU LY	23XXX813	20,000	Top 1000	
3008	PHAM VAN AN	36XXX304	20,000	Top 1000	
3009	BUI THI HUONG LAN	23XXX882	20,000	Top 1000	
3010	DINH VAN THONG	23XXX058	20,000	Top 1000	
3011	LY SEO DONG	23XXX816	20,000	Top 1000	
3012	TRAN THI HUYEN	23XXX083	20,000	Top 1000	
3013	NGUYEN VAN THUAN	23XXX841	20,000	Top 1000	
3014	DO VAN HO	23XXX825	20,000	Top 1000	
3015	LE THI HANG NGA	23XXX549	20,000	Top 1000	
3016	HA THI THUY CHINH	23XXX355	20,000	Top 1000	
3017	NGUYEN THE HAI YEN	23XXX648	20,000	Top 1000	
3018	NGUYEN VIET TRUNG	23XXX732	20,000	Top 1000	
3019	NGUYEN THI THI	23XXX261	20,000	Top 1000	
3020	NGUYEN THI PHUONG	23XXX784	20,000	Top 1000	
3021	NGO VAN CONG	23XXX865	20,000	Top 1000	
3022	LE VAN GIAU	23XXX397	20,000	Top 1000	
3023	NGUYEN NGOC MAI	80XXX996	20,000	Top 1000	
3024	PHAM THI MY LINH	26XXX998	20,000	Top 1000	
3025	HA VAN BUU	29XXX898	20,000	Top 1000	
3026	NGUYEN HUU HOAN	13XXX666	20,000	Top 1000	
3028	NGUYEN VAN HAI	23XXX668	20,000	Top 1000	
3029	LE VINH SAN	77XXX999	20,000	Top 1000	
3030	HA VAN THANG	23XXX124	20,000	Top 1000	
3031	NGUYEN NHAT MINH	24XXX994	20,000	Top 1000	
3032	LUONG VAN THANG	66XXX868	20,000	Top 1000	
3033	PHAM XUAN DUONG	96XXX996	20,000	Top 1000	
3034	PHAM THI HAI THAO	55XXX888	20,000	Top 1000	
3035	BUI TRUNG THANH	68XXX888	20,000	Top 1000	
3036	LE DINH LOC	23XXX312	20,000	Top 1000	
3037	NGUYEN THI THU THAO	26XXX599	20,000	Top 1000	
3038	DUONG VAN THANG	58XXX333	20,000	Top 1000	
3039	VO THANH PHONG	23XXX508	20,000	Top 1000	
3040	NGUYEN THI THU	36XXX662	20,000	Top 1000	
3041	NGUYEN NGOC VAN ANH	23XXX533	20,000	Top 1000	
3042	DONG VAN THUAN	66XXX888	20,000	Top 1000	
3043	NGUYEN THI LIEN	23XXX188	20,000	Top 1000	
3044	NGUYEN HUU DO	23XXX601	20,000	Top 1000	
3045	NGUYEN DUY THAI	39XXX879	20,000	Top 1000	
3046	VU THI NU	09XXX580	20,000	Top 1000	
3047	TRAN THI THUY CHUYEN	59XXX999	20,000	Top 1000	
3048	PHAM XUAN LINH	23XXX349	20,000	Top 1000	
3049	TRAN XUAN HONG	23XXX297	20,000	Top 1000	
3050	MAI KHOA	23XXX434	20,000	Top 1000	
3051	LE TRONG TRI	23XXX408	20,000	Top 1000	
3052	NGUYEN THI HA	91XXX997	20,000	Top 1000	
3053	NGUYEN THANH NAM	23XXX834	20,000	Top 1000	
3054	NGUYEN THI HUYEN	23XXX451	20,000	Top 1000	
3055	NGUYEN THI HONG PHUNG	74XXX789	20,000	Top 1000	
3056	THAI NAM PHONG	23XXX507	20,000	Top 1000	
3057	TRAN VAN THUONG	23XXX351	20,000	Top 1000	
3058	NGO HOANG GIANG SON	23XXX658	20,000	Top 1000	
3059	NGUYEN XUAN TUAN	62XXX199	20,000	Top 1000	
3060	LE HUYNH TRI THONG	23XXX252	20,000	Top 1000	
3061	HA THAI SON	12XXX888	20,000	Top 1000	
3062	LE HUU THANH	25XXX868	20,000	Top 1000	
3063	VU THI HUE	23XXX089	20,000	Top 1000	
3064	NGUYEN THI THUY DUONG	23XXX737	20,000	Top 1000	

3065	NGUYEN THI THANH HUONG	23XXX648	20,000	Top 1000	
3066	NGUYEN THI THUY LINH	23XXX007	20,000	Top 1000	
3067	DINH THI THU HUONG	23XXX283	20,000	Top 1000	
3068	DINH KIM DUNG	23XXX005	20,000	Top 1000	
3069	NGUYEN HUY HUONG	23XXX021	20,000	Top 1000	
3070	NGUYEN HONG LONG	45XXX995	20,000	Top 1000	
3071	LE VAN HOANG	23XXX909	20,000	Top 1000	
3072	LE THI THANH THAO	11XXX368	20,000	Top 1000	
3073	DO HUY LUONG	23XXX683	20,000	Top 1000	
3074	HUA HUY HIEU	45XXX898	20,000	Top 1000	
3075	BUI VAN TUNG	34XXX995	20,000	Top 1000	
3076	NGUYEN NGOC XUAN	23XXX797	20,000	Top 1000	
3077	CHU DAO HAI	63XXX286	20,000	Top 1000	
3078	NGUYEN MINH NHI	23XXX914	20,000	Top 1000	
3079	DINH THI KIM OANH	23XXX073	20,000	Top 1000	
3080	TO THI HONG THUONG	23XXX291	20,000	Top 1000	
3081	PHAM THI HUE	23XXX688	20,000	Top 1000	
3082	VU VAN TIEN	23XXX885	20,000	Top 1000	
3083	NGUYEN THI MAI ANH	23XXX417	20,000	Top 1000	
3084	HO TUAN ANH	23XXX623	20,000	Top 1000	
3085	PHAN THI NGOC	39XXX993	20,000	Top 1000	
3086	TRUONG THI TUOI	23XXX714	20,000	Top 1000	
3087	NGUYEN THUY NGAN	23XXX861	20,000	Top 1000	
3088	PHAN VAN NGHIA	23XXX907	20,000	Top 1000	
3089	NGUYEN THI TRUNG NGUYEN	23XXX557	20,000	Top 1000	
3090	PHAM MINH PHUONG	23XXX645	20,000	Top 1000	
3091	TONG VAN DUONG	23XXX389	20,000	Top 1000	
3092	NGUYEN THANH TRUNG	96XXX979	20,000	Top 1000	
3093	BUI ANH TUAN	23XXX024	20,000	Top 1000	
3094	BUI THUY ANH	23XXX529	20,000	Top 1000	
3095	HOANG DUC TRUNG	23XXX368	20,000	Top 1000	
3096	TRUONG THI NGOC ANH	66XXX879	20,000	Top 1000	
3097	NGUYEN HUU HIEU	67XXX999	20,000	Top 1000	
3098	NGUYEN NGOC NHAT HUY	95XXX636	20,000	Top 1000	
3099	NGUYEN THI KIM THUY	23XXX604	20,000	Top 1000	
3100	DINH VAN QUAN	24XXX999	20,000	Top 1000	
3101	NGUYEN THE SON	23XXX701	20,000	Top 1000	
3102	ME VAN HUONG	99XXX668	20,000	Top 1000	
3103	NGUYEN VAN MINH	20XXX299	20,000	Top 1000	
3104	PHAM VAN HOA	09XXX868	20,000	Top 1000	
3105	NGUYEN TU MUOI	88XXX683	20,000	Top 1000	
3106	NGUYEN MANH TUONG	23XXX858	20,000	Top 1000	
3107	TRUONG NGOC THANH HUONG	16XXX888	20,000	Top 1000	
3108	HA THI TRONG	23XXX018	20,000	Top 1000	
3109	HOANG THI THUY	23XXX432	20,000	Top 1000	
3110	PHAM VAN BINH	23XXX074	20,000	Top 1000	
3111	LE HONG NI	23XXX578	20,000	Top 1000	
3112	TRAN VAN HONG	09XXX607	20,000	Top 1000	
3113	HOANG THI THAI	62XXX983	20,000	Top 1000	
3114	BUI KIEN CUONG	18XXX986	20,000	Top 1000	
3115	LAM THI SEN	17XXX686	20,000	Top 1000	
3117	PHAM VAN HA	23XXX219	20,000	Top 1000	
3118	LE THI QUYEN	29XXX989	20,000	Top 1000	
3119	HOANG VU OLALEYE SAMSON	53XXX748	20,000	Top 1000	
3120	NGO VAN PHE	23XXX551	20,000	Top 1000	
3121	NGUYEN VAN PHUOC	20XXX456	20,000	Top 1000	
3122	NGUYEN VAN PHUOC	23XXX941	20,000	Top 1000	
3123	LE VAN TRUONG	25XXX289	20,000	Top 1000	
3124	NGO VAN DAT	23XXX573	20,000	Top 1000	
3125	NGUYEN NGOC LAM	23XXX405	20,000	Top 1000	
3126	BUI THI THEU	23XXX597	20,000	Top 1000	
3127	VI VAN DAT	23XXX658	20,000	Top 1000	
3128	BUI THI HUONG LY	86XXX002	20,000	Top 1000	

3129	NGYEN THI THUY	23XXX583	20,000	Top 1000	
3130	LO VAN MANH	28XXX996	20,000	Top 1000	
3131	DUONG THI HIEN	23XXX946	20,000	Top 1000	
3132	PHU THI CHINH	10XXX001	20,000	Top 1000	
3133	NGUYEN THI THANH THUY	55XXX003	20,000	Top 1000	
3134	MAI THI HUE	23XXX588	20,000	Top 1000	
3135	NGUYEN QUYNH CAM	23XXX071	20,000	Top 1000	
3136	NGUYEN MINH SY	23XXX958	20,000	Top 1000	
3137	LE THI HONG HANH	81XXX888	20,000	Top 1000	
3138	NGUYEN HOAI NAM	61XXX686	20,000	Top 1000	
3139	PHAN THI DIU	12XXX666	20,000	Top 1000	
3140	NGUYEN THE NHAN	88XXX113	20,000	Top 1000	
3141	LE DINH HUNG	32XXX886	20,000	Top 1000	
3142	NGUYEN THI NHU QUYNH	66XXX136	20,000	Top 1000	
3143	NGUYEN THI LUAN	23XXX753	20,000	Top 1000	
3144	VO LE PHUONG HUE	23XXX402	20,000	Top 1000	
3145	PHAN THI NHUN	23XXX736	20,000	Top 1000	
3146	PHAM THI LINH	23XXX758	20,000	Top 1000	
3147	NGO VAN THUYNH	24XXX191	20,000	Top 1000	
3148	DANG THI LOC	71XXX999	20,000	Top 1000	
3149	DINH VAN TINH	23XXX627	20,000	Top 1000	
3150	HOANG THI BICH DIEP	55XXX995	20,000	Top 1000	
3151	NGUYEN XUAN HIEU	26XXX002	20,000	Top 1000	
3152	NGUYEN XUAN CUONG	22XXX816	20,000	Top 1000	
3153	DUONG HA TRUNG	24XXX058	20,000	Top 1000	
3154	NGUYEN THI HA	20XXX989	20,000	Top 1000	
3155	PHAN NGOC HUYEN	24XXX707	20,000	Top 1000	
3156	DAO VIET THANH	24XXX487	20,000	Top 1000	
3157	NGUYEN HUONG LY	24XXX344	20,000	Top 1000	
3158	PHAM THANH TUONG	24XXX765	20,000	Top 1000	
3159	VU THANH NGUYEN	24XXX125	20,000	Top 1000	
3160	NGUYEN VAN DUONG	24XXX197	20,000	Top 1000	
3161	PHAN VAN DUY	24XXX728	20,000	Top 1000	
3162	HA THI NGA	24XXX667	20,000	Top 1000	
3163	NGUYEN THI THANH LOAN	66XXX053	20,000	Top 1000	
3164	PHAM THE HOANG HA	24XXX922	20,000	Top 1000	
3165	NGUYEN HUY HOANG	90XXX191	20,000	Top 1000	
3166	TRAN THI HOAI	24XXX189	20,000	Top 1000	
3167	NGUYEN THI NGOC ANH	24XXX229	20,000	Top 1000	
3168	NGUYEN TAN LE	24XXX414	20,000	Top 1000	
3169	NGUYEN THI PHUONG	61XXX999	20,000	Top 1000	
3170	PHAM THI HUE	96XXX683	20,000	Top 1000	
3171	NGUYEN MAI AI NGUYEN	55XXX797	20,000	Top 1000	
3172	NGUYEN THI NGA	24XXX967	20,000	Top 1000	
3173	TRUONG CONG VU	11XXX333	20,000	Top 1000	
3174	NGUYEN VAN THUAN	24XXX547	20,000	Top 1000	
3175	NGUYEN TIEN DUNG	24XXX399	20,000	Top 1000	
3176	DINH THUY LAN	24XXX246	20,000	Top 1000	
3177	DAO THI THUONG	24XXX635	20,000	Top 1000	
3178	DAO VAN CUONG	24XXX298	20,000	Top 1000	
3179	NGUYEN KHAC CAN	24XXX952	20,000	Top 1000	
3180	NGUYEN THI HUYEN	33XXX388	20,000	Top 1000	
3181	NGUYEN THI CAM VAN	24XXX708	20,000	Top 1000	
3182	NGUYEN VAN HOA	93XXX994	20,000	Top 1000	
3183	TRAN THANH PHUC	24XXX217	20,000	Top 1000	
3184	PHAM THANH HOA	23XXX999	20,000	Top 1000	
3185	NGUYEN YEN TINH	24XXX676	20,000	Top 1000	
3186	NGUYEN DUY THANH	24XXX745	20,000	Top 1000	
3187	NGUYEN VAN NHA	24XXX318	20,000	Top 1000	
3188	TRAN VIET	60XXX438	20,000	Top 1000	
3189	PHAM VAN QUYET	24XXX562	20,000	Top 1000	
3190	NGUYEN CAO SON	24XXX996	20,000	Top 1000	
3191	TRUONG PHUONG KHANH	23XXX988	20,000	Top 1000	

3192	PHAM VAN KIEN	24XXX441	20,000	Top 1000	
3193	NGUYEN THANH HIEU	24XXX252	20,000	Top 1000	
3194	NGUYEN VAN DONG	16XXX888	20,000	Top 1000	
3195	GIANG THI VAN	24XXX854	20,000	Top 1000	
3196	DUONG QUANG NINH	24XXX959	20,000	Top 1000	
3197	NGUYEN VAN SY	24XXX431	20,000	Top 1000	
3198	HUYNH THI VAN ANH	24XXX021	20,000	Top 1000	
3199	NGUYEN THAI HAN	24XXX145	20,000	Top 1000	
3200	TRAN THI MY HANG	24XXX293	20,000	Top 1000	
3201	NGUYEN VAN THO	55XXX995	20,000	Top 1000	
3202	TRAN THANH THUAN	28XXX368	20,000	Top 1000	
3203	VU VAN KHOA	24XXX208	20,000	Top 1000	
3204	LE HOANG NAM	45XXX999	20,000	Top 1000	
3205	VI THI MINH CHAU	24XXX518	20,000	Top 1000	
3206	NGUYEN THANH TU	68XXX939	20,000	Top 1000	
3207	VU THUY VAN	12XXX989	20,000	Top 1000	
3208	HOANG VAN MANH	24XXX291	20,000	Top 1000	
3209	LE THU TRANG	65XXX001	20,000	Top 1000	
3210	NGUYEN VAN THAI	24XXX172	20,000	Top 1000	
3211	TRAN THI XUAN	27XXX002	20,000	Top 1000	
3212	NGUYEN DINH CUONG	24XXX668	20,000	Top 1000	
3213	PHAM MINH PHUC	24XXX164	20,000	Top 1000	
3214	LO VAN DUNG	24XXX101	20,000	Top 1000	
3215	NGO THI NGOC TRAM	62XXX812	20,000	Top 1000	
3216	NGUYEN VAN TOAN	30XXX123	20,000	Top 1000	
3217	NGUYEN XUAN LOI	18XXX383	20,000	Top 1000	
3218	TRAN QUY	24XXX343	20,000	Top 1000	
3219	BUI MINH ANH	24XXX416	20,000	Top 1000	
3221	PHUNG MINH QUANG	10XXX169	20,000	Top 1000	
3222	BUI THI HONG DAO	34XXX995	20,000	Top 1000	
3223	BUI THI NHU PHUONG	24XXX054	20,000	Top 1000	
3224	A MINH	24XXX868	20,000	Top 1000	
3225	NGUYEN DUC TOAN	24XXX453	20,000	Top 1000	
3226	VU THI NGOC	13XXX984	20,000	Top 1000	
3227	NGUYEN THI MAI	03XXX140	20,000	Top 1000	
3228	LE NHU NGOC	24XXX136	20,000	Top 1000	
3229	HOANG VAN DAT	66XXX999	20,000	Top 1000	
3230	NGUYEN THI KIEU CHAM	86XXX001	20,000	Top 1000	
3231	NGUYEN THI TRONG	24XXX057	20,000	Top 1000	
3232	DO HA TRANG	86XXX991	20,000	Top 1000	
3233	NGUYEN BA DUC	24XXX655	20,000	Top 1000	
3234	NGUYEN THI NGAN	88XXX888	20,000	Top 1000	
3235	TRAN THI HUYEN	14XXX999	20,000	Top 1000	
3236	LE THI GIANG	24XXX857	20,000	Top 1000	
3237	CAO LONG HAN	24XXX729	20,000	Top 1000	
3238	VU THU TRANG	24XXX989	20,000	Top 1000	
3239	TRAN QUOC NGHIA	24XXX468	20,000	Top 1000	
3240	NGO THI TAY	78XXX997	20,000	Top 1000	
3241	VUONG THI HOA QUYNH	24XXX557	20,000	Top 1000	
3242	NGUYEN THI HUONG THAO	27XXX995	20,000	Top 1000	
3243	TO DUY LONG	81XXX886	20,000	Top 1000	
3244	NGUYEN THI TRINH	24XXX859	20,000	Top 1000	
3245	LE THI THU HUONG	24XXX235	20,000	Top 1000	
3246	HOANG THI NHUNG	82XXX991	20,000	Top 1000	
3247	LE VU NAM	24XXX797	20,000	Top 1000	
3248	TRAN THI HONG	09XXX616	20,000	Top 1000	
3249	DAO THI THOM	86XXX907	20,000	Top 1000	
3250	NGO MANH KIEN	67XXX982	20,000	Top 1000	
3251	NGUYEN LINH TRANG	24XXX305	20,000	Top 1000	
3252	NGUYEN THI VUI	81XXX936	20,000	Top 1000	
3253	NGUYEN HOANG QUY	20XXX986	20,000	Top 1000	
3254	VU QUANG PHUONG	18XXX987	20,000	Top 1000	
3255	BACH NGOC THIEN	04XXX777	20,000	Top 1000	

3256	NGUYEN VINH QUANG	24XXX228	20,000	Top 1000	
3257	HOANG XUAN THANH	12XXX504	20,000	Top 1000	
3258	DO DUY VIET	88XXX888	20,000	Top 1000	
3259	TRUONG THI BICH THUY	24XXX088	20,000	Top 1000	
3260	TRAN HOANG QUOC	36XXX997	20,000	Top 1000	
3261	TRAN VAN SU	68XXX333	20,000	Top 1000	
3262	VUONG THU THUY	24XXX467	20,000	Top 1000	
3263	NGUYEN TIEN LOI	31XXX964	20,000	Top 1000	
3264	NGUYEN THI TRANG	24XXX967	20,000	Top 1000	
3265	DANG THI THUY HONG	11XXX999	20,000	Top 1000	
3266	HA THI OANH	68XXX868	20,000	Top 1000	
3267	MAC THI PHUONG HAO	88XXX368	20,000	Top 1000	
3268	VAN THI NINH	95XXX111	20,000	Top 1000	
3269	NGUYEN THI HUE	28XXX976	20,000	Top 1000	
3270	TRAN DUC CONG	16XXX836	20,000	Top 1000	
3271	DOAN THI HUONG	24XXX422	20,000	Top 1000	
3272	TRAN BA KHIEM	24XXX697	20,000	Top 1000	
3273	LY HONG NGAN	24XXX239	20,000	Top 1000	
3274	CAO THI HONG	24XXX466	20,000	Top 1000	
3275	TRINH QUOC DOANH	96XXX111	20,000	Top 1000	
3276	NGUYEN THI PHUONG	24XXX793	20,000	Top 1000	
3277	BUI THI THAO MAI	24XXX047	20,000	Top 1000	
3278	DINH THI NGHIA	66XXX983	20,000	Top 1000	
3279	PHAN TRONG PHUC	89XXX858	20,000	Top 1000	
3280	TRAN LUONG PHAN	24XXX755	20,000	Top 1000	
3281	NGUYEN TRUONG THANH	44XXX868	20,000	Top 1000	
3282	VU THI ANH NGUYET	81XXX988	20,000	Top 1000	
3283	NGUYEN THI HUE	10XXX333	20,000	Top 1000	
3284	HOANG THE NGOC	11XXX888	20,000	Top 1000	
3285	CAO THI NHUNG	24XXX744	20,000	Top 1000	
3286	NGUYEN TIEN DAT	24XXX228	20,000	Top 1000	
3287	NGUYEN HAI AU	12XXX888	20,000	Top 1000	
3288	NGUYEN TRONG TIEN	56XXX899	20,000	Top 1000	
3289	NGO THU MINH	24XXX308	20,000	Top 1000	
3290	VU TIEN DOAN	24XXX228	20,000	Top 1000	
3291	CAO DUC PHUONG	39XXX668	20,000	Top 1000	
3292	NGUYEN HONG SON	42XXX397	20,000	Top 1000	
3293	CAO VAN MINH	24XXX113	20,000	Top 1000	
3294	NGUYEN THI HOAI THU TUC MY LAU	36XXX103	20,000	Top 1000	
3295	NGUYEN THI DIEU HUYEN	24XXX797	20,000	Top 1000	
3296	PHAM THI HONG GAM	94XXX997	20,000	Top 1000	
3297	TRAN NAM HUNG	72XXX996	20,000	Top 1000	
3298	DANG HOAI LINH	25XXX998	20,000	Top 1000	
3299	NGUYEN THI NGOC HUYEN	11XXX639	20,000	Top 1000	
3300	LE XUAN HUNG	24XXX248	20,000	Top 1000	
3301	NGUYEN VO HUYEN LINH	24XXX117	20,000	Top 1000	
3302	NGUYEN VAN HOANG	33XXX019	20,000	Top 1000	
3303	DANG THI LOAN	24XXX107	20,000	Top 1000	
3304	LUU THI HIEN	24XXX033	20,000	Top 1000	
3305	DO VAN HOP	16XXX698	20,000	Top 1000	
3306	LE THI MINH	22XXX148	20,000	Top 1000	
3307	NGUYEN THI HUONG	09XXX118	20,000	Top 1000	
3308	NGUYEN LAM OANH	24XXX876	20,000	Top 1000	
3309	PHAM THI CHINH	24XXX571	20,000	Top 1000	
3310	NGUYEN HUU TINH	24XXX488	20,000	Top 1000	
3311	NGHIEM VAN TIEP	65XXX999	20,000	Top 1000	
3312	NGUYEN THI MIEN	24XXX548	20,000	Top 1000	
3313	SIN SAI TIEN	24XXX528	20,000	Top 1000	
3314	DUONG THI DUYEN	40XXX292	20,000	Top 1000	
3315	HA THI HUONG	24XXX948	20,000	Top 1000	
3316	VU THI HUONG	24XXX014	20,000	Top 1000	
3317	DAO THI THANH THUY	24XXX782	20,000	Top 1000	
3318	DINH CONG DAT	24XXX979	20,000	Top 1000	

3319	PHAM VAN Y	24XXX519	20,000	Top 1000	
3320	NGUYEN THI CHANH	24XXX883	20,000	Top 1000	
3321	BUI NGOC TUAN	44XXX883	20,000	Top 1000	
3322	TRAN THI THANH HOA	92XXX839	20,000	Top 1000	
3323	PHAM VAN QUAN	19XXX888	20,000	Top 1000	
3325	NGUYEN HOANG TUAN	60XXX992	20,000	Top 1000	
3326	TRIEU VAN TOAN	99XXX281	20,000	Top 1000	
3327	NGUYEN VAN SUC	68XXX965	20,000	Top 1000	
3328	NGUYEN THI LINH	17XXX386	20,000	Top 1000	
3329	NGUYEN XUAN THINH	72XXX999	20,000	Top 1000	
3330	DUONG HONG LIEN	24XXX908	20,000	Top 1000	
3331	LE QUANG CHUC	53XXX905	20,000	Top 1000	
3332	NGUYEN VAN HANH	24XXX793	20,000	Top 1000	
3333	DANG VAN CUONG	03XXX451	20,000	Top 1000	
3334	PHUNG THI MAI	24XXX877	20,000	Top 1000	
3335	LUONG VAN HAI	24XXX413	20,000	Top 1000	
3336	NGUYEN THI HAI HA	22XXX068	20,000	Top 1000	
3337	PHAM THANH TUNG	58XXX555	20,000	Top 1000	
3338	DOAN THI NGOC HUE	18XXX886	20,000	Top 1000	
3339	NGUYEN VAN TU	31XXX002	20,000	Top 1000	
3340	HOANG MANH HIEP	23XXX995	20,000	Top 1000	
3341	TRAN VAN THUAN	56XXX333	20,000	Top 1000	
3343	DO THI KIEU MY	10XXX995	20,000	Top 1000	
3344	DINH CONG KIEN	20XXX222	20,000	Top 1000	
3345	LE THI THU YEN	24XXX087	20,000	Top 1000	
3346	TRAN THI ANH THU	12XXX103	20,000	Top 1000	
3347	NGUYEN THI DAO	24XXX243	20,000	Top 1000	
3348	NGHIEM THAI HOA	56XXX222	20,000	Top 1000	
3349	PHAM HUU HIEU	36XXX666	20,000	Top 1000	
3350	NGUYEN VAN PHUC	24XXX067	20,000	Top 1000	
3351	VU MANH LONG	24XXX416	20,000	Top 1000	
3352	NGUYEN DIEU MY	19XXX222	20,000	Top 1000	
3353	HONG VAN KHANH	24XXX964	20,000	Top 1000	
3354	TRAN THI NGAN	27XXX009	20,000	Top 1000	
3355	TRAN MINH TUAN	25XXX252	20,000	Top 1000	
3356	LO VAN THUC	14XXX988	20,000	Top 1000	
3357	HOANG VAN DUNG	16XXX987	20,000	Top 1000	
3358	MA THI HUONG LAN	24XXX447	20,000	Top 1000	
3359	LE THI UT	24XXX237	20,000	Top 1000	
3360	DANG THI LAN ANH	42XXX789	20,000	Top 1000	
3361	NGUYEN VAN HAI	10XXX994	20,000	Top 1000	
3362	LAI DUY KHANH	18XXX888	20,000	Top 1000	
3363	NGUYEN VAN DUONG	86XXX888	20,000	Top 1000	
3364	NGUYEN THI LOAN	22XXX463	20,000	Top 1000	
3365	VU THI LIEN	16XXX993	20,000	Top 1000	
3366	NGUYEN NHU BA LAM	73XXX898	20,000	Top 1000	
3367	HUYNH VAN HOI	30XXX232	20,000	Top 1000	
3368	CU MINH SON	88XXX103	20,000	Top 1000	
3369	TRAN MINH CHAU	10XXX024	20,000	Top 1000	
3370	LE VAN THUA	10XXX222	20,000	Top 1000	
3371	DINH BA NGUYEN	20XXX858	20,000	Top 1000	
3372	TRAN HOAI NHAN	24XXX994	20,000	Top 1000	
3373	VU DINH TIEN	68XXX666	20,000	Top 1000	
3374	NGUYEN HA TUAN KHA	96XXX878	20,000	Top 1000	
3375	NGUYEN VAN KIEN	24XXX131	20,000	Top 1000	
3376	VU TOAN KHOA	13XXX986	20,000	Top 1000	
3377	NGUYEN YEN PHONG	46XXX333	20,000	Top 1000	
3378	NGUYEN TRIEU THUY HANG	90XXX888	20,000	Top 1000	
3379	NGUYEN THI HIEN	24XXX631	20,000	Top 1000	
3380	NGUYEN THU NGAN	62XXX868	20,000	Top 1000	
3381	NGUYEN MANH THANG	99XXX995	20,000	Top 1000	
3382	VU NGOC CHI HAO	70XXX186	20,000	Top 1000	
3383	PHAM VAN HOANG	18XXX988	20,000	Top 1000	

3384	TRAN THI DINH	58XX983	20,000	Top 1000	
3385	VU DANG DUONG	31XX696	20,000	Top 1000	
3386	LAI THI THUY HANG	12XX988	20,000	Top 1000	
3387	TRAN THU HUONG	78XX647	20,000	Top 1000	
3388	VU DUC TUAN	24XX657	20,000	Top 1000	
3389	LE THI THUY TRANG	09XX832	20,000	Top 1000	
3390	NGUYEN THI ANH	24XX742	20,000	Top 1000	
3391	DANG THI MY TRANG	24XX719	20,000	Top 1000	
3392	HA THI HANG	24XX215	20,000	Top 1000	
3393	NGUYEN THI NHU BINH	58XX284	20,000	Top 1000	
3394	TRAN VAN MANH	19XX989	20,000	Top 1000	
3395	TRAN THI CHUYEN	24XX715	20,000	Top 1000	
3396	DANG THI MY LINH	20XX596	20,000	Top 1000	
3397	DU KIM LONG	56XX357	20,000	Top 1000	
3398	NGUYEN TRUONG GIANG	24XX421	20,000	Top 1000	
3399	DINH CONG MINH	25XX909	20,000	Top 1000	
3400	TRAN VAN NGOC	24XX018	20,000	Top 1000	
3401	LE QUANG DAT	24XX878	20,000	Top 1000	
3402	PHAM NGOC ANH	24XX106	20,000	Top 1000	
3403	MUA THI BAU	24XX241	20,000	Top 1000	
3404	CAO NGUYEN TAN PHU	79XX979	20,000	Top 1000	
3405	NGUYEN PHI CUONG	24XX512	20,000	Top 1000	
3406	NGUYEN TRONG HUU	59XX987	20,000	Top 1000	
3407	BUI THI NGOC	24XX847	20,000	Top 1000	
3408	NGUYEN THI NGOC TUYEN	25XX774	20,000	Top 1000	
3409	NONG THI THEU	24XX729	20,000	Top 1000	
3410	NGUYEN THI KIM THI	24XX899	20,000	Top 1000	
3411	TRAN TRUNG HIEU	37XX079	20,000	Top 1000	
3412	VU THI MAY	59XX997	20,000	Top 1000	
3413	NGUYEN THI CAM TIEN	11XX999	20,000	Top 1000	
3414	TRAN QUOC DANH	82XX789	20,000	Top 1000	
3415	HOANG ANH CHIEN	24XX319	20,000	Top 1000	
3416	TRINH MINH HIEU	57XX002	20,000	Top 1000	
3417	NGUYEN TAT LOI	22XX833	20,000	Top 1000	
3418	NGUYEN MANH TUAN	24XX373	20,000	Top 1000	
3419	TA THI THU THUY	21XX979	20,000	Top 1000	
3420	NGUYEN TRUNG NAM	24XX271	20,000	Top 1000	
3421	NGUYEN VAN THANH	77XX098	20,000	Top 1000	
3422	NGUYEN CONG THUAN	38XX996	20,000	Top 1000	
3423	DANG THE LUNG	86XX657	20,000	Top 1000	
3424	TRAN THI ANH TUYET	20XX965	20,000	Top 1000	
3425	PHAM HUYNH ANH TUAN	24XX625	20,000	Top 1000	
3426	DUONG TUNG DUONG	69XX123	20,000	Top 1000	
3427	NGUYEN DINH CUONG	11XX666	20,000	Top 1000	
3428	HO CAM LY	24XX355	20,000	Top 1000	
3429	DAO THANH TUAN	77XX797	20,000	Top 1000	
3430	PHAN THUY DIEP	24XX227	20,000	Top 1000	
3431	NGUYEN THI HAU	81XX979	20,000	Top 1000	
3432	LO THI NGA	24XX173	20,000	Top 1000	
3433	NGUYEN THANH DUAN	24XX056	20,000	Top 1000	
3434	NGUYEN QUOC VIET	24XX518	20,000	Top 1000	
3435	LE TUAN PHUONG	24XX032	20,000	Top 1000	
3436	LE VAN SON	97XX666	20,000	Top 1000	
3437	NGUYEN HOANG DUY	24XX662	20,000	Top 1000	
3438	TRAN VAN KHANH	43XX979	20,000	Top 1000	
3439	HOANG THI DUNG	89XX987	20,000	Top 1000	
3440	MAI LAM	29XX398	20,000	Top 1000	
3441	DANG THI BINH	69XX112	20,000	Top 1000	
3442	TRUONG THI NHAT	71XX982	20,000	Top 1000	
3443	NGUYEN TIEN HUNG	20XX996	20,000	Top 1000	
3444	NGUYEN DANG DIEN	10XX983	20,000	Top 1000	
3445	HUYNH HOAI THUONG	24XX737	20,000	Top 1000	
3446	NGUYEN THI MINH THU	77XX888	20,000	Top 1000	

3447	HO DAC PHUOC	24XXX864	20,000	Top 1000	
3448	DO TRA MY	25XXX018	20,000	Top 1000	
3450	MAI NGOC CUONG	24XXX931	20,000	Top 1000	
3451	DO XUAN THANG	26XXX222	20,000	Top 1000	
3452	VU DUC CHIEU	26XXX975	20,000	Top 1000	
3453	NGUYEN MANH TUONG	40XXX333	20,000	Top 1000	
3454	NGUYEN VAN TOAN	20XXX999	20,000	Top 1000	
3455	DANG TUNG LAM	24XXX314	20,000	Top 1000	
3456	CAO DUY TUAT	03XXX341	20,000	Top 1000	
3457	TIEU THI NU	99XXX898	20,000	Top 1000	
3458	PHAN THI BAY	80XXX858	20,000	Top 1000	
3459	BUI DANH	24XXX229	20,000	Top 1000	
3460	TRAN THI CAM VANG	25XXX983	20,000	Top 1000	
3461	NGO TRUNG TIN	37XXX609	20,000	Top 1000	
3462	VU THI LAN	27XXX989	20,000	Top 1000	
3463	NGUYEN THI SUC	92XXX468	20,000	Top 1000	
3464	VU QUANG ANH	11XXX991	20,000	Top 1000	
3465	BUI VAN THAO	24XXX798	20,000	Top 1000	
3466	HOANG NGOC THINH	75XXX997	20,000	Top 1000	
3467	HUYNH TAN VO	27XXX001	20,000	Top 1000	
3468	TRAN THI NGOC NHI	99XXX219	20,000	Top 1000	
3469	PHAN QUOC TAY	11XXX202	20,000	Top 1000	
3470	NGUYEN TRUONG GIANG	30XXX819	20,000	Top 1000	
3471	TRAN THI BICH LIEN	24XXX494	20,000	Top 1000	
3472	NGUYEN MAI PHI	10XXX888	20,000	Top 1000	
3473	VU VAN THANG	56XXX997	20,000	Top 1000	
3474	NGUYEN THANH BINH	26XXX994	20,000	Top 1000	
3475	NGUYEN THI LAN	58XXX999	20,000	Top 1000	
3476	DO VAN PHU	68XXX985	20,000	Top 1000	
3477	NGUYEN DUY LINH	72XXX297	20,000	Top 1000	
3478	VU KHANH LINH	34XXX993	20,000	Top 1000	
3479	PHAM VAN MANH	55XXX001	20,000	Top 1000	
3480	NGUYEN THI DUYEN NHU	16XXX878	20,000	Top 1000	
3481	NGUYEN DUC ANH VIET	99XXX813	20,000	Top 1000	
3482	NGUYEN THI HUE	66XXX988	20,000	Top 1000	
3483	NGO THI KIM OANH	11XXX222	20,000	Top 1000	
3484	PHAM THI PHUONG	53XXX999	20,000	Top 1000	
3485	NGUYEN TRUNG KIEN	15XXX975	20,000	Top 1000	
3486	NGUYEN KHUONG DUY	19XXX001	20,000	Top 1000	
3487	BUI VAN DONG	24XXX989	20,000	Top 1000	
3488	NGUYEN VAN HONG	24XXX508	20,000	Top 1000	
3489	NGUYEN TRUNG HIEU	24XXX411	20,000	Top 1000	
3490	PHUNG MINH TU	10XXX988	20,000	Top 1000	
3491	LY THI CHIEN	27XXX991	20,000	Top 1000	
3492	LUONG THI LE CHI	10XXX002	20,000	Top 1000	
3493	NGUYEN VAN THAN	24XXX079	20,000	Top 1000	
3494	VU VAN TRUC	69XXX979	20,000	Top 1000	
3495	TRAN DUC TRUONG	21XXX998	20,000	Top 1000	
3496	VU DINH HUNG	18XXX888	20,000	Top 1000	
3497	DO VAN TUNG	11XXX789	20,000	Top 1000	
3498	NGUYEN LAP PHUONG	70XXX999	20,000	Top 1000	
3499	PHAM VAN SY	10XXX976	20,000	Top 1000	
3500	BUI DUC MANH	60XXX984	20,000	Top 1000	
3502	HOANG VAN NGOC	18XXX076	20,000	Top 1000	
3503	DANG HOANG QUAN	24XXX157	20,000	Top 1000	
3504	NGUYEN VAN VY	70XXX607	20,000	Top 1000	
3505	NGUYEN DUC BINH AN	98XXX001	20,000	Top 1000	
3506	TRINH THI HANH	18XXX003	20,000	Top 1000	
3507	NGUYEN GIA DUNG	27XXX001	20,000	Top 1000	
3508	PHAM ANH TUAN	40XXX844	20,000	Top 1000	
3509	HOANG KIEU MO	24XXX951	20,000	Top 1000	
3510	AI LY THO PHUOC	24XXX228	20,000	Top 1000	
3511	DANG TRUNG DUC	19XXX997	20,000	Top 1000	

3512	TRAN THI TUYET	90XXX768	20,000	Top 1000	
3513	LY THI LUONG NHI	31XXX868	20,000	Top 1000	
3514	NGUYEN NGOC ANH	24XXX532	20,000	Top 1000	
3515	BUI VAN CHUNG	24XXX637	20,000	Top 1000	
3516	NGUYEN VAN HOANG	24XXX786	20,000	Top 1000	
3517	NGUYEN THI HANH	40XXX788	20,000	Top 1000	
3518	PHAN HUU ANH	22XXX002	20,000	Top 1000	
3519	NGUYEN VAN DUC	56XXX556	20,000	Top 1000	
3520	BUI THI HAU	24XXX656	20,000	Top 1000	
3521	BUI THI THU HUYEN	53XXX081	20,000	Top 1000	
3522	HOANG THI HA	18XXX998	20,000	Top 1000	
3523	NGUYEN PHUONG NHI	11XXX003	20,000	Top 1000	
3524	VO HOANG THU	33XXX103	20,000	Top 1000	
3525	TRAN HOANG PHUC	52XXX299	20,000	Top 1000	
3526	TONG THI THANH	24XXX069	20,000	Top 1000	
3527	PHAM THI LAN	60XXX422	20,000	Top 1000	
3528	PHAM VAN VUONG	24XXX937	20,000	Top 1000	
3529	NGUYEN QUYNH ANH	24XXX793	20,000	Top 1000	
3530	NGUYEN THI THANH	61XXX999	20,000	Top 1000	
3531	PHAM DOAN NHA	33XXX715	20,000	Top 1000	
3532	VU TRONG HOANG	24XXX826	20,000	Top 1000	
3533	DO VAN TRUNG	79XXX888	20,000	Top 1000	
3534	LE QUOC TOAN	24XXX972	20,000	Top 1000	
3535	BUI THANH DOAN	24XXX099	20,000	Top 1000	
3536	NGUYEN VAN THAI	39XXX789	20,000	Top 1000	
3537	PHAM THI DUNG	11XXX666	20,000	Top 1000	
3538	NGUYEN THI THUY LINH	24XXX084	20,000	Top 1000	
3539	TRAN THI THUONG	24XXX812	20,000	Top 1000	
3540	BUI THI PHONG	24XXX088	20,000	Top 1000	
3541	NGUYEN QUANG BAC	62XXX999	20,000	Top 1000	
3542	CHU KHANH LINH	81XXX888	20,000	Top 1000	
3543	TRAN QUOC LINH	21XXX722	20,000	Top 1000	
3544	DO VAN THAO	16XXX307	20,000	Top 1000	
3545	HOANG THI NGOC ANH	55XXX997	20,000	Top 1000	
3546	DINH THI HANG	24XXX296	20,000	Top 1000	
3547	PHAM XUAN DO	24XXX776	20,000	Top 1000	
3548	HOANG MANH HUONG	24XXX996	20,000	Top 1000	
3549	LE VAN LUU	24XXX383	20,000	Top 1000	
3550	DUONG VAN THANG	90XXX978	20,000	Top 1000	
3551	DOAN VAN DUNG	24XXX829	20,000	Top 1000	
3552	NGUYEN DINH TAN	12XXX678	20,000	Top 1000	
3553	NGUYEN HONG DUONG	72XXX002	20,000	Top 1000	
3554	LUU THI SA GHI	24XXX485	20,000	Top 1000	
3556	MAI HUNG THINH	84XXX618	20,000	Top 1000	
3557	NGUYEN THI PHUONG	23XXX982	20,000	Top 1000	
3558	NGUYEN HUU DONG	50XXX386	20,000	Top 1000	
3559	NGUYEN VAN CUONG	78XXX568	20,000	Top 1000	
3560	KIEU THI TUYET NHUNG	31XXX999	20,000	Top 1000	
3561	LUU QUANG TUNG	22XXX001	20,000	Top 1000	
3562	HOANG VAN TUAN	03XXX328	20,000	Top 1000	
3563	NGUYEN THI HONG HANH	86XXX888	20,000	Top 1000	
3564	DANG VAN NGHIEP	60XXX899	20,000	Top 1000	
3565	PHAM MANH HUNG	10XXX555	20,000	Top 1000	
3566	PHAM ANH QUYEN	62XXX323	20,000	Top 1000	
3567	DUONG THU HANG	86XXX003	20,000	Top 1000	
3568	VY THI YEN	24XXX937	20,000	Top 1000	
3569	DO XUAN PHONG	99XXX911	20,000	Top 1000	
3570	DUONG DUC TAN	11XXX998	20,000	Top 1000	
3571	PHAM BAO NGOC	11XXX998	20,000	Top 1000	
3572	NGUYEN VAN DONG	21XXX412	20,000	Top 1000	
3573	DINH THI LUONG	77XXX982	20,000	Top 1000	
3574	LE TRUNG KIEN	14XXX001	20,000	Top 1000	
3575	DO VAN HIEU	16XXX984	20,000	Top 1000	

3576	LE PHUOC TRUNG	52XXX994	20,000	Top 1000	
3577	HA VAN QUYET	22XXX879	20,000	Top 1000	
3578	TRAN HOANG LONG	77XXX386	20,000	Top 1000	
3579	DANG THE CUONG	19XXX999	20,000	Top 1000	
3580	HOANG VAN VIET	12XXX676	20,000	Top 1000	
3581	NGUYEN HOANG LONG	92XXX181	20,000	Top 1000	
3582	LE XUAN DUAN	69XXX692	20,000	Top 1000	
3583	MAI CHIEN MINH	09XXX789	20,000	Top 1000	
3584	NGUYEN ANH TAI	98XXX666	20,000	Top 1000	
3585	VU DUY ANH	91XXX092	20,000	Top 1000	
3586	CAM THI CAM NHU	12XXX909	20,000	Top 1000	
3587	HOANG VAN HOAN	52XXX994	20,000	Top 1000	
3588	LE THANG	15XXX003	20,000	Top 1000	
3589	TONG NGOC DUNG	25XXX989	20,000	Top 1000	
3590	BUI NGOC ANH	33XXX123	20,000	Top 1000	
3591	TRIEU VAN NAM	82XXX888	20,000	Top 1000	
3592	HA QUANG MINH	11XXX985	20,000	Top 1000	
3593	LE THI TRUNG BIEN	30XXX998	20,000	Top 1000	
3594	PHAN GIA HUY	11XXX818	20,000	Top 1000	
3595	DAO THI MAI	75XXX989	20,000	Top 1000	
3596	CAN THI HUONG QUYNH	30XXX002	20,000	Top 1000	
3597	NGUYEN THI KIM ANH	40XXX099	20,000	Top 1000	
3598	NGUYEN THI THANH	24XXX357	20,000	Top 1000	
3599	TRAN THI HONG	24XXX872	20,000	Top 1000	
3600	NGUYEN THANH HUY	24XXX041	20,000	Top 1000	
3601	MAI NGOC SON	24XXX957	20,000	Top 1000	
3602	NGUYEN VAN HUY	12XXX888	20,000	Top 1000	
3603	CAO XUAN THAO	24XXX501	20,000	Top 1000	
3604	NGUYEN HONG VAN	24XXX595	20,000	Top 1000	
3605	PHAN DINH DUNG	14XXX998	20,000	Top 1000	
3606	MAI TIEN DUNG	24XXX301	20,000	Top 1000	
3607	HUYNH THI MY NGAN	24XXX773	20,000	Top 1000	
3608	TRAN THI HUYEN TRANG	12XXX999	20,000	Top 1000	
3609	BUI THI THAO	87XXX984	20,000	Top 1000	
3610	TA THU TRA	24XXX239	20,000	Top 1000	
3611	NGO THI THANH	35XXX888	20,000	Top 1000	
3612	PHAM THI THU	89XXX996	20,000	Top 1000	
3613	TRINH VAN HAI	08XXX134	20,000	Top 1000	
3614	NGUYEN TRONG MINH	12XXX607	20,000	Top 1000	
3615	NGUYEN DINH HANH	74XXX098	20,000	Top 1000	
3616	NGUYEN THI NHUNG	24XXX697	20,000	Top 1000	
3617	PHAM VAN SANG	68XXX198	20,000	Top 1000	
3618	LE XUAN CUONG	30XXX929	20,000	Top 1000	
3619	THAN THI THU THAO	24XXX516	20,000	Top 1000	
3620	TRUONG MINH TUAN	92XXX973	20,000	Top 1000	
3621	NGUYEN THI KIM ANH	11XXX682	20,000	Top 1000	
3622	NGUYEN VAN HIEU	99XXX333	20,000	Top 1000	
3623	TRAN THI THU HUYEN	13XXX002	20,000	Top 1000	
3624	NGUYEN VAN DOAN	24XXX332	20,000	Top 1000	
3625	LUONG THI THAM	60XXX856	20,000	Top 1000	
3626	VU THI MY	93XXX666	20,000	Top 1000	
3627	NGUYEN TUAN ANH	88XXX888	20,000	Top 1000	
3628	LE THI THUY TRANG	80XXX655	20,000	Top 1000	
3629	NGUYEN THI HA	22XXX889	20,000	Top 1000	
3630	TRAN THI TRUC MAI	14XXX996	20,000	Top 1000	
3631	VU THI GAI	26XXX972	20,000	Top 1000	
3632	DUONG DANH TUAN	91XXX686	20,000	Top 1000	
3633	DANG ANH LINH	24XXX062	20,000	Top 1000	
3634	LE CONG VUONG	67XXX998	20,000	Top 1000	
3635	LE THI VAN ANH	36XXX996	20,000	Top 1000	
3636	QUAN TIEN THU	28XXX982	20,000	Top 1000	
3637	DAO THE HOAN	24XXX432	20,000	Top 1000	
3638	TRAN VAN CUONG	24XXX182	20,000	Top 1000	

3639	HA VAN LUAN	58XX994	20,000	Top 1000	
3641	LE DUY DUONG	19XX002	20,000	Top 1000	
3642	NGUYEN DUC TRUONG	47XX457	20,000	Top 1000	
3643	PHAN HUU DUONG	24XX102	20,000	Top 1000	
3644	LE DUC TAN	40XX274	20,000	Top 1000	
3645	HUYNH NGOC QUAN	99XX333	20,000	Top 1000	
3646	HA PHUC HANH	47XX699	20,000	Top 1000	
3647	NGUYEN THI NHAT	29XX996	20,000	Top 1000	
3648	DANG DUC HIEU	81XX986	20,000	Top 1000	
3649	NGUYEN THE HUNG	62XX997	20,000	Top 1000	
3650	HOANG DUC THANH	39XX999	20,000	Top 1000	
3651	NGUYEN HOANG LONG	32XX999	20,000	Top 1000	
3652	PHAM THI ANH	54XX996	20,000	Top 1000	
3653	NGUYEN VAN DUONG	24XX494	20,000	Top 1000	
3654	QUACH THI HUE	76XX989	20,000	Top 1000	
3655	NGUYEN VAN TUONG	28XX082	20,000	Top 1000	
3656	HA TRUNG HIEU	24XX933	20,000	Top 1000	
3657	NGUYEN VAN UY	18XX886	20,000	Top 1000	
3658	TRINH VAN THACH	17XX368	20,000	Top 1000	
3659	NGUYEN THI THU	22XX987	20,000	Top 1000	
3660	TRAN VAN THIET	11XX984	20,000	Top 1000	
3661	NGUYEN VAN KHOI	28XX638	20,000	Top 1000	
3662	NGUYEN MANH HA	26XX784	20,000	Top 1000	
3663	TRINH VAN HUNG	95XX975	20,000	Top 1000	
3664	LUU MANH CUONG	82XX052	20,000	Top 1000	
3665	NGUYEN DUC TRUNG	10XX658	20,000	Top 1000	
3666	HOANG SY CUONG	83XX888	20,000	Top 1000	
3667	DOAN VAN ANH	99XX333	20,000	Top 1000	
3668	DINH THI NHUNG	24XX783	20,000	Top 1000	
3669	NGUYEN THANH NAM	70XX329	20,000	Top 1000	
3670	DAO VAN DUONG	24XX107	20,000	Top 1000	
3671	NGUYEN NGOC SAU	10XX445	20,000	Top 1000	
3672	NGUYEN HUYEN ANH	60XX003	20,000	Top 1000	
3673	QUACH TRONG OANH	19XX984	20,000	Top 1000	
3674	NGUYEN THI LAN ANH	66XX998	20,000	Top 1000	
3675	LUU CONG DOAN	11XX262	20,000	Top 1000	
3676	BUI THI MUNG	50XX863	20,000	Top 1000	
3677	DU HUNG MANH	17XX689	20,000	Top 1000	
3678	LE MANH HA	39XX994	20,000	Top 1000	
3679	NGUYEN THI CAM OANH	49XX988	20,000	Top 1000	
3680	HOANG PHUONG NHI	50XX996	20,000	Top 1000	
3681	LE DUC LINH	53XX001	20,000	Top 1000	
3682	LE THI DUNG	69XX995	20,000	Top 1000	
3683	HO HIEU THAO	71XX999	20,000	Top 1000	
3684	DO TAT DUNG	25XX998	20,000	Top 1000	
3685	NGUYEN BA UY	88XX333	20,000	Top 1000	
3686	DOAN THI THUONG	44XX874	20,000	Top 1000	
3687	HOANG VAN PHUONG	26XX997	20,000	Top 1000	
3688	TRINH QUOC HOAN	23XX453	20,000	Top 1000	
3689	NGUYEN VAN DU	91XX888	20,000	Top 1000	
3690	DOAN NGOC DIEP	61XX898	20,000	Top 1000	
3691	GIAP THI QUYNH	28XX458	20,000	Top 1000	
3692	DAO VUONG LONG	23XX688	20,000	Top 1000	
3693	NGUYEN VIET CHIEN	28XX989	20,000	Top 1000	
3694	BUI HUU NOI	28XX712	20,000	Top 1000	
3695	BUI DUC DUNG	24XX428	20,000	Top 1000	
3696	NGUYEN HOANG NGOC ANH	50XX586	20,000	Top 1000	
3697	VO THI TUYET HONG	24XX265	20,000	Top 1000	
3698	LUONG VAN THAO	62XX999	20,000	Top 1000	
3699	NGUYEN DUC THANG	24XX057	20,000	Top 1000	
3700	NGUYEN LUONG KHANH LY	52XX646	20,000	Top 1000	
3701	LE QUANG QUYET	27XX001	20,000	Top 1000	
3702	LUU THI HANG	75XX989	20,000	Top 1000	

3703	VU THI HUE OANH	24XXX142	20,000	Top 1000	
3704	NGUYEN VAN GIANG	16XXX982	20,000	Top 1000	
3705	DAU QUANG VINH	50XXX999	20,000	Top 1000	
3706	VU THI HAU	16XXX796	20,000	Top 1000	
3707	PHAM MINH THI	24XXX608	20,000	Top 1000	
3708	NGUYEN VAN MANH	83XXX925	20,000	Top 1000	
3709	NGUYEN TRUNG KIEN	18XXX985	20,000	Top 1000	
3710	NGUYEN THE LONG	24XXX693	20,000	Top 1000	
3711	DINH QUANG TOAN	31XXX975	20,000	Top 1000	
3712	LUONG THI XUYEN	25XXX978	20,000	Top 1000	
3713	NGUYEN VAN VU	55XXX899	20,000	Top 1000	
3714	LE THI KIM THUY	24XXX372	20,000	Top 1000	
3715	NGUYEN THI NHUNG	11XXX099	20,000	Top 1000	
3716	PHAN ANH TUAN	99XXX333	20,000	Top 1000	
3717	LE VIET HUNG	86XXX294	20,000	Top 1000	
3718	NGUYEN VAN CUONG	46XXX997	20,000	Top 1000	
3719	NGUYEN THI ANH THUY	55XXX002	20,000	Top 1000	
3720	TRAN DANG TRUONG	74XXX999	20,000	Top 1000	
3721	LE VAN DE	41XXX992	20,000	Top 1000	
3722	LE DINH PHUOC HOANG	90XXX668	20,000	Top 1000	
3723	NGO VAN TRUONG	24XXX177	20,000	Top 1000	
3724	PHAM THI THU HANG	51XXX996	20,000	Top 1000	
3725	TRAN THI THU	63XXX006	20,000	Top 1000	
3726	THAI THI DUNG	21XXX436	20,000	Top 1000	
3727	NGUYEN VAN HANH	24XXX943	20,000	Top 1000	
3728	PHAM VAN HIEU	17XXX976	20,000	Top 1000	
3729	TRUONG DUC NAM	95XXX899	20,000	Top 1000	
3730	NGUYEN THI PHUONG	03XXX497	20,000	Top 1000	
3731	TRAN THI QUYNH	18XXX223	20,000	Top 1000	
3732	DO QUYET THANG	12XXX989	20,000	Top 1000	
3733	NGUYEN TIEN HOAN	17XXX987	20,000	Top 1000	
3734	DIEU THANH KHOI	11XXX003	20,000	Top 1000	
3735	PHAM THI QUI	73XXX993	20,000	Top 1000	
3737	NGUYEN THI HOA	96XXX125	20,000	Top 1000	
3738	DO THI MAI LINH	24XXX869	20,000	Top 1000	
3739	NGUYEN DUC THANH	32XXX993	20,000	Top 1000	
3740	HOANG THI HONG THAM	33XXX702	20,000	Top 1000	
3741	DANG THI LINH CHI	50XXX997	20,000	Top 1000	
3743	NGUYEN HUY KHUONG	90XXX062	20,000	Top 1000	
3744	BUI THI GIANG	24XXX006	20,000	Top 1000	
3745	NGUY THI HUONG	89XXX366	20,000	Top 1000	
3746	TRAN HUNG TUAN	26XXX199	20,000	Top 1000	
3747	LE THI HUONG	41XXX126	20,000	Top 1000	
3748	DOAN CONG THUAN	72XXX999	20,000	Top 1000	
3749	PHAN XA XAM	52XXX001	20,000	Top 1000	
3750	PHAM VAN TUYEN	91XXX076	20,000	Top 1000	
3751	DINH KHAC TUYEN	44XXX666	20,000	Top 1000	
3752	DINH XUAN THAO	20XXX703	20,000	Top 1000	
3753	NGUYEN DINH KHIEM	90XXX003	20,000	Top 1000	
3754	PHAM VAN TUAN	20XXX868	20,000	Top 1000	
3755	LY VAN ANH	56XXX626	20,000	Top 1000	
3756	NGUYEN THI BE NHI	67XXX899	20,000	Top 1000	
3757	TONG QUOC KHANH	24XXX263	20,000	Top 1000	
3758	HOANG VAN CONG	13XXX666	20,000	Top 1000	
3759	VU VAN HOANG	35XXX504	20,000	Top 1000	
3760	NGUYEN THI THUY LINH	57XXX201	20,000	Top 1000	
3761	NGUYEN HUU TUYEN	18XXX989	20,000	Top 1000	
3762	NGUYEN VAN CHIEN	26XXX386	20,000	Top 1000	
3763	NGUYEN THE THANG	22XXX475	20,000	Top 1000	
3764	NGUYEN THI VAN ANH	41XXX001	20,000	Top 1000	
3765	NGUYEN HUY TAN	85XXX155	20,000	Top 1000	
3766	NGUYEN THI THUY QUYNH	84XXX998	20,000	Top 1000	
3767	SON THI YEN NHI	24XXX139	20,000	Top 1000	

3768	VU THI THANH VAN	51XX982	20,000	Top 1000	
3769	NGUYEN THI THI THO	18XX781	20,000	Top 1000	
3770	PHAM VAN MANH	24XX498	20,000	Top 1000	
3771	PHAM THI VAN ANH	24XX327	20,000	Top 1000	
3772	NGUYEN THI HUYEN	24XX513	20,000	Top 1000	
3773	PHAM THI THAM	24XX825	20,000	Top 1000	
3774	NGUYEN VAN QUANG	24XX895	20,000	Top 1000	
3775	NGUYEN THI NHAN	88XX087	20,000	Top 1000	
3776	PHAM QUYNH GIANG	24XX587	20,000	Top 1000	
3777	LE THAI NGUYEN	10XX992	20,000	Top 1000	
3778	MAI THI HUONG THOM	24XX552	20,000	Top 1000	
3779	TRAN DUC VIET	94XX333	20,000	Top 1000	
3780	VU THI HUYEN TRANG	24XX608	20,000	Top 1000	
3781	CHU VAN KIM	42XX946	20,000	Top 1000	
3782	PHAM VAN QUE	10XX789	20,000	Top 1000	
3783	HA VAN NHAN	98XX311	20,000	Top 1000	
3784	DO NGOC LINH	33XX668	20,000	Top 1000	
3785	PHAM VAN TUAN	88XX666	20,000	Top 1000	
3786	VU DINH NHUONG	88XX516	20,000	Top 1000	
3787	LE KHANH DUONG	60XX476	20,000	Top 1000	
3788	PHUNG QUANG HIEP	24XX168	20,000	Top 1000	
3789	CAO DUY HONG	36XX999	20,000	Top 1000	
3790	NGUYEN THI HUE	68XX888	20,000	Top 1000	
3791	NGUYEN THI HUYNH NHU	24XX702	20,000	Top 1000	
3793	NGUYEN DUC TRI	93XX839	20,000	Top 1000	
3794	NGO NHUT THANG	24XX472	20,000	Top 1000	
3795	BUI DUC VA	11XX985	20,000	Top 1000	
3796	HOANG HUY DU	24XX737	20,000	Top 1000	
3797	HOANG DUC VAN	58XX999	20,000	Top 1000	
3798	DANG NGOC SON	39XX222	20,000	Top 1000	
3799	KIEU QUOC CUONG	44XX197	20,000	Top 1000	
3800	GIANG A HA	97XX998	20,000	Top 1000	
3801	NGUYEN VAN SON	86XX182	20,000	Top 1000	
3802	LE XUAN THUONG	24XX974	20,000	Top 1000	
3803	TRAN VAN TINH	24XX838	20,000	Top 1000	
3804	TRUONG THI KIEU MY	39XX379	20,000	Top 1000	
3805	NGUYEN HUNG	50XX196	20,000	Top 1000	
3806	BUI THI TUAN	20XX588	20,000	Top 1000	
3807	NGUYEN VAN TRUONG	26XX989	20,000	Top 1000	
3808	HUYNH THI HONG HANH	12XX105	20,000	Top 1000	
3809	DINH BAO THANG	11XX001	20,000	Top 1000	
3810	LE THI THANH HAI	99XX777	20,000	Top 1000	
3811	NGUYEN THI LUONG	13XX997	20,000	Top 1000	
3812	THAN VAN TRUONG	99XX883	20,000	Top 1000	
3813	LE MANH CUONG	68XX899	20,000	Top 1000	
3814	NGUYEN THI TINH THUONG	24XX601	20,000	Top 1000	
3815	VU QUANG TRUNG	55XX888	20,000	Top 1000	
3816	NGUYEN THI THANH	48XX995	20,000	Top 1000	
3817	DOAN VAN PHUC	10XX995	20,000	Top 1000	
3818	NGUYEN DUC THUAN	11XX999	20,000	Top 1000	
3819	DANG QUANG THAI	38XX113	20,000	Top 1000	
3820	DONG DUY TUAN	24XX878	20,000	Top 1000	
3821	VU DUC QUYEN	56XX444	20,000	Top 1000	
3822	DAO THI QUYNH	36XX003	20,000	Top 1000	
3823	NGUYEN HUU CHI	20XX202	20,000	Top 1000	
3824	NGUYEN XUAN HUNG	24XX671	20,000	Top 1000	
3825	NGUYEN TUAN ANH	99XX399	20,000	Top 1000	
3826	NGUYEN TRUNG LINH	31XX999	20,000	Top 1000	
3827	TRAN THI THOM	30XX707	20,000	Top 1000	
3828	BUI THI HA NHI	38XX606	20,000	Top 1000	
3829	NGUYEN VAN THE	12XX993	20,000	Top 1000	
3830	CHU THI TAM	33XX979	20,000	Top 1000	
3831	HO VAN KIEN	80XX998	20,000	Top 1000	

3832	TRAN THI LINH DAN	21XXX629	20,000	Top 1000	
3833	VU NGOC THANH	96XXX888	20,000	Top 1000	
3834	DANG THI NHAN	10XXX001	20,000	Top 1000	
3835	NGUYEN THE HINH	24XXX362	20,000	Top 1000	
3836	NGUYEN VAN DUY	25XXX899	20,000	Top 1000	
3837	PHAN THI HOAI	25XXX089	20,000	Top 1000	
3838	NGUYEN THI THUONG	45XXX122	20,000	Top 1000	
3839	PHAM NHAT	19XXX002	20,000	Top 1000	
3840	HOANG MANH DUY	25XXX398	20,000	Top 1000	
3841	TA DUC NAM	55XXX388	20,000	Top 1000	
3842	DUONG THI LANH	72XXX986	20,000	Top 1000	
3843	NGUYEN TRUNG DUC	25XXX592	20,000	Top 1000	
3844	PHAM VAN NAM	25XXX609	20,000	Top 1000	
3845	PHAM ANH DUC	26XXX794	20,000	Top 1000	
3846	LE TRUNG DUC	82XXX994	20,000	Top 1000	
3847	NGUYEN VAN THUAN	11XXX888	20,000	Top 1000	
3848	MAI THI TUYET	62XXX488	20,000	Top 1000	
3849	DOAN THI THUY	79XXX996	20,000	Top 1000	
3850	VO VAN HUNG	25XXX248	20,000	Top 1000	
3851	BAC CAM TUAN ANH	68XXX002	20,000	Top 1000	
3852	TRAN TUAN ANH	66XXX991	20,000	Top 1000	
3853	LE THI HONG NHUNG	99XXX333	20,000	Top 1000	
3854	HUYNH THI KIM NGAN	30XXX994	20,000	Top 1000	
3855	LAI THI HOA	25XXX987	20,000	Top 1000	
3856	DOAN DUY CUONG	61XXX999	20,000	Top 1000	
3857	BUI VAN KHA	29XXX438	20,000	Top 1000	
3858	QUACH THI ANH	98XXX003	20,000	Top 1000	
3859	BUI DANG TUAN	88XXX999	20,000	Top 1000	
3860	CAO XUAN HIEU	28XXX999	20,000	Top 1000	
3861	DO THANH TRUNG	29XXX799	20,000	Top 1000	
3862	QUANG THI THUY	25XXX931	20,000	Top 1000	
3863	TRAN ANH KIET	30XXX003	20,000	Top 1000	
3864	TRAN VAN TUNG	31XXX984	20,000	Top 1000	
3865	NGUYEN TIEN DUNG	11XXX019	20,000	Top 1000	
3866	LE VAN KIEN	25XXX253	20,000	Top 1000	
3867	LE KIM QUYEN	25XXX512	20,000	Top 1000	
3868	NGUYEN DUC THANG	97XXX888	20,000	Top 1000	
3869	HA VAN THE	31XXX994	20,000	Top 1000	
3870	DANG THI QUY	25XXX162	20,000	Top 1000	
3871	NGUYEN THI PHUONG	26XXX979	20,000	Top 1000	
3872	TRAN THUONG HOAI	33XXX003	20,000	Top 1000	
3873	PHAN THE NGOC	25XXX267	20,000	Top 1000	
3874	PHAM THANH LIEM	79XXX034	20,000	Top 1000	
3875	PHAM THI PHUONG DUNG	12XXX998	20,000	Top 1000	
3876	DUYEN THI PHUONG	60XXX303	20,000	Top 1000	
3877	PHAM THI HA	88XXX987	20,000	Top 1000	
3878	NGUYEN PHUC PHUONG	36XXX666	20,000	Top 1000	
3879	TRAN THI KIM DUNG	99XXX222	20,000	Top 1000	
3880	NGUYEN DINH ANH	70XXX597	20,000	Top 1000	
3881	DO THI NGUYET HA	10XXX402	20,000	Top 1000	
3882	NGUYEN THI DIEM MY	90XXX945	20,000	Top 1000	
3883	NGO NGOC MY	12XXX399	20,000	Top 1000	
3884	VO VIET NHAT	92XXX999	20,000	Top 1000	
3885	BAN DUC TUYEN	25XXX858	20,000	Top 1000	
3886	NGUYEN THI THUY LINH	11XXX628	20,000	Top 1000	
3887	NGUYEN DINH THANH	18XXX688	20,000	Top 1000	
3888	NGUYEN SI HUNG	26XXX999	20,000	Top 1000	
3889	DO XUAN TINH	36XXX996	20,000	Top 1000	
3890	NGUYEN THI THANH THUY	96XXX888	20,000	Top 1000	
3891	LE BICH THAO	22XXX189	20,000	Top 1000	
3892	BUI TUAN QUOC	21XXX288	20,000	Top 1000	
3893	NGUYEN THANH TU	25XXX486	20,000	Top 1000	
3894	DINH HONG DOAN	26XXX287	20,000	Top 1000	

3895	THAN DUC THANH	88XX986	20,000	Top 1000	
3896	TRINH THI HONG VAN	31XX997	20,000	Top 1000	
3897	LE VAN THUAN	33XX498	20,000	Top 1000	
3898	NGUYEN VAN HOANG	89XX444	20,000	Top 1000	
3899	LE VAN LINH	18XX985	20,000	Top 1000	
3900	CHANG MI DE	25XX241	20,000	Top 1000	
3901	LUONG LONG NHAT	21XX368	20,000	Top 1000	
3902	DINH DAC VU	11XX756	20,000	Top 1000	
3903	CONG NGUYEN TUONG VI	96XX005	20,000	Top 1000	
3904	NGUYEN VAN VINH	20XX995	20,000	Top 1000	
3905	LE VAN DAN	75XX728	20,000	Top 1000	
3906	NGUYEN THI NGOC LINH	72XX994	20,000	Top 1000	
3907	NGUYEN THI HANH NGUYEN	25XX146	20,000	Top 1000	
3908	PHAN THI DAO	25XX037	20,000	Top 1000	
3909	CU DUC HANH	39XX999	20,000	Top 1000	
3910	NGUYEN VAN LUYEN	25XX527	20,000	Top 1000	
3911	LAM THI MY DUYEN	81XX999	20,000	Top 1000	
3912	PHAN THI VINH	22XX427	20,000	Top 1000	
3913	LU THI VIEN	25XX004	20,000	Top 1000	
3914	TRAN TRUNG DUNG	11XX666	20,000	Top 1000	
3915	BUI VAN THANH	25XX268	20,000	Top 1000	
3916	NGUYEN SY BEN	65XX579	20,000	Top 1000	
3917	HA THI TRANG	25XX883	20,000	Top 1000	
3918	LE THI THUY	32XX996	20,000	Top 1000	
3919	VU HAI DANG	10XX991	20,000	Top 1000	
3920	NGUYEN THE CHUNG	25XX681	20,000	Top 1000	
3921	VU THI HONG	81XX305	20,000	Top 1000	
3922	NGUYEN VAN KHANH	16XX992	20,000	Top 1000	
3923	NGUYEN THI HANH HOA	46XX686	20,000	Top 1000	
3924	NGUYEN VAN QUY	25XX556	20,000	Top 1000	
3925	LUONG VAN TRUONG	36XX995	20,000	Top 1000	
3926	VU NGOC TUAN	25XX942	20,000	Top 1000	
3927	DANG VU CUONG	25XX371	20,000	Top 1000	
3928	TA VAN BINH	59XX922	20,000	Top 1000	
3929	LUONG THI QUANG	96XX986	20,000	Top 1000	
3930	TRAN TRUNG HIEU	33XX003	20,000	Top 1000	
3931	TRIEU VAN TY	13XX995	20,000	Top 1000	
3932	DANG BA HIEP	25XX732	20,000	Top 1000	
3933	TRAN THI NGUYET	26XX987	20,000	Top 1000	
3934	NGUYEN VAN TIEN	17XX879	20,000	Top 1000	
3935	VU THI THUY	29XX983	20,000	Top 1000	
3936	LE THI HANG	80XX922	20,000	Top 1000	
3937	PHAM THI THU HUYEN	10XX111	20,000	Top 1000	
3938	KHA KHAY NHI	15XX111	20,000	Top 1000	
3939	NGUYEN VAN HA	83XX999	20,000	Top 1000	
3940	KHONG THI ROM	70XX756	20,000	Top 1000	
3941	DUONG QUANG HUY	14XX111	20,000	Top 1000	
3942	LE XUAN HUNG	76XX983	20,000	Top 1000	
3943	VANG VAN NGOC	32XX368	20,000	Top 1000	
3944	VANG THI NGOC LAN	18XX965	20,000	Top 1000	
3945	LE DUC DUY	82XX002	20,000	Top 1000	
3946	VU HOAI NAM	88XX103	20,000	Top 1000	
3947	LY VAN MANH	25XX367	20,000	Top 1000	
3948	VU XUAN BAC	16XX333	20,000	Top 1000	
3949	TRAN VAN DOAN	88XX988	20,000	Top 1000	
3950	PHAN DINH HIEU	37XX003	20,000	Top 1000	
3951	NGO THI HUONG	25XX802	20,000	Top 1000	
3952	NGUYEN HUNG VUONG	40XX735	20,000	Top 1000	
3953	NGUYEN NGOC HUY	84XX901	20,000	Top 1000	
3954	HOANG VAN TOAN	81XX698	20,000	Top 1000	
3955	DAM VAN VIEN	50XX199	20,000	Top 1000	
3956	NGUYEN BA TAN	11XX995	20,000	Top 1000	
3957	NGUYEN TRUONG GIANG	25XX687	20,000	Top 1000	

3958	PHAM VAN KHANG	25XXX589	20,000	Top 1000	
3959	NGO VAN PHIEN	83XXX366	20,000	Top 1000	
3960	PHAN DINH DAI	43XXX357	20,000	Top 1000	
3961	NGUYEN THI THANH	25XXX528	20,000	Top 1000	
3962	TRUONG HUYNH GIA HAN	48XXX018	20,000	Top 1000	
3963	LO DUY TUNG	36XXX193	20,000	Top 1000	
3964	TA THI LAN	64XXX222	20,000	Top 1000	
3965	BUI TIEN VUONG	25XXX534	20,000	Top 1000	
3966	NGUYEN TUAN LINH	12XXX997	20,000	Top 1000	
3967	DINH THI DAM	25XXX502	20,000	Top 1000	
3968	CAO LINH LINH	80XXX994	20,000	Top 1000	
3969	NGUYEN HUU KHANH	92XXX998	20,000	Top 1000	
3970	TRIEU VAN MANH	14XXX995	20,000	Top 1000	
3971	PHAM HUU HUYNH	25XXX946	20,000	Top 1000	
3972	THAI VAN NHAN	10XXX292	20,000	Top 1000	
3973	NGO THI HUY	11XXX981	20,000	Top 1000	
3974	PHAM HONG TUYNH	11XXX488	20,000	Top 1000	
3975	PHAM MINH TRIEU	87XXX979	20,000	Top 1000	
3976	NGUYEN QUANG NHAT LONG	28XXX793	20,000	Top 1000	
3977	NGUYEN VIET ANH	25XXX327	20,000	Top 1000	
3978	PHAN VAN DUNG	25XXX158	20,000	Top 1000	
3979	TRAN THI KIM NHU	25XXX744	20,000	Top 1000	
3980	PHAM TUAN NAM	66XXX003	20,000	Top 1000	
3981	MAI THE CHUNG	47XXX982	20,000	Top 1000	
3982	VU DUC DUY	28XXX998	20,000	Top 1000	
3983	BUI THI HONG NHUNG	21XXX992	20,000	Top 1000	
3984	LO VAN THANG	12XXX991	20,000	Top 1000	
3985	TRAN NGUYEN QUOC HOANG	93XXX552	20,000	Top 1000	
3986	TRAN THI YEN	44XXX002	20,000	Top 1000	
3987	DOAN VAN HO	48XXX989	20,000	Top 1000	
3988	DANG THI TON	12XXX606	20,000	Top 1000	
3989	NGO VAN MONG	09XXX956	20,000	Top 1000	
3990	LA THI HANG	50XXX599	20,000	Top 1000	
3991	HO VAN TAM	71XXX222	20,000	Top 1000	
3992	NGUYEN THI CAM DAN	29XXX001	20,000	Top 1000	
3993	PHAM VAN TRONG	10XXX999	20,000	Top 1000	
3994	HUYNH NGOC DAT	90XXX998	20,000	Top 1000	
3995	PHAM VAN HAO	37XXX995	20,000	Top 1000	
3996	LE ANH SON	26XXX984	20,000	Top 1000	
3997	TRAN THI PHUONG	10XXX735	20,000	Top 1000	
3998	NGUYEN TRONG HUNG	21XXX997	20,000	Top 1000	
3999	LE TRI TUNG	22XXX987	20,000	Top 1000	
4000	NGUYEN VAN QUOC	99XXX777	20,000	Top 1000	
4001	NGUYEN THI CAM VAN	12XXX199	20,000	Top 1000	
4002	VU VAN THIEU	11XXX969	20,000	Top 1000	
4003	DUONG VAN TUAN	52XXX999	20,000	Top 1000	
4004	VU MINH PHUONG	96XXX626	20,000	Top 1000	
4005	NGUYEN VAN NGOC	99XXX456	20,000	Top 1000	
4006	DUONG THUY TINH	22XXX993	20,000	Top 1000	
4007	LE HUU KHUE	15XXX021	20,000	Top 1000	
4008	DINH VAN THAI	25XXX079	20,000	Top 1000	
4009	VUONG MINH BANH	12XXX888	20,000	Top 1000	
4010	SON THONG	47XXX991	20,000	Top 1000	
4011	DONG VAN SON	69XXX992	20,000	Top 1000	
4012	NGO LUU LY	77XXX003	20,000	Top 1000	
4013	NGUYEN TIEN VIET	08XXX333	20,000	Top 1000	
4014	NGUYEN THI HONG ANH	35XXX799	20,000	Top 1000	
4015	NGUYEN THE CUONG	90XXX979	20,000	Top 1000	
4016	LE THI PHUONG	25XXX686	20,000	Top 1000	
4017	NGO TIEN DAT	40XXX351	20,000	Top 1000	
4018	BIEN VAN PHUC	48XXX803	20,000	Top 1000	
4019	KHUU PHUOC CHAN	13XXX968	20,000	Top 1000	
4020	NGUYEN THI KIM CUC	25XXX663	20,000	Top 1000	

4021	PHAM HONG NHUNG	80XXX202	20,000	Top 1000	
4022	DANG THI LINH TAM	34XXX001	20,000	Top 1000	
4023	DO THI HUU	25XXX246	20,000	Top 1000	
4024	TRAN THI THUY AN	44XXX268	20,000	Top 1000	
4025	NGUYEN THI TUYET MAI	26XXX002	20,000	Top 1000	
4026	LY QUI LOC	25XXX342	20,000	Top 1000	
4027	NUNG RITH THI	25XXX242	20,000	Top 1000	
4028	NGUYEN HUU UOC	56XXX995	20,000	Top 1000	
4029	VU CONG HUNG	25XXX263	20,000	Top 1000	
4030	VU QUANG KHOA	25XXX281	20,000	Top 1000	
4031	HA VAN CONG	91XXX666	20,000	Top 1000	
4032	NGUYEN NGOC MAI	22XXX889	20,000	Top 1000	
4033	DOAN THI DIU	44XXX997	20,000	Top 1000	
4034	NGUYEN VAN NGA	25XXX634	20,000	Top 1000	
4035	DIEM THI MAN	23XXX688	20,000	Top 1000	
4036	NGO VAN HOI	21XXX981	20,000	Top 1000	
4037	LUU VAN TRUONG	25XXX908	20,000	Top 1000	
4038	NGUYEN HOAI NAM	56XXX999	20,000	Top 1000	
4039	NGUYEN HOANG THUAT	25XXX106	20,000	Top 1000	
4040	DO THI HOAI THUONG	84XXX707	20,000	Top 1000	
4041	NGUYEN THI HONG CAM	69XXX868	20,000	Top 1000	
4042	NGUYEN HOANG TAN	25XXX545	20,000	Top 1000	
4043	HUYNH TAN TAI	76XXX996	20,000	Top 1000	
4044	NGUYEN XUAN VY	54XXX003	20,000	Top 1000	
4045	NGUYEN THI NGOC HUONG	21XXX012	20,000	Top 1000	
4046	BUI VAN NHAT	25XXX566	20,000	Top 1000	
4047	NGO NGOC DAI	16XXX292	20,000	Top 1000	
4048	BUI THU TRANG	91XXX999	20,000	Top 1000	
4049	DOI SY TRUONG	07XXX136	20,000	Top 1000	
4050	NGUYEN DANG DUE	44XXX233	20,000	Top 1000	
4051	VO THANH LONG	10XXX793	20,000	Top 1000	
4052	VU XUAN PHUONG	86XXX001	20,000	Top 1000	
4053	THAN DINH UYEN KHANH	14XXX003	20,000	Top 1000	
4054	NGUYEN THI SAO	47XXX309	20,000	Top 1000	
4055	DANG VAN THUYET	30XXX272	20,000	Top 1000	
4056	NGUYEN VAN VIET	16XXX968	20,000	Top 1000	
4057	NGUYEN NHU QUYNH	88XXX998	20,000	Top 1000	
4058	TONG VU THU HUONG	26XXX986	20,000	Top 1000	
4059	HOANG XUAN HIEU	25XXX502	20,000	Top 1000	
4060	DANG THANH CHUNG	10XXX333	20,000	Top 1000	
4061	NGUYEN TUYET MINH	25XXX334	20,000	Top 1000	
4062	NGUYEN THUY DUONG	59XXX383	20,000	Top 1000	
4063	NGUYEN TRAN NGOC ANH	17XXX002	20,000	Top 1000	
4064	NGUYEN QUANG HAO	12XXX968	20,000	Top 1000	
4065	NGUYEN MINH THO	21XXX985	20,000	Top 1000	
4066	NGUYEN LAM	18XXX379	20,000	Top 1000	
4067	LE VAN LIEN	23XXX979	20,000	Top 1000	
4068	DAU THI MINH GIANG	25XXX467	20,000	Top 1000	
4069	DANG XUAN HOA	21XXX904	20,000	Top 1000	
4070	DAO VAN THIEN	25XXX418	20,000	Top 1000	
4071	NGUYEN THANH HUYNH	88XXX003	20,000	Top 1000	
4072	NGUYEN THI THU	10XXX755	20,000	Top 1000	
4073	NGUYEN THI LIEN	96XXX888	20,000	Top 1000	
4074	NGUYEN THI BICH PHUONG	10XXX019	20,000	Top 1000	
4075	QUACH VAN TOAN	90XXX986	20,000	Top 1000	
4076	TRAN THI THANH TUYEN	75XXX985	20,000	Top 1000	
4077	DIP CHI MINH	20XXX014	20,000	Top 1000	
4078	DANG THI HOAI THUONG	25XXX583	20,000	Top 1000	
4079	MA VAN GIAP	98XXX888	20,000	Top 1000	
4080	CAO THI THUY DUONG	30XXX033	20,000	Top 1000	
4081	NGUYEN VAN TUYEN	25XXX411	20,000	Top 1000	
4082	LE DINH THAM	10XXX555	20,000	Top 1000	
4083	LY THI THIEN	28XXX002	20,000	Top 1000	

4084	LE MINH THUAN	27XXX804	20,000	Top 1000	
4085	PHAM THI THU MAI	55XXX005	20,000	Top 1000	
4086	NGUYEN THI DAO	30XXX983	20,000	Top 1000	
4087	TRAN VAN PHO	25XXX084	20,000	Top 1000	
4088	VU BA TOI	66XXX999	20,000	Top 1000	
4089	PHAM ANH QUE	19XXX988	20,000	Top 1000	
4091	BUI DAO QUY	12XXX888	20,000	Top 1000	
4092	NGUYEN NI RINE	25XXX005	20,000	Top 1000	
4093	NGUYEN BA NAM	70XXX996	20,000	Top 1000	
4094	NGUYEN DUC CANH	25XXX671	20,000	Top 1000	
4095	PHAM NGOC NAM	66XXX333	20,000	Top 1000	
4096	TRAN THI KIM THUY	15XXX018	20,000	Top 1000	
4097	TRAN VAN PHUONG	88XXX636	20,000	Top 1000	
4098	NGUYEN THE HUNG	26XXX993	20,000	Top 1000	
4099	TRAN DANG MANH	98XXX003	20,000	Top 1000	
4100	LU VAN RANG	25XXX568	20,000	Top 1000	
4101	VO THI HONG	25XXX272	20,000	Top 1000	
4102	BUI GIA KHANH	35XXX003	20,000	Top 1000	
4103	LE PHU NAM	25XXX999	20,000	Top 1000	
4104	BUI VAN TINH	23XXX888	20,000	Top 1000	
4105	DINH THI QUYEN	25XXX457	20,000	Top 1000	
4106	VU NAM ANH	59XXX588	20,000	Top 1000	
4107	DINH NGUYEN HA	20XXX985	20,000	Top 1000	
4108	NGUYEN VAN DONG	36XXX999	20,000	Top 1000	
4109	LE VAN SUU	17XXX497	20,000	Top 1000	
4110	DUONG VAN MANH	15XXX999	20,000	Top 1000	
4111	NGUY VAN NGHIA	03XXX183	20,000	Top 1000	
4112	TRINH THI NANG	89XXX256	20,000	Top 1000	
4113	TRUONG CONG HUNG	23XXX979	20,000	Top 1000	
4114	BUI VAN NAM	39XXX002	20,000	Top 1000	
4115	TRAN NGOC BICH	12XXX975	20,000	Top 1000	
4116	LE VAN VI	24XXX002	20,000	Top 1000	
4117	PHAN CHAU NHAN	52XXX008	20,000	Top 1000	
4118	NGUYEN QUYNH ANH	51XXX995	20,000	Top 1000	
4119	LE KHAC LAM	22XXX996	20,000	Top 1000	
4120	LO XU LY	11XXX988	20,000	Top 1000	
4121	NGUYEN THANH CONG	60XXX863	20,000	Top 1000	
4122	PHAM MANH DUY	50XXX898	20,000	Top 1000	
4123	NGUYEN THANH HUONG	22XXX999	20,000	Top 1000	
4124	NGUYEN HOANG HIEU TRONG	19XXX879	20,000	Top 1000	
4125	NGUYEN VAN TU	71XXX866	20,000	Top 1000	
4126	PHAM VAN DONG	13XXX383	20,000	Top 1000	
4127	NGUYEN THI BAO THOA	25XXX106	20,000	Top 1000	
4128	NGUYEN NHAT TRUNG	50XXX989	20,000	Top 1000	
4129	NGUYEN LAN ANH	53XXX003	20,000	Top 1000	
4130	NGUYEN DUC TRUNG	11XXX886	20,000	Top 1000	
4131	LE THI QUYNH TRANG	80XXX003	20,000	Top 1000	
4132	NGUYEN BAO HUU	11XXX369	20,000	Top 1000	
4133	BUI THI HA	94XXX888	20,000	Top 1000	
4134	TRAN NGOC ANH TUYET	27XXX998	20,000	Top 1000	
4135	LE NGOC ANH	36XXX994	20,000	Top 1000	
4136	LE MINH HA	62XXX812	20,000	Top 1000	
4137	QUANG SON LINH	99XXX333	20,000	Top 1000	
4138	TA THI KIM THOA	25XXX785	20,000	Top 1000	
4139	NGUYEN XUAN PHONG	40XXX271	20,000	Top 1000	
4140	NGUYEN THI THUY LINH	91XXX197	20,000	Top 1000	
4141	NGUYEN THI DUNG	10XXX993	20,000	Top 1000	
4142	VU TRI VIET	20XXX301	20,000	Top 1000	
4143	PHAN THI KIM TUYEN	25XXX606	20,000	Top 1000	
4144	VU VAN VAN	87XXX988	20,000	Top 1000	
4145	TRAN THI TUYET NGAN	31XXX003	20,000	Top 1000	
4146	VU DAI DUONG	93XXX888	20,000	Top 1000	
4147	TRUONG THI THANH	36XXX999	20,000	Top 1000	

4148	NGUYEN THI NGUYET	11XX979	20,000	Top 1000	
4149	PHAM HOANG YEN	25XX548	20,000	Top 1000	
4150	DO KHAC QUANG HAI	20XX333	20,000	Top 1000	
4151	VU XUAN DINH	63XX386	20,000	Top 1000	
4152	VI VAN HUNG	11XX999	20,000	Top 1000	
4153	LE THANH TU	19XX979	20,000	Top 1000	
4154	TRINH XUAN CUONG	50XX368	20,000	Top 1000	
4155	LUU THANH XUAN	33XX989	20,000	Top 1000	
4156	NGUYEN THI MAI THUY	91XX001	20,000	Top 1000	
4157	DANG LONG HO	25XX416	20,000	Top 1000	
4158	NGUYEN THI LINH	25XX538	20,000	Top 1000	
4159	DANG DINH DUC	32XX002	20,000	Top 1000	
4160	DUONG DUC PHUONG	91XX666	20,000	Top 1000	
4161	NGUYEN TRAN VU	24XX826	20,000	Top 1000	
4162	VU VAN THUAN	66XX998	20,000	Top 1000	
4163	LE TRUONG DUY	52XX997	20,000	Top 1000	
4164	TRAN VAN DAI	25XX198	20,000	Top 1000	
4165	NGUYEN THI MY HANH	25XX241	20,000	Top 1000	
4166	NGUYEN NGOC THOM	25XX115	20,000	Top 1000	
4167	VI XUAN HIEN	34XX003	20,000	Top 1000	
4168	VU THI PHUONG	66XX909	20,000	Top 1000	
4169	TRAN MINH LAN	25XX875	20,000	Top 1000	
4170	TA XUAN HUNG	11XX888	20,000	Top 1000	
4171	TAN THI XIEM	25XX493	20,000	Top 1000	
4172	TRAN ANH DUC	90XX455	20,000	Top 1000	
4173	NGUYEN QUANG CHIEN	23XX666	20,000	Top 1000	
4174	CAO KHANH TOAN	79XX111	20,000	Top 1000	
4175	TRAN LE NHAT DAN	75XX001	20,000	Top 1000	
4176	TA NGOC KHANH	38XX689	20,000	Top 1000	
4177	DAM LE LUONG	60XX666	20,000	Top 1000	
4178	HOANG THI LE MAI	83XX999	20,000	Top 1000	
4179	TRAN QUOC ANH	65XX222	20,000	Top 1000	
4180	LE THANH HUY	10XX226	20,000	Top 1000	
4181	TA PHUC NGUYEN	50XX994	20,000	Top 1000	
4182	NGUYEN VIET KHOA	12XX003	20,000	Top 1000	
4183	DAM QUANG TRUNG	11XX991	20,000	Top 1000	
4184	NGUYEN THI TAM	25XX327	20,000	Top 1000	
4185	TRAN ANH TIEN	25XX067	20,000	Top 1000	
4186	TRAN GIA HUY	25XX115	20,000	Top 1000	
4187	HA THI THEM	25XX072	20,000	Top 1000	
4188	NGUYEN THANH HUYEN	69XX168	20,000	Top 1000	
4189	TRAN HOANG NAM	28XX996	20,000	Top 1000	
4190	TRAN VAN TUAN	83XX993	20,000	Top 1000	
4191	HA VAN HAI	25XX787	20,000	Top 1000	
4192	NHAM VAN MINH	10XX222	20,000	Top 1000	
4193	NGUYEN DUC TUYEN	25XX735	20,000	Top 1000	
4194	NGUYEN THI HUONG	81XX996	20,000	Top 1000	
4195	NGUYEN DINH DUAN	30XX368	20,000	Top 1000	
4196	VUONG DINH HUNG	10XX988	20,000	Top 1000	
4197	BUI VAN DUNG	25XX718	20,000	Top 1000	
4198	BUI QUOC CUONG	25XX094	20,000	Top 1000	
4199	DOAN NGOC HOA	81XX197	20,000	Top 1000	
4200	PHAM VAN TRINH	45XX948	20,000	Top 1000	
4201	DUONG MANH CHIEN	34XX666	20,000	Top 1000	
4202	NGUYEN THI LE TRINH	21XX041	20,000	Top 1000	
4203	THAN VAN DAT	52XX004	20,000	Top 1000	
4204	LE BA HUNG	17XX579	20,000	Top 1000	
4205	LE THI MY HUYEN	26XX799	20,000	Top 1000	
4206	LO VAN DUONG	25XX102	20,000	Top 1000	
4207	LE THI PHUONG	18XX911	20,000	Top 1000	
4208	NGUYEN PHI HOANG	22XX407	20,000	Top 1000	
4209	NGUYEN THANH VIET	25XX554	20,000	Top 1000	
4210	DIEU THI THUY LINH	25XX813	20,000	Top 1000	

4211	TRAN MANH HUNG	55XXX299	20,000	Top 1000	
4212	NGUYEN VAN DIEP	66XXX999	20,000	Top 1000	
4213	CAO HUY HOANG	81XXX196	20,000	Top 1000	
4214	NGUYEN THI PHUONG NGHI	35XXX646	20,000	Top 1000	
4215	LE KY TRUNG	03XXX953	20,000	Top 1000	
4216	TRAN XUAN HOA	33XXX996	20,000	Top 1000	
4217	VUONG KHANH HOA	25XXX727	20,000	Top 1000	
4218	TRAN ANH TUAN	33XXX968	20,000	Top 1000	
4219	NGUYEN VAN MANH	39XXX998	20,000	Top 1000	
4220	TRAN THI VINH	14XXX989	20,000	Top 1000	
4221	LU THI MEN	25XXX985	20,000	Top 1000	
4222	NGUYEN MINH THE	55XXX008	20,000	Top 1000	
4223	LE HOANG DUNG	50XXX998	20,000	Top 1000	
4224	LU THI SON	21XXX996	20,000	Top 1000	
4225	NGO THI THU THANH	25XXX426	20,000	Top 1000	
4226	NGUYEN NHU QUYNH	80XXX083	20,000	Top 1000	
4227	LE QUANG TUNG	61XXX998	20,000	Top 1000	
4228	TRUONG THI TRUC LINH	69XXX198	20,000	Top 1000	
4229	TRIEU VAN MANH	28XXX003	20,000	Top 1000	
4230	TRAN THI THANH NGAN	25XXX725	20,000	Top 1000	
4231	NGUYEN DUC QUY	37XXX565	20,000	Top 1000	
4232	VU VAN HUAN	77XXX001	20,000	Top 1000	
4233	PHAM DUY TRINH	03XXX822	20,000	Top 1000	
4234	LE THI THU HIEN	88XXX003	20,000	Top 1000	
4235	NGAN VAN DIEU	25XXX097	20,000	Top 1000	
4236	TONG THI HANH	93XXX333	20,000	Top 1000	
4237	NGUYEN THI THEM	18XXX019	20,000	Top 1000	
4238	TRAN DINH LAP	70XXX922	20,000	Top 1000	
4239	KHA THI HA LINH	69XXX003	20,000	Top 1000	
4240	NGUYEN THI TUYET MAI	33XXX776	20,000	Top 1000	
4241	PHAM THI PHUONG	25XXX339	20,000	Top 1000	
4242	TRAN THI KIM NGOC	12XXX999	20,000	Top 1000	
4243	LUONG NGOC ANH	44XXX203	20,000	Top 1000	
4244	HOANG DUY THANH	10XXX996	20,000	Top 1000	
4245	LE THI QUYNH NGAN	25XXX357	20,000	Top 1000	
4246	NGUYEN THI HIEN	25XXX817	20,000	Top 1000	
4247	TRINH THI THU HIEN	99XXX394	20,000	Top 1000	
4248	NGUYEN DUC LAM	18XXX005	20,000	Top 1000	
4249	NGUYEN AN BINH	25XXX933	20,000	Top 1000	
4250	NGUYEN QUYNH NGOC	12XXX233	20,000	Top 1000	
4251	PHAM VAN NGOC	36XXX992	20,000	Top 1000	
4252	NGUYEN TRUONG GIANG	09XXX383	20,000	Top 1000	
4253	BUI QUANG HUY	22XXX999	20,000	Top 1000	
4254	NGUYEN THI DIEP	72XXX293	20,000	Top 1000	
4255	HOANG LE GIANG	13XXX888	20,000	Top 1000	
4256	NGUYEN THI THAO	85XXX969	20,000	Top 1000	
4257	VI VAN NHUNG	25XXX448	20,000	Top 1000	
4258	NGUYEN DUC HIEP	17XXX003	20,000	Top 1000	
4259	LE VAN MANH VU	66XXX996	20,000	Top 1000	
4260	HOANG DUC CONG	77XXX999	20,000	Top 1000	
4261	TAI KHANH TOAN	25XXX547	20,000	Top 1000	
4262	BUI THI QUYNH TRANG	25XXX802	20,000	Top 1000	
4263	NGUYEN THI NHUNG	25XXX957	20,000	Top 1000	
4264	NGUYEN TU ANH	25XXX456	20,000	Top 1000	
4265	CHANG THI LY	25XXX847	20,000	Top 1000	
4266	BUI THI HOAN	25XXX955	20,000	Top 1000	
4267	BUI VAN AN	90XXX002	20,000	Top 1000	
4269	HUA THI YEN	25XXX383	20,000	Top 1000	
4270	DUONG NGUYET TRINH	51XXX898	20,000	Top 1000	
4271	NGUYEN THI HOA	25XXX479	20,000	Top 1000	
4272	NGUYEN THI THUY	25XXX269	20,000	Top 1000	
4273	HOANG THI PHUONG	25XXX696	20,000	Top 1000	
4274	TRINH THI THUY	25XXX763	20,000	Top 1000	

4275	TRAN THI LINH	25XXX936	20,000	Top 1000	
4276	NGUYEN VAN DANG	25XXX434	20,000	Top 1000	
4277	NGUYEN VAN DUC	66XXX982	20,000	Top 1000	
4278	TRUONG DUC LOI	24XXX046	20,000	Top 1000	
4279	TRIEU THUA NGUYEN	91XXX386	20,000	Top 1000	
4280	NGUYEN VAN NAM	25XXX419	20,000	Top 1000	
4281	NGUYEN HOANG PHUONG	21XXX076	20,000	Top 1000	
4282	DO THI HUYNH NHU	99XXX646	20,000	Top 1000	
4283	LE THI MAI PHUONG	88XXX298	20,000	Top 1000	
4284	LE THI PHUONG NGA	38XXX903	20,000	Top 1000	
4285	TRAN DINH HOANG	44XXX888	20,000	Top 1000	
4286	DINH THI LAN HUONG	89XXX678	20,000	Top 1000	
4287	LE THI LE TRINH	25XXX676	20,000	Top 1000	
4288	DANG THANH VAN	25XXX757	20,000	Top 1000	
4289	DANG HOANG ANH TUAN	48XXX155	20,000	Top 1000	
4290	TA KIM TUYEN	28XXX081	20,000	Top 1000	
4291	LUONG THI LAM	22XXX987	20,000	Top 1000	
4292	DINH VAN NGHIA	74XXX002	20,000	Top 1000	
4293	NGUYEN TRAN CHI HUONG	25XXX427	20,000	Top 1000	
4294	DAO NGOC ANH	15XXX696	20,000	Top 1000	
4295	LAM THI HUYEN	38XXX998	20,000	Top 1000	
4296	NGUYEN PHUC AN	12XXX147	20,000	Top 1000	
4297	NGUYEN VAN TIEN	93XXX086	20,000	Top 1000	
4298	LUONG NGOC BAO	27XXX002	20,000	Top 1000	
4299	TRUONG SI THUAN	67XXX995	20,000	Top 1000	
4300	PHAN QUOC CUONG EM	25XXX067	20,000	Top 1000	
4301	HOANG THI QUYNH	25XXX757	20,000	Top 1000	
4302	PHAM THI THUY	56XXX987	20,000	Top 1000	
4303	HOANG THI NINH	98XXX003	20,000	Top 1000	
4304	NGUYEN THI MO	44XXX995	20,000	Top 1000	
4305	NGUYEN THU HUE	38XXX197	20,000	Top 1000	
4306	NGUYEN DANH KHIEN	99XXX333	20,000	Top 1000	
4307	HONG NHAT VI	77XXX001	20,000	Top 1000	
4308	TRINH MANH BON	25XXX383	20,000	Top 1000	
4309	CA THI MOI	99XXX794	20,000	Top 1000	
4310	NGUYEN VAN HOANG	79XXX994	20,000	Top 1000	
4311	TRAN THI THU HA	69XXX113	20,000	Top 1000	
4312	TRAN CONG THINH	45XXX852	20,000	Top 1000	
4313	VU HOANG LONG	12XXX003	20,000	Top 1000	
4314	NGUYEN HUU THAO	25XXX729	20,000	Top 1000	
4315	UNG THANH HAU	88XXX163	20,000	Top 1000	
4316	DANH OANH NA	25XXX937	20,000	Top 1000	
4317	NGUYEN CHINH SU	67XXX983	20,000	Top 1000	
4318	NGUYEN NGOC PHUONG	28XXX386	20,000	Top 1000	
4319	CHANG VAN HUNG	25XXX305	20,000	Top 1000	
4320	PHAM NGOC ANH	77XXX995	20,000	Top 1000	
4321	TRAN VAN PHAP	35XXX994	20,000	Top 1000	
4322	BUI THI THUY HANG	26XXX662	20,000	Top 1000	
4323	VU TIEN DAT	29XXX868	20,000	Top 1000	
4324	NGUYEN DINH LUC	25XXX853	20,000	Top 1000	
4325	PHAM VAN HOA	52XXX986	20,000	Top 1000	
4326	NGUYEN TIEN DAT	62XXX996	20,000	Top 1000	
4327	NGO NGOC THANH	69XXX852	20,000	Top 1000	
4328	LE DINH TUNG	73XXX991	20,000	Top 1000	
4329	DANG THI SIEM	58XXX555	20,000	Top 1000	
4330	MAI XUAN THIEN	25XXX477	20,000	Top 1000	
4331	NGUYEN THI MY	22XXX991	20,000	Top 1000	
4332	DINH THI HOA	11XXX999	20,000	Top 1000	
4333	DAO DUY NGOC	38XXX268	20,000	Top 1000	
4334	NGUYEN HUY TOAN	10XXX333	20,000	Top 1000	
4335	PHAM THI MY HUYEN	11XXX018	20,000	Top 1000	
4336	TRAN THI LE BIEN	47XXX997	20,000	Top 1000	
4337	TRAN NGOC HUY	25XXX831	20,000	Top 1000	

4338	TRAN TRUNG QUAN	25XXX398	20,000	Top 1000	
4339	DINH DUY HONG	78XXX666	20,000	Top 1000	
4340	NGUYEN THI OANH	67XXX992	20,000	Top 1000	
4341	HOANG NGOC HOAI	25XXX054	20,000	Top 1000	
4342	VO HOANG LICH	25XXX043	20,000	Top 1000	
4343	PHAM QUOC TAN	25XXX263	20,000	Top 1000	
4344	GIANG VAN DUY	83XXX002	20,000	Top 1000	
4345	LE HOAI NAM	08XXX555	20,000	Top 1000	
4346	MA VAN HUONG	11XXX985	20,000	Top 1000	
4347	CHAO LAO U	52XXX505	20,000	Top 1000	
4348	LE XUAN VU	60XXX628	20,000	Top 1000	
4349	HOANG VAN THAI	68XXX983	20,000	Top 1000	
4350	NGO THANH DUONG	61XXX888	20,000	Top 1000	
4351	BUI VIET HUNG	25XXX697	20,000	Top 1000	
4352	PHAN THI MAI HOA	83XXX998	20,000	Top 1000	
4353	TRIEU QUANG TOI	11XXX181	20,000	Top 1000	
4354	NGUYEN THI NHU PHUONG	60XXX218	20,000	Top 1000	
4355	HOANG ANH DUNG	25XXX507	20,000	Top 1000	
4356	NGUYEN NGOC VUONG	29XXX978	20,000	Top 1000	
4357	DO THI HOAI THU	16XXX989	20,000	Top 1000	
4358	BUI THI NGUYEN	25XXX848	20,000	Top 1000	
4359	NGUYEN THI SEN	36XXX103	20,000	Top 1000	
4360	LE TRONG TAN	19XXX008	20,000	Top 1000	
4361	LE DUC CHINH	25XXX758	20,000	Top 1000	
4362	QUACH GIANG	30XXX099	20,000	Top 1000	
4363	LUAN VAN LOI	25XXX969	20,000	Top 1000	
4364	VU VAN HUNG	68XXX116	20,000	Top 1000	
4365	DAO THE TRUNG	19XXX789	20,000	Top 1000	
4366	NGUYEN NGOC NHI	18XXX201	20,000	Top 1000	
4367	NONG VAN TANG	25XXX856	20,000	Top 1000	
4368	BUI ANH DUNG	28XXX841	20,000	Top 1000	
4369	NGUYEN GIA NINH	46XXX389	20,000	Top 1000	
4370	NGUYEN THI HANH	19XXX581	20,000	Top 1000	
4371	LE NGOC THAO	57XXX368	20,000	Top 1000	
4372	THAO A CHUA	25XXX632	20,000	Top 1000	
4373	TAN THI HIEP	25XXX485	20,000	Top 1000	
4374	NGUYEN DUC TOAN	88XXX136	20,000	Top 1000	
4375	NGUYEN HUU TAN	48XXX893	20,000	Top 1000	
4376	NGUYEN THI HANG	82XXX999	20,000	Top 1000	
4377	DUONG THI NGOC HUE	40XXX538	20,000	Top 1000	
4378	TRUONG THI HUONG	25XXX876	20,000	Top 1000	
4379	LE THI HANH	25XXX372	20,000	Top 1000	
4380	VU DINH CHUYEN	84XXX886	20,000	Top 1000	
4381	TRIEU TIEN HUONG	35XXX666	20,000	Top 1000	
4382	NGUYEN THI NGOC BICH	50XXX342	20,000	Top 1000	
4383	NGUYEN TAN TAI	65XXX993	20,000	Top 1000	
4384	NGUYEN VAN DUNG	38XXX586	20,000	Top 1000	
4385	NGUYEN THI THUY	23XXX987	20,000	Top 1000	
4386	PHAM VAN HA	46XXX888	20,000	Top 1000	
4387	PHAN A HI	25XXX377	20,000	Top 1000	
4388	THAN VAN LUYEN	65XXX488	20,000	Top 1000	
4389	BUI THI HUONG	25XXX745	20,000	Top 1000	
4390	PHAM QUANG THIEM	29XXX868	20,000	Top 1000	
4391	KIEU THI HUYEN	34XXX988	20,000	Top 1000	
4392	HOANG VAN HONG	25XXX177	20,000	Top 1000	
4393	DOAN QUYEN ANH	25XXX302	20,000	Top 1000	
4394	DINH NGOC NAM	25XXX458	20,000	Top 1000	
4395	NGUYEN VAN DIEN	50XXX997	20,000	Top 1000	
4396	PHAM KHAC CHUONG	32XXX994	20,000	Top 1000	
4397	LE VAN DANH	25XXX748	20,000	Top 1000	
4398	NGUYEN VAN TIEN	24XXX855	20,000	Top 1000	
4399	DANG PHU QUI	25XXX864	20,000	Top 1000	
4400	NGUYEN VAN LINH	53XXX223	20,000	Top 1000	

4401	DO XUAN LUONG	62XXX002	20,000	Top 1000	
4402	TRAN THI VUI	88XXX312	20,000	Top 1000	
4403	NGUYEN DINH THANG	82XXX997	20,000	Top 1000	
4404	PHAM HAI YEN	98XXX201	20,000	Top 1000	
4405	LY HOAI DUC	18XXX884	20,000	Top 1000	
4406	NGUYEN VAN NAM	52XXX989	20,000	Top 1000	
4407	CUNG DIEU THUY	69XXX666	20,000	Top 1000	
4408	NGUYEN QUANG HAO	50XXX002	20,000	Top 1000	
4409	VU MINH HIEP	10XXX196	20,000	Top 1000	
4410	LUU VAN SON	40XXX002	20,000	Top 1000	
4411	TRAN THI HOAI PHUONG	25XXX509	20,000	Top 1000	
4412	BUI VAN THAI	25XXX058	20,000	Top 1000	
4413	TRAN THI HONG	92XXX966	20,000	Top 1000	
4414	BUI DUC LONG	32XXX994	20,000	Top 1000	
4415	KIEU VAN THAI	25XXX675	20,000	Top 1000	
4416	PHAN LINH TAM	25XXX628	20,000	Top 1000	
4417	HOANG XUAN CHUYEN	25XXX247	20,000	Top 1000	
4418	HOANG THI MINH PHUONG	19XXX998	20,000	Top 1000	
4419	VU THI BICH THAO	60XXX746	20,000	Top 1000	
4420	NGUYEN VAN HUNG	26XXX623	20,000	Top 1000	
4421	THAI KHAC CUONG	25XXX323	20,000	Top 1000	
4422	NGUYEN THI KIM NGOC	17XXX608	20,000	Top 1000	
4423	HOANG ANH TRUONG AN	80XXX992	20,000	Top 1000	
4424	HA TRAM ANH	96XXX888	20,000	Top 1000	
4425	NGUYEN THI THANH VAN	86XXX979	20,000	Top 1000	
4426	HUYNH THI CAM GIANG	25XXX736	20,000	Top 1000	
4427	TRAN VAN PHUC	25XXX627	20,000	Top 1000	
4428	NGUYEN TRAN THI THU HUONG	60XXX396	20,000	Top 1000	
4429	VU DINH NGUYEN	21XXX999	20,000	Top 1000	
4430	TRINH DUY HUNG	88XXX989	20,000	Top 1000	
4431	XA THI UYEN	25XXX684	20,000	Top 1000	
4433	BUI THI LIEU	25XXX885	20,000	Top 1000	
4434	HOANG VAN CAN	88XXX999	20,000	Top 1000	
4435	PHAM CHI NGUYEN	55XXX002	20,000	Top 1000	
4436	DANG THI HANG	25XXX342	20,000	Top 1000	
4437	VO VAN LIEP	30XXX018	20,000	Top 1000	
4438	DINH MANH VIET ANH	29XXX099	20,000	Top 1000	
4439	TRAN NGOC LINH	86XXX199	20,000	Top 1000	
4440	VO THI THUY LIEU	52XXX597	20,000	Top 1000	
4441	NGUYEN VAN LEN	62XXX999	20,000	Top 1000	
4442	NGUYEN THANH TUNG	77XXX986	20,000	Top 1000	
4443	NGUYEN TRUNG HUNG	10XXX096	20,000	Top 1000	
4444	NGUYEN HAO NAM	25XXX238	20,000	Top 1000	
4445	DOAN THI HUONG TRA	82XXX199	20,000	Top 1000	
4446	LE VAN DUNG	64XXX268	20,000	Top 1000	
4447	VANG THI TRINH	68XXX996	20,000	Top 1000	
4448	VU THI PHUONG	90XXX967	20,000	Top 1000	
4449	TRAN DINH NGHIA	12XXX988	20,000	Top 1000	
4450	VU DINH TUAN	50XXX885	20,000	Top 1000	
4451	LE HUU VAN	32XXX587	20,000	Top 1000	
4452	NGUYEN THI KIEU LINH	96XXX996	20,000	Top 1000	
4453	DIEP VAN CHAU	38XXX218	20,000	Top 1000	
4454	NGUYEN HUY BINH	38XXX971	20,000	Top 1000	
4455	NGUYEN HUYEN TRANG	88XXX995	20,000	Top 1000	
4456	NGUYEN NGOC TUAN	10XXX878	20,000	Top 1000	
4457	HOANG MINH THUY	99XXX456	20,000	Top 1000	
4458	DUONG HOANG TRA MY	25XXX182	20,000	Top 1000	
4459	TRAN VAN TU	68XXX991	20,000	Top 1000	
4460	VU DINH KHIEM	83XXX003	20,000	Top 1000	
4461	TRAN NGOC LINH	99XXX333	20,000	Top 1000	
4462	BUI DUC HUONG	09XXX981	20,000	Top 1000	
4463	NGUYEN CAM HUONG	25XXX002	20,000	Top 1000	
4464	MAC THI HONG GIANG	25XXX764	20,000	Top 1000	

4465	LUU THI MAN	25XXX817	20,000	Top 1000	
4466	BUI VAN PHUONG	25XXX985	20,000	Top 1000	
4467	NGUYEN DUY LOI	09XXX671	20,000	Top 1000	
4468	TRAN HOANG SON	25XXX518	20,000	Top 1000	
4469	LE VAN THIN	18XXX988	20,000	Top 1000	
4470	DANG HOANG DAN	26XXX302	20,000	Top 1000	
4471	NGUYEN DUC VIET	12XXX999	20,000	Top 1000	
4472	TRAN VAN TUNG	30XXX888	20,000	Top 1000	
4473	TRAN THI TUYET NHUNG	25XXX988	20,000	Top 1000	
4474	PHAM KIM TUYEN	47XXX738	20,000	Top 1000	
4475	NGUYEN THI KIM THAO	13XXX994	20,000	Top 1000	
4476	TRAN TRUNG KIEN	98XXX998	20,000	Top 1000	
4477	NGUYEN THI THANH	25XXX746	20,000	Top 1000	
4478	DANG QUOC KHANH	67XXX003	20,000	Top 1000	
4479	LO THI HIEN	25XXX736	20,000	Top 1000	
4480	LAM TAN VU	18XXX986	20,000	Top 1000	
4481	TRAN THI MY TAM	80XXX395	20,000	Top 1000	
4482	DO THI NHUNG	25XXX196	20,000	Top 1000	
4483	PHAN VAN NGHIA	10XXX999	20,000	Top 1000	
4484	VU THANH THANH HOAI	12XXX999	20,000	Top 1000	
4485	BUI THI TAM	25XXX337	20,000	Top 1000	
4486	LONG THI ANH	25XXX313	20,000	Top 1000	
4487	CAM BA NINH	24XXX003	20,000	Top 1000	
4488	VU NGOC THIEN	48XXX622	20,000	Top 1000	
4489	NGO VAN HOANG	25XXX359	20,000	Top 1000	
4490	NGUYEN THI NGA	09XXX682	20,000	Top 1000	
4491	NGUYEN HUU PHUONG	09XXX735	20,000	Top 1000	
4492	VO VAN MEN	09XXX911	20,000	Top 1000	
4493	NGUYEN VAN HIEP	09XXX182	20,000	Top 1000	
4494	DUONG NGUYEN TUNG	08XXX150	20,000	Top 1000	
4495	LE THI HUE	25XXX958	20,000	Top 1000	
4496	BUI THI HANG	09XXX512	20,000	Top 1000	
4497	PHAM THI LAN	03XXX232	20,000	Top 1000	
4498	NGUYEN THANH HUNG	03XXX427	20,000	Top 1000	
4499	NGUYEN DUY DUNG	08XXX316	20,000	Top 1000	
4500	LUONG VAN THANG	03XXX307	20,000	Top 1000	
4501	BUI VAN VAN	25XXX914	20,000	Top 1000	
4502	HA VAN DAT	25XXX209	20,000	Top 1000	
4503	PHAM VAN CHIEN	09XXX837	20,000	Top 1000	
4504	NGUYEN THI THU HUONG	25XXX048	20,000	Top 1000	
4505	NGUYEN VAN CHUNG	09XXX919	20,000	Top 1000	
4506	PHUNG THI QUYNH HOA	09XXX866	20,000	Top 1000	
4507	NGUYEN HA THUY TRANG	25XXX657	20,000	Top 1000	
4508	LE VAN HANH	09XXX579	20,000	Top 1000	
4509	DUONG THI HONG	99XXX789	20,000	Top 1000	
4510	NGUYEN THI HIEP	25XXX048	20,000	Top 1000	
4511	NGUYEN THANH PHAT	03XXX428	20,000	Top 1000	
4512	NGUYEN THI THUY HANG	25XXX991	20,000	Top 1000	
4513	DANG DINH BA	19XXX014	20,000	Top 1000	
4514	NGO THI YEN	09XXX189	20,000	Top 1000	
4515	HA THI HOA	09XXX337	20,000	Top 1000	
4516	NGUYEN DUC TRUC	04XXX004	20,000	Top 1000	
4517	NGUYEN VAN DUNG	09XXX576	20,000	Top 1000	
4518	TRAN DINH DUNG	03XXX444	20,000	Top 1000	
4519	TIEP VUONG QUYNH NHU	03XXX327	20,000	Top 1000	
4520	DANG THI TRUC QUYNH	03XXX732	20,000	Top 1000	
4521	NGO MINH DUC	25XXX503	20,000	Top 1000	
4522	NGUYEN NGOC MAI	25XXX534	20,000	Top 1000	
4523	NGUYEN VAN THIEN	09XXX426	20,000	Top 1000	
4524	NGUYEN THI HEN	92XXX994	20,000	Top 1000	
4525	TRUONG THI THAO LINH	23XXX999	20,000	Top 1000	
4526	PHAN THI CHAY	08XXX943	20,000	Top 1000	
4527	NGUYEN THI THU YEN	15XXX996	20,000	Top 1000	

4528	LUONG TRONG TINH	25XXX694	20,000	Top 1000	
4529	LY THANH SON	25XXX002	20,000	Top 1000	
4530	NGO THI NHU THAO	25XXX226	20,000	Top 1000	
4531	BUI VAN GIANG	10XXX073	20,000	Top 1000	
4532	DANG THI THAM	25XXX957	20,000	Top 1000	
4534	NGUYEN THI THANH PHUONG	62XXX666	20,000	Top 1000	
4535	HA TRONG HIEP	66XXX003	20,000	Top 1000	
4536	PHAN THI THANH TRUC	09XXX047	20,000	Top 1000	
4537	NGUYEN THI GAM	03XXX078	20,000	Top 1000	
4538	NGUYEN PHUONG NAM	11XXX002	20,000	Top 1000	
4539	NGUYEN VAN DINH	03XXX424	20,000	Top 1000	
4540	NGUYEN VAN QUYET	99XXX997	20,000	Top 1000	
4541	NGUYEN VAN NAM	10XXX238	20,000	Top 1000	
4542	TRIEU THI NGUYET	20XXX998	20,000	Top 1000	
4543	CHAU HUYNH NHAT AN	25XXX027	20,000	Top 1000	
4544	LE VUONG KHANH	25XXX646	20,000	Top 1000	
4545	TRAN KIM NGAN	25XXX925	20,000	Top 1000	
4546	DUONG VAN TRUNG	09XXX760	20,000	Top 1000	
4547	HOANG THI LE	25XXX299	20,000	Top 1000	
4548	QUAN NGOC BINH	09XXX466	20,000	Top 1000	
4549	VI HONG SON	09XXX992	20,000	Top 1000	
4550	NGUYEN VAN QUANG	09XXX393	20,000	Top 1000	
4551	NGUYEN MANH QUYNH	47XXX902	20,000	Top 1000	
4553	LE MINH TAN	25XXX366	20,000	Top 1000	
4554	DO THANH TUNG	03XXX666	20,000	Top 1000	
4555	KIM CONG DAI	03XXX986	20,000	Top 1000	
4556	DUONG THI LAN ANH	25XXX554	20,000	Top 1000	
4557	LE QUOC TRANG	03XXX369	20,000	Top 1000	
4558	NGUYEN THI THU SANG	25XXX669	20,000	Top 1000	
4559	LANG VAN TRUC	03XXX819	20,000	Top 1000	
4560	LE HOANG NGUYET ANH	09XXX738	20,000	Top 1000	
4561	NGUYEN VAN DANG	09XXX758	20,000	Top 1000	
4562	DUONG THI MUNG	09XXX015	20,000	Top 1000	
4563	NGUYEN HUU HUNG	09XXX800	20,000	Top 1000	
4564	VAN CONG DO	03XXX563	20,000	Top 1000	
4565	BUI VAN HUYNH	25XXX069	20,000	Top 1000	
4566	THACH THI THANH THAO	25XXX963	20,000	Top 1000	
4567	PHAM NGOC TUONG VY	19XXX002	20,000	Top 1000	
4568	HOANG THI THANH	03XXX494	20,000	Top 1000	
4569	HOANG THI DUONG	03XXX989	20,000	Top 1000	
4570	BUI THI PHUONG	03XXX026	20,000	Top 1000	
4571	HOANG VAN DA	26XXX929	20,000	Top 1000	
4572	NGUYEN THE TAI	17XXX065	20,000	Top 1000	
4573	PHAM THI HOA	09XXX919	20,000	Top 1000	
4574	PHAM VAN CHIEN	47XXX488	20,000	Top 1000	
4575	DO VAN TIEN	09XXX646	20,000	Top 1000	
4576	TRAN NHU HOAI	09XXX865	20,000	Top 1000	
4577	DOAN NU THANH NHAN	09XXX783	20,000	Top 1000	
4578	NONG THI NIEN	08XXX524	20,000	Top 1000	
4579	NGUYEN MANH CUONG	09XXX862	20,000	Top 1000	
4580	NGUYEN VAN LUC	09XXX557	20,000	Top 1000	
4581	NGUYEN VAN TOAN	09XXX319	20,000	Top 1000	
4582	CU VAN HAU	08XXX993	20,000	Top 1000	
4583	VU MANH CUONG	09XXX672	20,000	Top 1000	
4584	NGUYEN LE THANH DUOC	03XXX266	20,000	Top 1000	
4585	NGUYEN HOANG ANH	26XXX697	20,000	Top 1000	
4586	CAO THI QUYNH ANH	04XXX001	20,000	Top 1000	
4587	NGUYEN TRUONG SON	09XXX587	20,000	Top 1000	
4588	BUI XUAN HUY	19XXX979	20,000	Top 1000	
4589	TRAN THI PHUONG TRAM	20XXX997	20,000	Top 1000	
4590	BUI THI KHUONG	09XXX617	20,000	Top 1000	
4591	PHAN THI PHUONG	08XXX718	20,000	Top 1000	
4592	LE MINH DUC	18XXX993	20,000	Top 1000	

4593	NGUYEN VAN MINH	10XXX003	20,000	Top 1000	
4594	CAO VO QUANG	03XXX949	20,000	Top 1000	
4595	HOANG THI HANH	26XXX888	20,000	Top 1000	
4596	LE TRUNG NGOC	03XXX659	20,000	Top 1000	
4597	TA DUC DIEN	16XXX003	20,000	Top 1000	
4598	NGUYEN THI LAI	03XXX821	20,000	Top 1000	
4599	TRAN PHUC DUC	55XXX995	20,000	Top 1000	
4600	NGUYEN THANH LOC	08XXX555	20,000	Top 1000	
4601	NGO PHI OANH	03XXX007	20,000	Top 1000	
4602	NGUYEN DOAN XEP	09XXX567	20,000	Top 1000	
4603	LE THI MINH TRANG	03XXX005	20,000	Top 1000	
4604	NGUYEN KHAC DUY	09XXX393	20,000	Top 1000	
4605	DONG HUU DANG	26XXX679	20,000	Top 1000	
4606	NONG THI CAM NHUNG	09XXX934	20,000	Top 1000	
4607	LU THI LIEN	08XXX882	20,000	Top 1000	
4608	BUI VAN THANG	26XXX448	20,000	Top 1000	
4609	HA VAN SOAN	26XXX952	20,000	Top 1000	
4610	NGUYEN VAN TU	08XXX715	20,000	Top 1000	
4611	HA THI BINH	26XXX548	20,000	Top 1000	
4612	TRAN HOAI THANH	09XXX905	20,000	Top 1000	
4613	GIANG THI HO	26XXX088	20,000	Top 1000	
4614	PHAM KHAC LUAN	26XXX907	20,000	Top 1000	
4615	MAI THI TUYET TRINH	03XXX374	20,000	Top 1000	
4616	VO THI CAM TIEN	26XXX992	20,000	Top 1000	
4618	DINH HOANG QUAN	14XXX999	20,000	Top 1000	
4619	NGUYEN THI PHUONG THUY	01XXX002	20,000	Top 1000	
4620	DO THI PHUONG	26XXX853	20,000	Top 1000	
4621	PHAM DUC QUY	08XXX868	20,000	Top 1000	
4622	PHAN A TRUONG	09XXX505	20,000	Top 1000	
4623	NGUYEN THI XUAN NGOC	09XXX072	20,000	Top 1000	
4624	TAN TA MAY	09XXX274	20,000	Top 1000	
4625	MAI MANH HUNG	08XXX898	20,000	Top 1000	
4626	NGUYEN VAN TIEM	09XXX156	20,000	Top 1000	
4627	DOAN THI TRANG	03XXX442	20,000	Top 1000	
4628	TRAN VAN DUYET	09XXX096	20,000	Top 1000	
4629	NGUYEN VAN CO	09XXX193	20,000	Top 1000	
4630	LE VAN HUU TOAN	09XXX565	20,000	Top 1000	
4631	LUONG VAN HOAN	19XXX888	20,000	Top 1000	
4632	DANG NGOC DUC	09XXX188	20,000	Top 1000	
4633	DO HOANG LONG	05XXX101	20,000	Top 1000	
4634	TRAN HOAI NAM	07XXX588	20,000	Top 1000	
4635	TAN THI DIEM	08XXX543	20,000	Top 1000	
4636	LE THI QUYNH GIANG	08XXX634	20,000	Top 1000	
4637	ONG CAM CHUC	03XXX875	20,000	Top 1000	
4638	PHAN THE MINH	15XXX980	20,000	Top 1000	
4639	LE THANH HAN	10XXX253	20,000	Top 1000	
4640	TRUONG THI DONG HA	09XXX731	20,000	Top 1000	
4641	NGUYEN HOANG PHU	23XXX001	20,000	Top 1000	
4642	PHAM THANH HIEN	09XXX005	20,000	Top 1000	
4643	NGUYEN THE KIET	03XXX444	20,000	Top 1000	
4644	NGO VO NHU QUYNH	26XXX388	20,000	Top 1000	
4645	QUACH VAN CHINH	09XXX640	20,000	Top 1000	
4646	LAI THI THU NGA	12XXX082	20,000	Top 1000	
4647	DOAN THI THU HA	26XXX748	20,000	Top 1000	
4648	LE QUOC MANH	26XXX449	20,000	Top 1000	
4649	NGUYEN THI LIEN	26XXX177	20,000	Top 1000	
4650	NGUYEN MINH LUAN	99XXX810	20,000	Top 1000	
4651	NGUYEN THI THUONG	03XXX500	20,000	Top 1000	
4652	NGUYEN DUC THO	26XXX894	20,000	Top 1000	
4653	NGUYEN TRUNG TRINH	10XXX154	20,000	Top 1000	
4654	LUC VAN TAM	03XXX547	20,000	Top 1000	
4656	NGUYEN GIA KHOI	10XXX498	20,000	Top 1000	
4657	BUI VAN DU	08XXX559	20,000	Top 1000	

4658	XA VAN QUI	03XXX385	20,000	Top 1000	
4659	CHU THI THUONG	03XXX401	20,000	Top 1000	
4660	NGUYEN TUAN ANH	21XXX789	20,000	Top 1000	
4661	DINH VAN TUYEN	09XXX748	20,000	Top 1000	
4662	PHUNG QUOC HUY	03XXX163	20,000	Top 1000	
4663	TRAN TRUNG NGHIA	03XXX818	20,000	Top 1000	
4664	NGUYEN VAN TRANG	03XXX590	20,000	Top 1000	
4665	LE VAN CUONG	08XXX451	20,000	Top 1000	
4666	NGUYEN TRONG VU	03XXX821	20,000	Top 1000	
4667	CHU TUAN NAM	09XXX345	20,000	Top 1000	
4668	PHAM THI THUY AN	09XXX516	20,000	Top 1000	
4669	TA VAN DUY	26XXX161	20,000	Top 1000	
4670	LO VAN DONG	03XXX713	20,000	Top 1000	
4671	NGUYEN CONG SON	04XXX995	20,000	Top 1000	
4672	HUYNH BAO TOAN	03XXX685	20,000	Top 1000	
4673	NGUYEN THANH TINH	03XXX644	20,000	Top 1000	
4674	DANG DUONG NHUT	03XXX445	20,000	Top 1000	
4675	DINH THI HONG THUONG	09XXX858	20,000	Top 1000	
4676	DO GIA LAM	03XXX703	20,000	Top 1000	
4677	DANG MANH HUNG	14XXX987	20,000	Top 1000	
4678	AN THI PHUONG	26XXX528	20,000	Top 1000	
4679	VU VAN DONG	26XXX022	20,000	Top 1000	
4680	NGUYEN VAN THAI	26XXX389	20,000	Top 1000	
4681	DOAN THI MY LINH	03XXX852	20,000	Top 1000	
4682	LE THI BICH MY	03XXX922	20,000	Top 1000	
4683	CAO THI HIEN	66XXX888	20,000	Top 1000	
4684	LE THI CHAU	09XXX983	20,000	Top 1000	
4685	NGUYEN VAN DAI	09XXX584	20,000	Top 1000	
4686	PHAM HUY HOANG	09XXX023	20,000	Top 1000	
4687	VU XUAN HANH	16XXX735	20,000	Top 1000	
4688	NGUYEN VAN HUNG	91XXX003	20,000	Top 1000	
4689	VU THI THUY	26XXX053	20,000	Top 1000	
4690	HA THI BICH	19XXX268	20,000	Top 1000	
4691	PHAM NGUYEN GIA HAU	09XXX849	20,000	Top 1000	
4692	LE MINH THO	09XXX298	20,000	Top 1000	
4693	PHAM THI HIEU	01XXX990	20,000	Top 1000	
4694	LE XUAN HOAN	67XXX789	20,000	Top 1000	
4695	MAI LE HOANG KIM	90XXX904	20,000	Top 1000	
4696	DUONG THI TRA MY	09XXX483	20,000	Top 1000	
4697	BUI TIEN ANH DUNG	09XXX209	20,000	Top 1000	
4698	HOANG VAN HAU	03XXX940	20,000	Top 1000	
4699	PHAN HIEU TRUNG	05XXX195	20,000	Top 1000	
4700	THACH ANH BANG	03XXX010	20,000	Top 1000	
4701	LAI THI LAN ANH	03XXX283	20,000	Top 1000	
4702	DANG THI THIEN AN	09XXX195	20,000	Top 1000	
4703	THACH VU LINH	55XXX468	20,000	Top 1000	
4704	VO VAN TOAN	09XXX365	20,000	Top 1000	
4705	HA VAN HUONG	03XXX745	20,000	Top 1000	
4706	PHAN THANH TRI	09XXX107	20,000	Top 1000	
4707	PHUNG VAN VU	09XXX329	20,000	Top 1000	
4708	LE XUAN HOA	93XXX669	20,000	Top 1000	
4709	NGUYEN NGOC QUOC	07XXX684	20,000	Top 1000	
4710	PHAM THE VINH	26XXX528	20,000	Top 1000	
4711	NGUYEN TAN UYEN	09XXX854	20,000	Top 1000	
4712	NGUYEN QUYNH TRANG	09XXX423	20,000	Top 1000	
4713	PHAN VAN TRUNG	03XXX903	20,000	Top 1000	
4714	PHAM ANH DUNG	08XXX666	20,000	Top 1000	
4715	NGUYEN THI KIM CHI	03XXX544	20,000	Top 1000	
4716	NGUYEN THI HUONG	03XXX202	20,000	Top 1000	
4717	NGO THI YEN NHI	26XXX351	20,000	Top 1000	
4718	NGUYEN QUOC TUAN	09XXX101	20,000	Top 1000	
4719	LE NGOC HAI	26XXX392	20,000	Top 1000	
4720	VUONG TRUONG SON	26XXX862	20,000	Top 1000	

4721	TO VAN BAO	09XXX040	20,000	Top 1000	
4722	KIM KINH	44XXX883	20,000	Top 1000	
4723	BUI VAN THANH	26XXX023	20,000	Top 1000	
4724	PHAM THI THAO	04XXX995	20,000	Top 1000	
4725	NGUYEN MANH QUAN	93XXX679	20,000	Top 1000	
4726	NGUYEN VAN TUNG	03XXX487	20,000	Top 1000	
4727	BUI THI TRANG	26XXX872	20,000	Top 1000	
4728	NGUYEN THI LAN	26XXX681	20,000	Top 1000	
4729	TRAN THI MINH THUY	26XXX485	20,000	Top 1000	
4730	NGUYEN TUAN ANH	39XXX999	20,000	Top 1000	
4731	SAM THI HANG	25XXX666	20,000	Top 1000	
4732	HO THI THO	26XXX224	20,000	Top 1000	
4733	SUNG SEO PHU	26XXX034	20,000	Top 1000	
4734	BUI HUYEN THANH	26XXX366	20,000	Top 1000	
4735	TRAN NGOC CHAU	14XXX603	20,000	Top 1000	
4736	DUONG VAN DO	03XXX888	20,000	Top 1000	
4737	NGUYEN THI KIM NGAN	26XXX334	20,000	Top 1000	
4738	LU TAN DAT	03XXX878	20,000	Top 1000	
4739	NGUYEN MANH TUONG VY	26XXX169	20,000	Top 1000	
4740	NGUYEN THI LAN	09XXX961	20,000	Top 1000	
4741	PHAM TUAN THINH	26XXX145	20,000	Top 1000	
4742	NGUYEN CAO THANH	03XXX182	20,000	Top 1000	
4743	DUONG KHAC THIEN	86XXX999	20,000	Top 1000	
4744	PHAM NGOC DIEP	09XXX353	20,000	Top 1000	
4745	VU THI THU HIEN	26XXX523	20,000	Top 1000	
4746	PHAM THI PHUONG THAO	26XXX601	20,000	Top 1000	
4747	NGUYEN THI MAI	26XXX371	20,000	Top 1000	
4748	DONG THI THU HA	09XXX897	20,000	Top 1000	
4749	NGUYEN HUU CUONG	86XXX196	20,000	Top 1000	
4750	NGUYEN TRUNG HIEU	09XXX177	20,000	Top 1000	
4751	NGUYEN ANH TUAN	09XXX840	20,000	Top 1000	
4752	BACH VAN TUAN	09XXX200	20,000	Top 1000	
4753	NGUYEN THI NGOC DIEP	09XXX956	20,000	Top 1000	
4754	LUONG THI HAI YEN	08XXX555	20,000	Top 1000	
4755	HA VAN TIEN	09XXX190	20,000	Top 1000	
4756	PHAN THI THU HA	08XXX101	20,000	Top 1000	
4757	QUANG VAN QUY	03XXX716	20,000	Top 1000	
4758	NGUYEN TANG HUY	09XXX262	20,000	Top 1000	
4759	KHUAT HOANG MINH	09XXX622	20,000	Top 1000	
4760	BUI HOANG ANH	26XXX908	20,000	Top 1000	
4761	BUI VAN DUNG	26XXX848	20,000	Top 1000	
4762	TRAN SONG ANH NHA	09XXX246	20,000	Top 1000	
4763	TO THI LAN ANH	09XXX999	20,000	Top 1000	
4764	PHAM NGOC HAI	05XXX774	20,000	Top 1000	
4765	TRINH VIET HIEU	09XXX154	20,000	Top 1000	
4766	TRAN THUY DUNG	09XXX358	20,000	Top 1000	
4767	CHU XUAN QUANG	09XXX507	20,000	Top 1000	
4768	NGUYEN THI DAO	03XXX021	20,000	Top 1000	
4769	VU THI TRANG	03XXX280	20,000	Top 1000	
4770	NGUYEN PHONG TRAN	03XXX811	20,000	Top 1000	
4771	DO THANH NGHIA	08XXX553	20,000	Top 1000	
4772	LY HUNG DUC	09XXX743	20,000	Top 1000	
4773	DAO THUY TAM	86XXX260	20,000	Top 1000	
4774	PHAM THU HA	26XXX738	20,000	Top 1000	
4775	NGHIEM NGOC CHANH	09XXX340	20,000	Top 1000	
4776	HUYNH THI HANH	88XXX999	20,000	Top 1000	
4777	THAI DUY HUY	22XXX995	20,000	Top 1000	
4778	DANG TRAN MINH	09XXX875	20,000	Top 1000	
4780	NGUYEN THI TAM	09XXX138	20,000	Top 1000	
4781	NGUYEN THI BICH NGOC	95XXX999	20,000	Top 1000	
4782	LE MINH TAM	26XXX916	20,000	Top 1000	
4783	BUI VAN TIEN	68XXX333	20,000	Top 1000	
4784	DAM THI NHI	09XXX012	20,000	Top 1000	

4785	LY MI CA	03XXX009	20,000	Top 1000	
4786	DAO HONG QUAN	09XXX060	20,000	Top 1000	
4787	TRAN THI NHU HUYEN	09XXX861	20,000	Top 1000	
4788	HA VAN HUNG	03XXX183	20,000	Top 1000	
4789	HA VAN TIEN	09XXX877	20,000	Top 1000	
4790	NGUYEN HOANG LAM	26XXX097	20,000	Top 1000	
4791	DAO QUOC TRIEU	75XXX305	20,000	Top 1000	
4792	NGUYEN THI HUYEN	09XXX412	20,000	Top 1000	
4793	TRAN THI HANH	09XXX196	20,000	Top 1000	
4794	KA SA HA TIEN	10XXX789	20,000	Top 1000	
4795	DUONG HOA BINH	03XXX578	20,000	Top 1000	
4796	PHAM VAN BAC	26XXX119	20,000	Top 1000	
4797	NGUYEN TRI TUE	03XXX861	20,000	Top 1000	
4798	NGUYEN TRAN PHUONG VU	10XXX212	20,000	Top 1000	
4799	NGUYEN CHI THANH	03XXX489	20,000	Top 1000	
4800	NGUYEN VAN THANH	03XXX598	20,000	Top 1000	
4801	NGUYEN DANG SON	03XXX858	20,000	Top 1000	
4802	LY THI LIEN	26XXX107	20,000	Top 1000	
4803	NGUYEN HONG SON	26XXX776	20,000	Top 1000	
4804	TRAN VAN MANH	09XXX965	20,000	Top 1000	
4805	VI VAN VUI	26XXX191	20,000	Top 1000	
4806	NGUYEN NGOC BINH	03XXX176	20,000	Top 1000	
4807	NGUYEN QUANG HUNG	03XXX911	20,000	Top 1000	
4808	NGUYEN THI THANH TAN	26XXX183	20,000	Top 1000	
4809	PHAM THI PHUONG	26XXX947	20,000	Top 1000	
4810	NGO DUC NGUYEN	03XXX772	20,000	Top 1000	
4811	MAI NGUYEN TU TRINH	07XXX045	20,000	Top 1000	
4812	TRAN BA CUOM	26XXX569	20,000	Top 1000	
4813	DINH NGOC LONG	03XXX883	20,000	Top 1000	
4814	VU ANH TU	03XXX677	20,000	Top 1000	
4815	NGUYEN VAN CONG	03XXX404	20,000	Top 1000	
4816	VU THI YEN	26XXX117	20,000	Top 1000	
4817	HOANG THI THEM	03XXX721	20,000	Top 1000	
4818	QUACH VAN TAN	09XXX122	20,000	Top 1000	
4819	LY DAO CAN	03XXX969	20,000	Top 1000	
4820	AU THI YEN	08XXX988	20,000	Top 1000	
4821	VU THI HUE	03XXX695	20,000	Top 1000	
4822	NGUYEN MINH SANG	03XXX955	20,000	Top 1000	
4823	TRUONG LE THANH HAO	28XXX100	20,000	Top 1000	
4824	VUONG DAC CHAT	09XXX047	20,000	Top 1000	
4825	NGUYEN THI HONG	08XXX182	20,000	Top 1000	
4826	NGUYEN THI THUY	03XXX501	20,000	Top 1000	
4827	VO HUY CUONG	09XXX939	20,000	Top 1000	
4828	TRUONG VINH HAO	21XXX098	20,000	Top 1000	
4829	THANG CONG SENH	10XXX888	20,000	Top 1000	
4830	VO HONG QUAN	10XXX789	20,000	Top 1000	
4831	LE VAN GIANG	03XXX581	20,000	Top 1000	
4832	HO THI HOA THAO	26XXX595	20,000	Top 1000	
4833	NGUYEN THI LE	10XXX003	20,000	Top 1000	
4834	TRAN TRUNG THANH	07XXX666	20,000	Top 1000	
4835	VU VAN TRINH	64XXX002	20,000	Top 1000	
4836	NGUYEN TAN PHAP	09XXX839	20,000	Top 1000	
4837	VI VAN TIEN	03XXX295	20,000	Top 1000	
4838	DINH PHUONG NAM	30XXX999	20,000	Top 1000	
4839	PHAM THI TUYET	09XXX812	20,000	Top 1000	
4840	DAO THI QUYNH	03XXX395	20,000	Top 1000	
4841	NGUYEN THI THOM	09XXX486	20,000	Top 1000	
4842	NGUYEN HUU VAN	03XXX899	20,000	Top 1000	
4843	GIANG THI SUNG	03XXX645	20,000	Top 1000	
4844	TRUONG THI TU ANH	03XXX304	20,000	Top 1000	
4845	NGO CHAU PHUONG	08XXX850	20,000	Top 1000	
4846	DUONG THIEN TOAN	09XXX071	20,000	Top 1000	
4847	NGUYEN THI KIEU TRANG	08XXX921	20,000	Top 1000	

4848	NGUYEN VAN THANH	03XXX801	20,000	Top 1000	
4849	DAM NGOC VIEN	11XXX995	20,000	Top 1000	
4850	NGUYEN THI THOA	03XXX428	20,000	Top 1000	
4851	PHUNG DUC AN	26XXX908	20,000	Top 1000	
4852	VAN CONG DUY	68XXX974	20,000	Top 1000	
4853	LE TAN QUY	03XXX920	20,000	Top 1000	
4854	NGUYEN NGOC THINH	07XXX586	20,000	Top 1000	
4855	NGO DANG TONG	70XXX202	20,000	Top 1000	
4856	PHAN THI PHUONG	50XXX088	20,000	Top 1000	
4857	VU TRONG LUC	03XXX589	20,000	Top 1000	
4858	LE DUC NAM	03XXX138	20,000	Top 1000	
4859	LE TRAN CHI	09XXX382	20,000	Top 1000	
4860	DO THI HONG CAM	09XXX228	20,000	Top 1000	
4861	TRAN VAN QUYEN	09XXX886	20,000	Top 1000	
4862	PHAM TRONG NGUYEN	08XXX326	20,000	Top 1000	
4863	NGUYEN THI THUY DUONG	26XXX007	20,000	Top 1000	
4864	NGUYEN TRAN DANG KHOA	99XXX004	20,000	Top 1000	
4865	DO SONG TOAN	09XXX995	20,000	Top 1000	
4866	NGUYEN THI KIM CHI	03XXX747	20,000	Top 1000	
4867	TRAN ANH TAI	79XXX999	20,000	Top 1000	
4868	NGUYEN THANH NAM	09XXX941	20,000	Top 1000	
4869	LONG CHINH THO	03XXX761	20,000	Top 1000	
4870	LO TRUNG THANH	28XXX666	20,000	Top 1000	
4871	TRINH VAN HUNG	11XXX386	20,000	Top 1000	
4872	NGUYEN VAN HIEU	03XXX265	20,000	Top 1000	
4873	DANG VAN PHUOC	03XXX992	20,000	Top 1000	
4874	NGUYEN KE HOI	03XXX654	20,000	Top 1000	
4875	VU THI NHUNG	88XXX888	20,000	Top 1000	
4876	DANG ANH TUAN	03XXX222	20,000	Top 1000	
4877	NGUYEN VAN DUNG	39XXX666	20,000	Top 1000	
4878	THI NHUNG	24XXX379	20,000	Top 1000	
4879	PHAM THI HIEN	26XXX688	20,000	Top 1000	
4880	HOANG LY LIEM	33XXX203	20,000	Top 1000	
4881	VO THI NGOC HAN	90XXX904	20,000	Top 1000	
4882	HOANG VAN LUONG	09XXX593	20,000	Top 1000	
4883	NGUYEN THI LIEN	03XXX321	20,000	Top 1000	
4884	MA CONG KHU	08XXX263	20,000	Top 1000	
4885	HOANG THI NHAY	03XXX449	20,000	Top 1000	
4886	DO THI LUONG	09XXX885	20,000	Top 1000	
4887	GIANG THI PHUONG	09XXX563	20,000	Top 1000	
4888	VO VAN DOAN	03XXX837	20,000	Top 1000	
4889	HOANG VAN SON	03XXX563	20,000	Top 1000	
4890	LE GIA BAO	03XXX219	20,000	Top 1000	
4891	TRAN CONG HAN	09XXX379	20,000	Top 1000	
4892	LUONG TRUNG VIET	03XXX313	20,000	Top 1000	
4893	VAN THI HA MY	26XXX137	20,000	Top 1000	
4894	NGUYEN VAN DONG	26XXX621	20,000	Top 1000	
4895	BUI THI THUONG	26XXX799	20,000	Top 1000	
4896	TRAN MINH TUAN	88XXX185	20,000	Top 1000	
4897	NGUYEN VAN TRUNG	03XXX389	20,000	Top 1000	
4898	NGUYEN KHOA THUY	10XXX979	20,000	Top 1000	
4899	NGUYEN HOANG NHAT HUY	03XXX311	20,000	Top 1000	
4900	DO THI THU THUY	26XXX398	20,000	Top 1000	
4901	NGUYEN THI MUNG	09XXX217	20,000	Top 1000	
4902	BAN PHUC QUY	03XXX145	20,000	Top 1000	
4903	HOANG THI SON	60XXX888	20,000	Top 1000	
4904	PHAM VAN TINH	03XXX304	20,000	Top 1000	
4905	NGUYEN VAN CHINH	88XXX999	20,000	Top 1000	
4906	HOANG THI HONG VAN	03XXX936	20,000	Top 1000	
4907	NGUYEN THI HONG HANH	03XXX268	20,000	Top 1000	
4908	LE TRAN KHANH PHUONG	03XXX001	20,000	Top 1000	
4909	NGUYEN PHUOC SANG	26XXX177	20,000	Top 1000	
4910	NGUYEN DANG MINH	03XXX984	20,000	Top 1000	

4911	NGUYEN THI MAI	03XXX376	20,000	Top 1000	
4912	PHAM THI THUY AN	03XXX567	20,000	Top 1000	
4913	HOANG VAN DONG	08XXX208	20,000	Top 1000	
4914	DO TIEN TUNG	09XXX292	20,000	Top 1000	
4915	NGUYEN VIET HUNG	03XXX239	20,000	Top 1000	
4916	NGUYEN LUU MY NGOC	26XXX987	20,000	Top 1000	
4917	VU VAN HUNG	83XXX999	20,000	Top 1000	
4918	NGUYEN VAN TRUNG	03XXX114	20,000	Top 1000	
4919	NGUYEN VAN THUONG	09XXX777	20,000	Top 1000	
4920	NGO THI MAN	02XXX192	20,000	Top 1000	
4921	HOANG THI HANG	26XXX311	20,000	Top 1000	
4922	LE DINH DUC	03XXX656	20,000	Top 1000	
4923	NGUYEN THE QUOC	03XXX591	20,000	Top 1000	
4924	LAM DUC TOAN	88XXX868	20,000	Top 1000	
4925	NGUYEN TUAN LAN	09XXX249	20,000	Top 1000	
4926	DOAN PHUONG NAM	08XXX555	20,000	Top 1000	
4927	NGUYEN NGOC THUY	09XXX880	20,000	Top 1000	
4928	HOANG XUAN HA	18XXX811	20,000	Top 1000	
4929	HOANG VAN KHOA	07XXX579	20,000	Top 1000	
4930	NGUYEN HUY HAI	56XXX968	20,000	Top 1000	
4931	XA THU HIEN	08XXX151	20,000	Top 1000	
4932	PHAM VAN TAI	03XXX377	20,000	Top 1000	
4933	VU DOAN TRUONG HUY	03XXX198	20,000	Top 1000	
4934	NGUYEN THI PHUONG	03XXX830	20,000	Top 1000	
4935	NGUYEN VAN AN	03XXX869	20,000	Top 1000	
4936	NGUYEN VIET ANH	32XXX333	20,000	Top 1000	
4937	LE QUOC VINH	66XXX979	20,000	Top 1000	
4938	TRUONG THI HUYEN	09XXX465	20,000	Top 1000	
4939	VI CONG KIEN	08XXX555	20,000	Top 1000	
4940	BUI CONG TUYEN	09XXX442	20,000	Top 1000	
4941	VAY THI MAN	03XXX999	20,000	Top 1000	
4942	QUANG THI DAO	03XXX483	20,000	Top 1000	
4943	TRAN VAN HAO	08XXX344	20,000	Top 1000	
4944	LE THI HUYEN MAI	26XXX271	20,000	Top 1000	
4945	MA VAN TUYEN	03XXX116	20,000	Top 1000	
4946	NGUYEN NGOC TU	03XXX333	20,000	Top 1000	
4947	TRAN TRONG QUY	50XXX294	20,000	Top 1000	
4948	NGUYEN DUC ANH	03XXX816	20,000	Top 1000	
4949	DINH HONG QUAN	03XXX206	20,000	Top 1000	
4950	PHAM VIET KHIEM	03XXX126	20,000	Top 1000	
4951	LE NGUYEN DUC DUY	03XXX351	20,000	Top 1000	
4952	NGUYEN HUU CUONG	50XXX777	20,000	Top 1000	
4953	NGUYEN THI MY HANH	50XXX318	20,000	Top 1000	
4954	BUI NGOC THANH	22XXX003	20,000	Top 1000	
4955	LAM HUNG TRANH	09XXX720	20,000	Top 1000	
4956	NGUYEN THI HUE	03XXX998	20,000	Top 1000	
4957	NGUYEN TAN HOA	03XXX037	20,000	Top 1000	
4958	NGUYEN VAN THUY	03XXX691	20,000	Top 1000	
4959	LE XUAN THANG	09XXX360	20,000	Top 1000	
4960	NGUYEN THI THU TAM	09XXX060	20,000	Top 1000	
4961	PHAN VAN LINH	09XXX407	20,000	Top 1000	
4962	PHAM VAN SANG	03XXX512	20,000	Top 1000	
4963	DINH VAN HUY	03XXX029	20,000	Top 1000	
4964	NGUYEN VAN VU	51XXX996	20,000	Top 1000	
4965	NGUYEN VAN TINH	03XXX211	20,000	Top 1000	
4966	PHAM THUY DIEM	68XXX668	20,000	Top 1000	
4967	NGUYEN THI BICH LIEN	28XXX984	20,000	Top 1000	
4968	PHAM MINH PHUONG	51XXX966	20,000	Top 1000	
4969	LUU THI NGAN	52XXX737	20,000	Top 1000	
4970	NGUYEN THUY DUONG	52XXX447	20,000	Top 1000	
4971	NGUYEN THI HUONG	52XXX045	20,000	Top 1000	
4972	NGUYEN THI THU	52XXX488	20,000	Top 1000	
4973	DOAN THI HIEN	75XXX987	20,000	Top 1000	

4974	NGUYEN THI MAI	52XXX627	20,000	Top 1000	
4975	TRAN DUC HOANG	22XXX646	20,000	Top 1000	
4976	HOANG THANH TAM	52XXX956	20,000	Top 1000	
4977	NGUYEN HUU THANH	53XXX064	20,000	Top 1000	
4978	NGUYEN THANH KHUONG	53XXX966	20,000	Top 1000	
4979	HO DINH THUY	53XXX881	20,000	Top 1000	
4980	NGUYEN DU MINH	46XXX818	20,000	Top 1000	
4981	NGUYEN ANH THU	60XXX788	20,000	Top 1000	
4982	PHAM TUAN VAN	53XXX853	20,000	Top 1000	
4983	NGUYEN BA TIEP	08XXX090	20,000	Top 1000	
4984	DOAN THU TRANG	53XXX358	20,000	Top 1000	
4985	TRUONG THI MY	53XXX294	20,000	Top 1000	
4986	NGUYEN LE THUY TIEN	14XXX509	20,000	Top 1000	
4987	NGUYEN THI LE HANG	22XXX938	20,000	Top 1000	
4988	NGUYEN QUOC HAO	70XXX388	20,000	Top 1000	
4989	NGUYEN THI THUONG	54XXX695	20,000	Top 1000	
4990	DUONG THI YEN	94XXX426	20,000	Top 1000	
4991	NGUYEN XUAN MINH	55XXX652	20,000	Top 1000	
4992	TRAN MANH HUNG	55XXX778	20,000	Top 1000	
4993	NGUYEN VAN THANG	55XXX966	20,000	Top 1000	
4994	HA THI THAM	55XXX606	20,000	Top 1000	
4995	NGUYEN CONG BAU	55XXX888	20,000	Top 1000	
4996	NGUYEN VAN PHUONG	55XXX896	20,000	Top 1000	
4997	DANG HA GIANG	69XXX968	20,000	Top 1000	
4998	NGUYEN THANH TUNG	55XXX064	20,000	Top 1000	